

BỘ GIẢI MÃ VIDEO MẠNG

Hướng dẫn sử dụng

SPD-152

Bộ giải mã Video mạng

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền

©2022 Công ty TNHH Hanwha Vision. Bảo lưu mọi quyền.

Nhãn hiệu

Mỗi nhãn hiệu ở đây đều được đăng ký. Tên của sản phẩm này và các nhãn hiệu khác được đề cập trong hướng dẫn này là các nhãn hiệu đã đăng ký của công ty tương ứng.

Hạn chế

Văn bản này thuộc sự bảo vệ của bản quyền. Trong mọi trường hợp, không được sao chép, phân phối hoặc thay đổi dù là một phần hay toàn bộ tài liệu này nếu không có sự ủy quyền chính thức.

Từ chối trách nhiệm

Hanwha Vision cố gắng hết sức để xác minh tính toàn vẹn và chính xác của các nội dung trong tài liệu này, nhưng không cung cấp sự đảm bảo chính thức nào. Người dùng hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng tài liệu này và những kết quả sau đó.

Hanwha Vision có quyền thay đổi nội dung của tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Bảo hành

Hanwha Vision sẽ sửa chữa miễn phí một sản phẩm nếu sản phẩm đó hoạt động không bình thường khi vận hành trong điều kiện sử dụng bình thường. Thời hạn bảo hành cho các sản phẩm là 3 năm, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Hệ thống bị trục trặc do người dùng thực hiện các chương trình không liên quan đến vận hành hệ thống
- Sản phẩm thay đổi theo thời gian hoặc bị lỗi do hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng
- Các hiện tượng cảm quan không ảnh hưởng đến chất lượng và chức năng của sản phẩm (Ví dụ: âm thanh)

❖Thiết kế và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Bạn có thể tải xuống phiên bản mới nhất từ trang web của Hanwha Vision. (<https://www.HanwhaVision.com>)

❖ID quản trị viên ban đầu là “admin” và bạn cần đặt mật khẩu khi đăng nhập lần đầu tiên.

Vui lòng thay đổi mật khẩu của bạn ba tháng một lần để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và tránh thiệt hại do việc đánh cắp thông tin.

Vui lòng lưu ý người dùng tự chịu trách nhiệm về bảo mật và mọi vấn đề khác do việc quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.

tổng quan

HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng thiết bị.

Thực hiện theo mọi chỉ dẫn an toàn nêu bên dưới.

Giữ hướng dẫn vận hành này ở nơi tiện tham khảo sau này.

- 1) Đọc hướng dẫn này.
- 2) Giữ lại hướng dẫn này.
- 3) Chú ý tới tất cả các cảnh báo.
- 4) Thực hiện theo mọi chỉ dẫn.
- 5) Không sử dụng thiết bị này gần nước.
- 6) Vệ sinh vùng bị nhiễm bẩn trên bề mặt sản phẩm bằng một mảnh vải mềm, khô hoặc một mảnh vải ẩm. (Không sử dụng chất tẩy rửa hay mỹ phẩm chứa cồn, dung môi hay hoạt chất bề mặt hay thành phần chứa dầu bởi chúng có thể gây biến dạng hoặc làm hỏng sản phẩm.)
- 7) Không được chặn bất cứ khe thông khí nào. Lắp đặt theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.
- 8) Không được lắp đặt gần bất cứ nguồn nhiệt nào như bộ tản nhiệt, công-tơ nhiệt, lò nung hay các thiết bị khác (bao gồm cả bộ khuếch đại) có sinh ra nhiệt.
- 9) Không được vô hiệu hóa tính năng an toàn của loại phích cắm phân cực hay nối đất. Phích cắm phân cực có hai lá, một lá rộng hơn lá còn lại. Phích cắm nối đất có hai lá và một chạc nối đất thứ ba. Mục đích của lá rộng hay chạc thứ ba là để đảm bảo an toàn. Nếu phích cắm cung cấp không vừa với ổ điện của bạn, hãy tham vấn thợ điện để thay thế ổ điện cũ.
- 10) Bảo vệ dây nguồn để không bị dẫm lên hay kẹp, nhất là ở chỗ phích cắm, hốc cắm tiện nghi và điểm chỗ dây ra khỏi thiết bị.
- 11) Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất quy định.
- 12) Chỉ sử dụng xe đẩy, giá cán, giá ba chân, bệ hay bàn do nhà sản xuất quy định hoặc được bán kèm với thiết bị. Khi sử dụng xe đẩy, hãy thận trọng khi di chuyển cụm xe đẩy/thiết bị để tránh bị thương do xe lật đổ.



- 13) Rút phích cắm của thiết bị này khi trời có sấm sét, mưa bão hay khi không sử dụng trong khoảng thời gian dài.
- 14) Mọi tác vụ bảo trì phải do nhân viên bảo trì có trình độ thực hiện. Yêu cầu bảo trì bất cứ khi nào hỏng thiết bị, chẳng hạn như dây nguồn hay phích cắm bị hỏng, tràn chất lỏng hay có đồ vật đổ vào thiết bị, thiết bị tiếp xúc với nước mưa hay hơi ẩm, không vận hành bình thường hoặc bị đánh rơi.
- 15) Sản phẩm này được thiết kế để vận hành tương thích với Bộ cấp nguồn được chứng nhận và đánh dấu “Loại 2” hoặc “LPS” hoặc “PS2” và định mức 12 VDC, 0,92 A hoặc PoE (48 VDC), 0,27 A.
- 16) Hub mạng LAN nối dây cấp nguồn qua Ethernet (PoE) theo IEEE 802.3.af phải là Thiết bị được UL chứng nhận với đánh giá đầu ra là Nguồn điện giới hạn như định nghĩa trong UL60950-1 hoặc PS2 như định nghĩa trong UL62368-1.

GIỚI THIỆU VỀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hướng dẫn sử dụng này cung cấp thông tin cần thiết để sử dụng sản phẩm, bao gồm một giới thiệu ngắn, tên của từng bộ phận, chức năng, phương pháp kết nối và cài đặt menu. Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng sản phẩm để sử dụng đúng cách.

- Hướng dẫn này giải thích cách sử dụng sản phẩm dựa trên các giá trị và màn hình mặc định.
- Thông tin trong hướng dẫn này có thể khác nhau, tùy thuộc vào bản cập nhật phần mềm của sản phẩm và các chính sách của chúng tôi, và có thể thay đổi mà không cần thông báo cho người dùng.
- Vui lòng lưu ý chúng tôi không chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra do việc sử dụng các sản phẩm không đạt chuẩn hoặc bất kỳ sản phẩm nào khác ngoài những sản phẩm được đề cập trong hướng dẫn về không số kỹ thuật của sản phẩm.
- Nếu bạn cần mở vỏ máy và sửa chữa bên trong, vui lòng liên hệ nơi bạn mua hàng để nhận trợ giúp của chuyên gia.

GIỚI THIỆU VỀ ĐỘC GIẢ MỤC TIÊU

Hướng dẫn này bao gồm thông tin dành cho người dùng sử dụng bộ giải mã.

GIỚI THIỆU VỀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM

Người dùng sản phẩm này có thể thực hiện các thao tác sau đây:

- Giám sát thời gian thực các camera đã đăng ký với bộ giải mã

Trước khi sử dụng sản phẩm này, vui lòng đảm bảo rằng sản phẩm có phiên bản phần mềm mới nhất. Bạn có thể truy cập trang chủ sản phẩm của Hanwha Vision (<https://www.HanwhaVision.com>) để kiểm tra và tải xuống phiên bản phần mềm mới nhất.

Cảnh báo

Pin

Nếu pin bên trong sản phẩm được thay thế không đúng cách, nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra, vì vậy hãy đảm bảo rằng bạn sử dụng đúng loại pin được dùng trong sản phẩm.

Các thông số kỹ thuật của pin đang sử dụng như sau.

- Điện áp: 3V
- Dung lượng: 210 mAh
- Tải trọng tiêu chuẩn liên tục: 0,4 mA
- Nhiệt độ sử dụng: -20°C - +60°C



■ Không để pin dưới ánh nắng trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt, chẳng hạn như lò sưởi.

Nhiệt độ vận hành

Sản phẩm này vận hành trong điều kiện nhiệt độ từ 0°C đến 40°C.
Sản phẩm có thể không vận hành nếu để trong môi trường có nhiệt độ thấp hơn phạm vi nhiệt độ vận hành. Nếu điều này xảy ra, hãy thử sử dụng sản phẩm sau khi bảo quản ở nhiệt độ phòng.

Giới thiệu về Bảo mật

ID quản trị viên ban đầu là “admin” và bạn cần đặt mật khẩu khi đăng nhập lần đầu tiên.
Vui lòng thay đổi mật khẩu của bạn định kỳ ba tháng một lần để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và tránh thiệt hại do việc đánh cắp thông tin. Vui lòng lưu ý người dùng tự chịu trách nhiệm về bảo mật và mọi vấn đề khác do việc quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.

TỔNG QUAN

3

- 3 Hướng dẫn an toàn quan trọng
- 3 Giới thiệu về Hướng dẫn sử dụng
- 3 Giới thiệu về Độc giả mục tiêu
- 3 Giới thiệu về Sử dụng sản phẩm
 - 4 Cảnh báo
- 5 Nội dung
- 7 Tính năng
- 7 Kiểm tra Bộ sản phẩm
- 7 Tên và chức năng của sản phẩm

LẮP ĐẶT

8

- 8 Gắn bộ đa chuyển đổi
 - 8 Gắn vào các lỗ VESA của màn hình
 - 9 Gắn bằng đinh vít
 - 9 Gắn lên một cột

KẾT NỐI

10

- 10 Kết nối với thiết bị bên ngoài
- 10 Kết nối thiết bị USB
- 10 Kết nối với nguồn
 - 10 Kết nối Ethernet với nguồn điện
- 11 Kết nối với dây nối đất
 - 11 Khuyến nghị cho dây nối đất
- 11 Kết nối mạng
 - 11 Kết nối mạng qua Ethernet (10/100/1000BaseT)
 - 11 Kết nối với mạng bằng bộ định tuyến
 - 11 Kết nối camera mạng

BẮT ĐẦU

12

- 12 Khởi động hệ thống
- 12 Đăng nhập
- 13 Cài đặt Chế độ vận hành hệ thống
- 13 Trình hướng dẫn cài đặt
- 16 Tắt hệ thống
- 16 Khởi động lại hệ thống

TRỰC TIẾP

17

- 17 Bố cục màn hình Trực tiếp
 - 18 Kiểm tra trạng thái hệ thống
 - 18 Kiểm tra Danh sách Camera
 - 19 Menu màn hình trực tiếp
 - 20 Các biểu tượng trên màn hình Trực tiếp
 - 20 Hiển thị thông tin OSD
 - 21 Hiển thị thông tin kênh
 - 21 Kiểm tra trạng thái camera
 - 22 Cài đặt kênh
 - 22 Thay đổi chế độ phân chia
 - 22 Thay đổi tỷ lệ khung hình tổng thể
 - 23 Chế độ toàn màn hình
- 23 Thiết lập bố cục
 - 23 Kiểm tra Danh sách bố cục
 - 24 Thêm bố cục và đặt tên
 - 24 Xóa bố cục
 - 24 Thay đổi kênh và tên bố cục
 - 24 Bố cục động
 - 26 Phát trình tự bố cục
 - 26 Trình tự tự động phát
- 27 Điều khiển video camera
 - 27 Chụp
 - 27 Chế độ phát hiện nhiệt độ
 - 28 Chế độ PTZ
 - 28 Phóng to
 - 28 Âm thanh
 - 29 Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh
- 29 Kiểm soát PTZ
 - 29 Bắt đầu vận hành PTZ
 - 29 Menu kiểm soát PTZ
 - 30 Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)
 - 30 Thiết lập sẵn
 - 31 Chạy thiết lập sẵn
 - 31 Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)

THIẾT LẬP
32

- 32 Bố cục màn hình của thiết lập
- 32 Cài đặt Camera
 - 32 Thiết lập kênh
 - 35 Cài đặt camera
 - 36 Thiết lập hồ sơ
 - 39 Thiết lập mật khẩu camera
- 39 Cài đặt thiết bị
 - 39 Màn hình
- 41 Cài đặt mạng
 - 41 IP & Cổng
 - 42 Lọc IP & MAC
 - 43 HTTPS
 - 44 802.1x
 - 44 SNMP
- 45 Cài đặt hệ thống
 - 45 Ngày/Giờ/Ngôn ngữ
 - 46 Người dùng
 - 48 Quản lý hệ thống
 - 50 Nhật ký

BẮT ĐẦU TRÌNH XEM
WEB
51

- 51 Trình xem Web là gì?
 - 51 Các chức năng chính
 - 51 Các yêu cầu hệ thống
- 51 Kết nối trình xem Web
- 51 Đặt mật khẩu của bộ giải mã
- 52 Trình hướng dẫn cài đặt

TRÌNH XEM TRỰC TIẾP
54

- 54 Bố cục màn hình của Trình xem trực tiếp
- 54 Kiểm tra ID người dùng
- 55 Kiểm tra Danh sách Camera
- 55 Kiểm tra trạng thái tất cả camera
 - 55 Trạng thái trực tiếp
- 55 Thay đổi mẫu màn hình phân chia
- 56 Thiết lập bố cục
 - 56 Kiểm tra Danh sách bố cục
 - 56 Thêm bố cục
 - 56 Thay đổi các tên bố cục
 - 56 Thay đổi các kênh bố cục
 - 56 Xóa bố cục

TRÌNH XEM THIẾT LẬP
57

- 57 Bố cục màn hình của Trình xem thiết lập
- 57 Cài đặt Camera
 - 57 Thiết lập kênh
 - 57 Cài đặt camera
 - 58 Thiết lập hồ sơ
 - 59 Thiết lập mật khẩu camera
- 59 Cài đặt thiết bị
 - 59 Màn hình
- 60 Cài đặt mạng
 - 60 IP & Cổng
 - 60 Lọc IP & MAC
 - 60 HTTPS
 - 61 802.1x
 - 61 SNMP
- 61 Cài đặt hệ thống
 - 61 Ngày/Giờ/Ngôn ngữ
 - 62 Người dùng
 - 62 Quản lý hệ thống
 - 63 Nhật ký

PHỤ LỤC
64

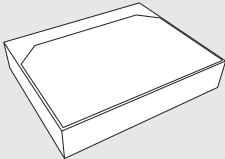
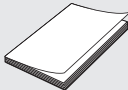
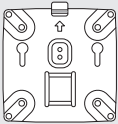
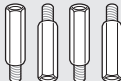
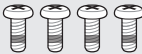
- 64 Sử dụng bàn phím ảo
- 64 Khắc phục sự cố (Câu hỏi thường gặp)

TÍNH NĂNG

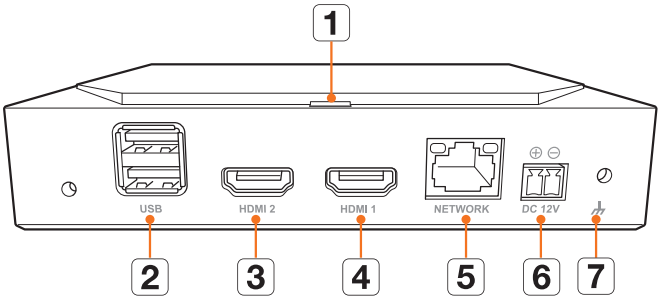
- Sản phẩm này giám sát video và âm thanh của camera mạng.
PC cung cấp môi trường để bạn có thể thiết lập sản phẩm này.
- Cung cấp giao diện người dùng 2.0 mới
 - Phát trình tự bố cục
 - Hỗ trợ các camera ảnh nhiệt/camera liên kết PTZ
 - Hỗ trợ nhiều độ phân giải camera 4K
 - Xuất hình ảnh có độ phân giải cao 4K bằng HDMI
 - Hỗ trợ đầu ra màn hình kép (mở rộng, nhân đôi)
 - Hỗ trợ chuẩn ONVIF Profile S và các giao thức RTP/RTSP
 - Phát đồng thời 64 kênh
 - Hỗ trợ giám sát trực tiếp qua camera mạng
 - Chức năng Trình hướng dẫn cài đặt (Bộ giải mã, Trình xem web)

KIỂM TRA BỘ SẢN PHẨM

Vui lòng mở gói sản phẩm và đặt sản phẩm ở nơi bằng phẳng hoặc nơi sẽ lắp đặt.
Vui lòng kiểm tra đã có những nội dung sau đây ngoài thiết bị chính.

		
Bộ giải mã	Chuột	Hướng dẫn nhanh
		
Bộ đa chuyển đổi	Cầu đầu dây	Đinh tán M4 L20 (cho lỗ VESA, 4 ea)
		
Vít M4 L8 (cho bộ đa chuyển đổi, 4 ea)	Vít M3 L6 (cho lỗ để bộ giải mã, 2 ea)	

TÊN VÀ CHỨC NĂNG CỦA SẢN PHẨM



Tên		Chức năng
1	Chỉ báo LED	Hiển thị trạng thái Bật/Tắt nguồn.
2	USB	Kết nối các thiết bị USB. (Hỗ trợ USB 2.0)
3	HDMI 2	Cổng đầu nối HDMI. • Cổng đầu nối kết nối với màn hình phụ và hỗ trợ tối đa 1920 x 1080 60 Hz.
4	HDMI 1	Cổng đầu nối HDMI. • Giắc nối kết nối với màn hình chính và hỗ trợ tối đa 3840 x 2160 30 Hz.
5	MẠNG	Cổng mạng cho các kết nối camera. • Có thể được PoE hỗ trợ.
6	DC 12V	Thiết bị đầu cuối để kết nối với nguồn điện được chỉ định.
7	Nối đất	Cổng kết nối với cáp nối đất riêng. • Để vận hành thiết bị an toàn, vui lòng bổ sung một dây nối đất.

lắp đặt

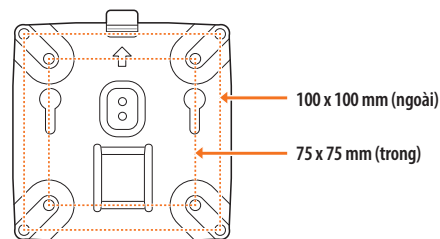
Vui lòng lưu ý những điều sau đây trước khi sử dụng sản phẩm này.

- Không sử dụng sản phẩm ngoài trời.
- Không làm đổ nước hoặc chất lỏng vào phần kết nối của sản phẩm.
- Không đặt hệ thống vào trạng thái sốc hoặc lực quá mức.
- Không kéo mạnh dây nguồn.
- Không tự ý tháo rời sản phẩm.
- Không vượt quá phạm vi đầu vào/đầu ra định mức.
- Chỉ sử dụng dây nguồn được chứng nhận.
- Đối với sản phẩm có đầu vào nối đất, hãy sử dụng phích cắm điện tiếp đất.

GẮN BỘ ĐA CHUYỂN ĐỔI

Bạn có thể gắn bộ giải mã lên các lỗ VESA của màn hình hoặc một cột sử dụng bộ đa chuyển đổi.

Bộ đa chuyển đổi hỗ trợ các tiêu chuẩn VESA sau.

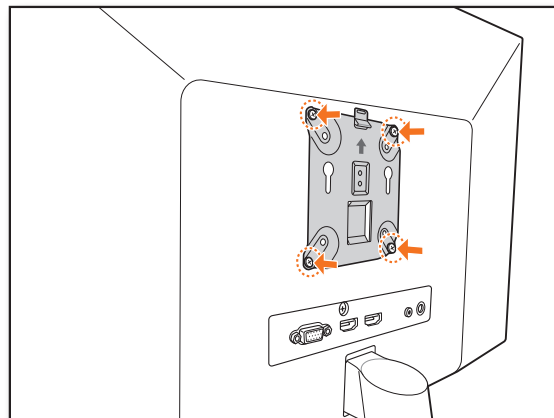


Gắn vào các lỗ VESA của màn hình

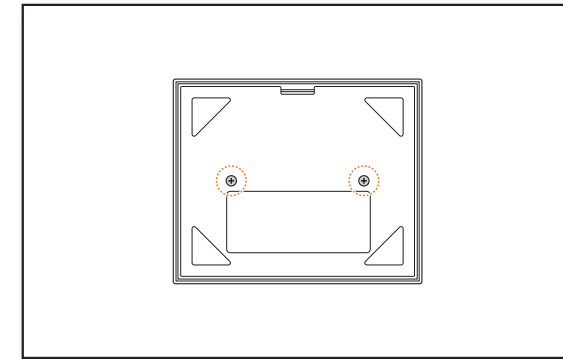
1. Cố định bộ đa chuyển đổi vào màn hình bằng cách sử dụng bốn vít M4 L8.



- Xác nhận tiêu chuẩn VESA của màn hình mà bạn định gắn bộ đa chuyển đổi.

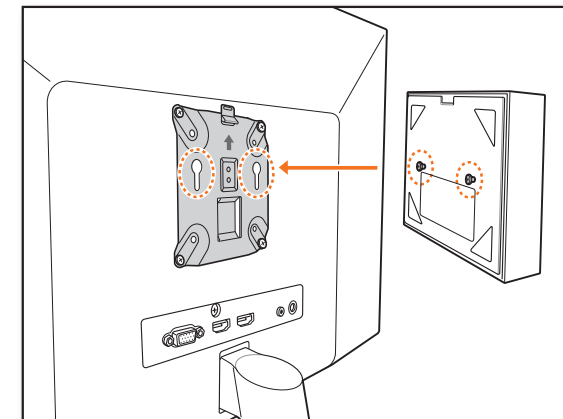


2. Xiết chặt hai vít M3 L6 vào đế của bộ giải mã.



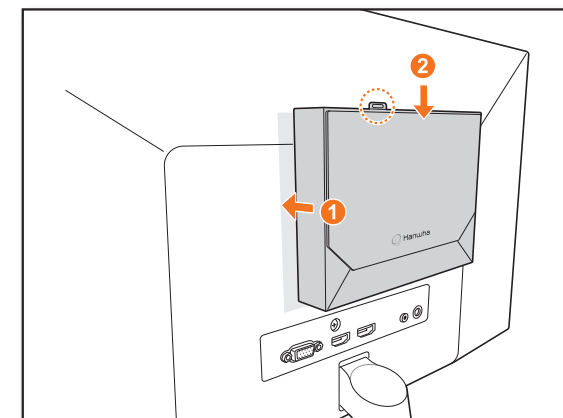
3. Đảm bảo các vít trên đế của bộ giải mã đi vào các lỗ ren của bộ đa chuyển đổi.

- Gắn bộ giải mã với thiết bị đầu cuối kết nối hướng mặt xuống dưới.



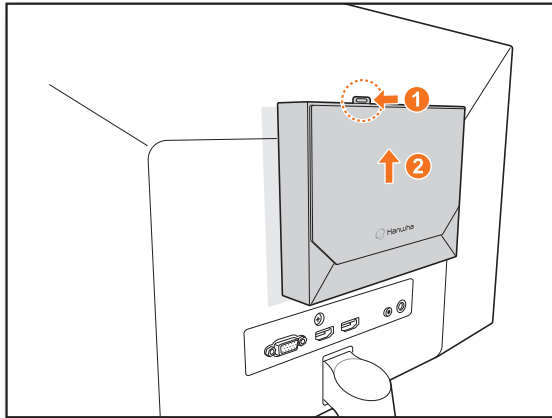
4. Ấn bộ giải mã về phía màn hình và trượt xuống để cố định.

- Ấn bộ giải mã cho đến khi lò xo kim loại của bộ đa chuyển đổi lộ ra và cố định bộ giải mã.



Ngắt kết nối bộ đa chuyển đổi

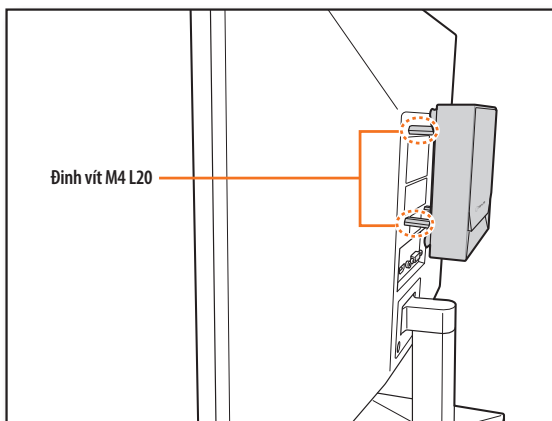
Nâng bộ giải mã lên trong khi ấn lò xo kim loại của bộ đa chuyển đổi.



Gắn bằng đinh vít

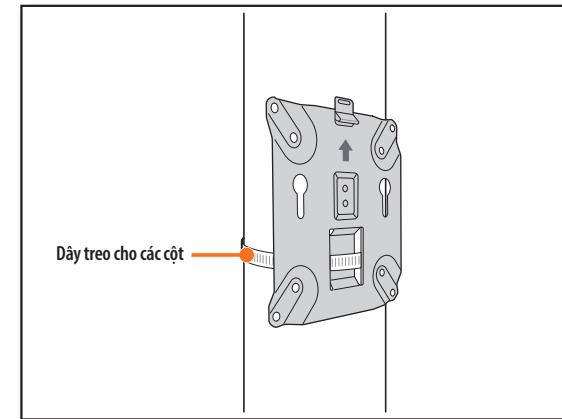
Nếu không thể gắn một bộ giải mã lên màn hình do các lỗ VESA của màn hình quá gần với chân đế hoặc thiết bị đầu cuối kết nối của màn hình. Bạn có thể sử dụng đinh vít để gắn bộ giải mã.

Xiết chặt bốn đinh vít M4 L20 trên các lỗ VESA ở mặt sau của màn hình và gắn bộ đa chuyển đổi.

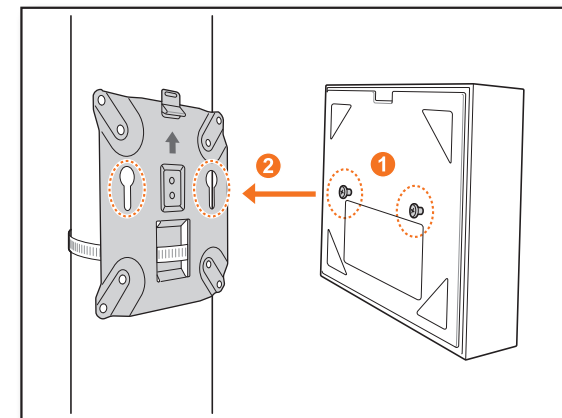


Gắn lên một cột

1. Dùng dây treo gắn bộ đa chuyển đổi lên cột.



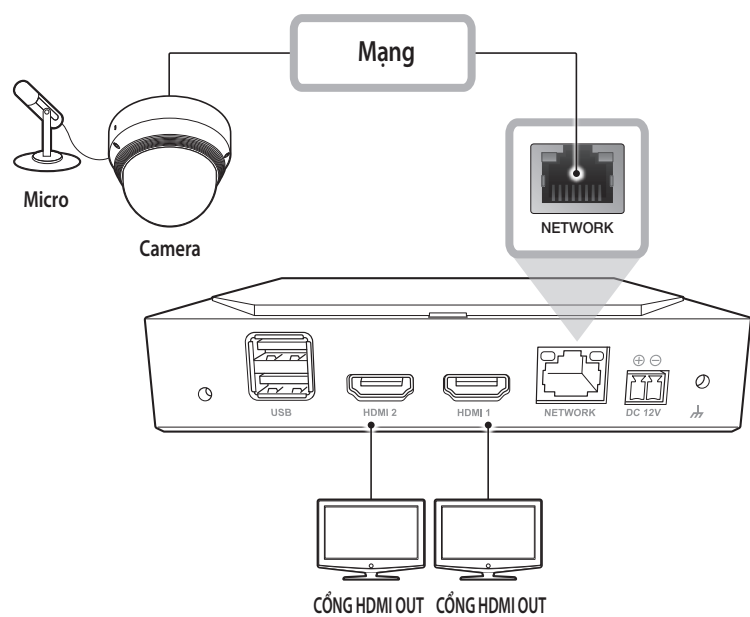
2. Xiết chặt hai vít M3 L6 trên đế của bộ giải mã và gắn bộ giải mã vào bộ đa chuyển đổi.



■ Dây treo cho các cột (SBP-100S) được bán riêng.

kết nối

KẾT NỐI VỚI THIẾT BỊ BÊN NGOÀI



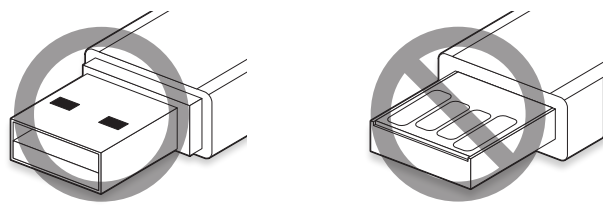
! Nguồn điện không định mức hoặc không phù hợp có thể làm hư hại hệ thống. Hãy đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng nguồn điện định mức trước khi kết nối nguồn điện với hệ thống.

KẾT NỐI THIẾT BỊ USB

1. Ở mặt trước của sản phẩm có một cổng USB.
2. Bạn có thể kết nối bộ nhớ USB hoặc chuột với cổng USB.
3. Sản phẩm hỗ trợ chức năng cắm nóng cho phép kết nối/ngắt kết nối các thiết bị USB trong khi vận hành hệ thống.

! Vui lòng kiểm tra thiết bị trước khi sử dụng vì một số thiết bị USB có thể không hoạt động bình thường vì vấn đề tương thích.

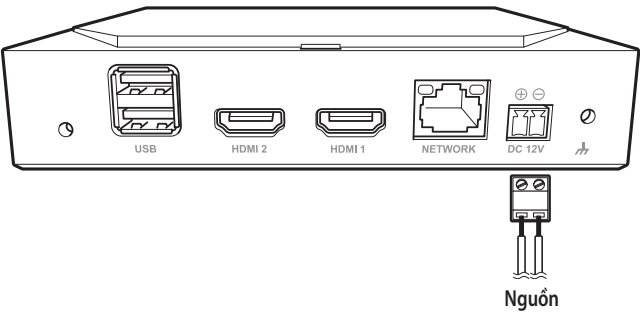
- Nếu không phát hiện được bộ nhớ USB, hãy thử định dạng nó trên menu "**Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Quản lý thông tin Cài đặt**".
- Chỉ các thiết bị lưu trữ USB tuân thủ tiêu chuẩn (có vỏ kim loại) mới được đảm bảo để truyền dữ liệu.
- Trong trường hợp các điểm tiếp xúc điện của thiết bị USB bị mòn, việc truyền dữ liệu giữa các thiết bị có thể không hoạt động bình thường.



KẾT NỐI VỚI NGUỒN

Khi sử dụng cáp ethernet thông thường, vui lòng kết nối với bộ đổi nguồn để cấp nguồn.

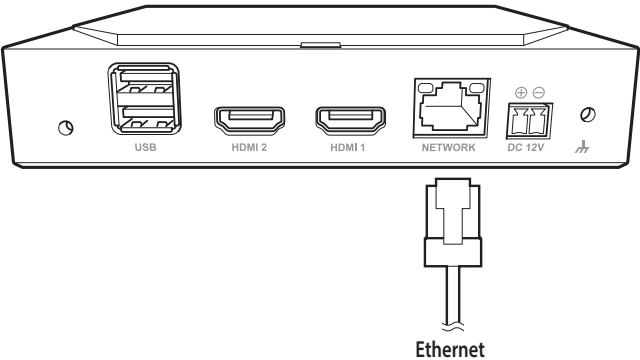
Dùng tước nơ vít kết nối các dây (+,-) của bộ đổi nguồn với cổng đầu vào nguồn điện của bộ giải mã video mạng.



Kết nối Ethernet với nguồn điện

Bạn có thể cấp nguồn riêng từ công tắc PoE mà không cần kết nối với bộ đổi nguồn.

- Vui lòng xem thông tin bên dưới để biết thông số kỹ thuật nguồn PoE.
 - Nguồn điện đang sử dụng: PoE(IEEE802.3af)



! Khi PoE và DC 12V được cấp nguồn cùng lúc, thiết bị sẽ hoạt động với nguồn bên ngoài (DC 12V).

- Nếu bạn kết nối với một bộ định tuyến hỗ trợ PoE, bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không cần kết nối với nguồn điện riêng.
- Đối với PoE, hãy sử dụng thiết bị hỗ trợ tiêu chuẩn IEEE 802.3af.

■ Hãy cẩn thận khi kết nối vì bộ chuyển đổi DC 12V có cực.

■ Khi kết nối với các thiết bị bên ngoài, hãy đảm bảo tắt nguồn thiết bị được kết nối trước khi kết nối.

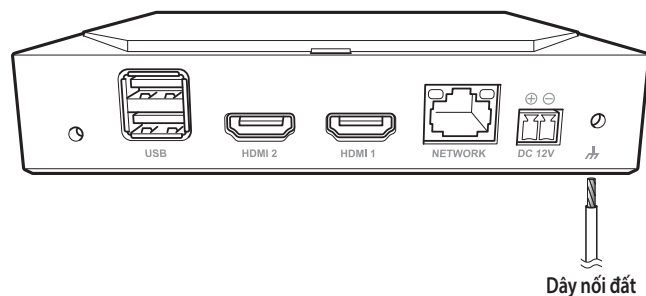
■ Kết nối bộ và đường dây nguồn của bộ chuyển đổi trước khi kết nối với ổ cắm tường 220V.

■ Không kéo dài cáp đầu ra của bộ chuyển đổi.

■ Vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ khi bạn cần kéo dài cáp nguồn.

KẾT NỐI VỚI DÂY NỐI ĐẤT

Vặn tước nơ vít trên vít FG ở phía bên phải của cổng đầu vào nguồn điện để kết nối nó với dây nối đất.



- Dây nối đất giúp bảo vệ sản phẩm không bị sét đánh.
- Khi kết nối, hãy đảm bảo tắt nguồn thiết bị được kết nối trước khi kết nối.

Khuyến nghị cho dây nối đất

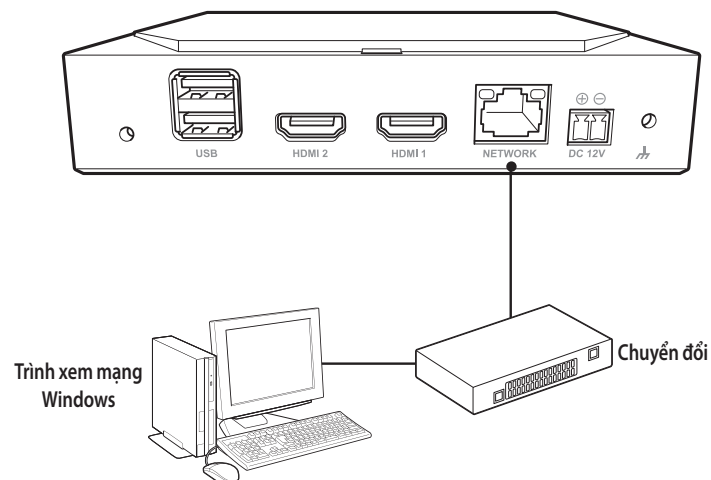
- Độ dài: trong vòng 3M
- Kích thước: trên 18AWG
Ví dụ) UL1007 AWG18/16, UL1015 AWG18/16/14/12, UL2468 AWG18/16/14

KẾT NỐI MẠNG

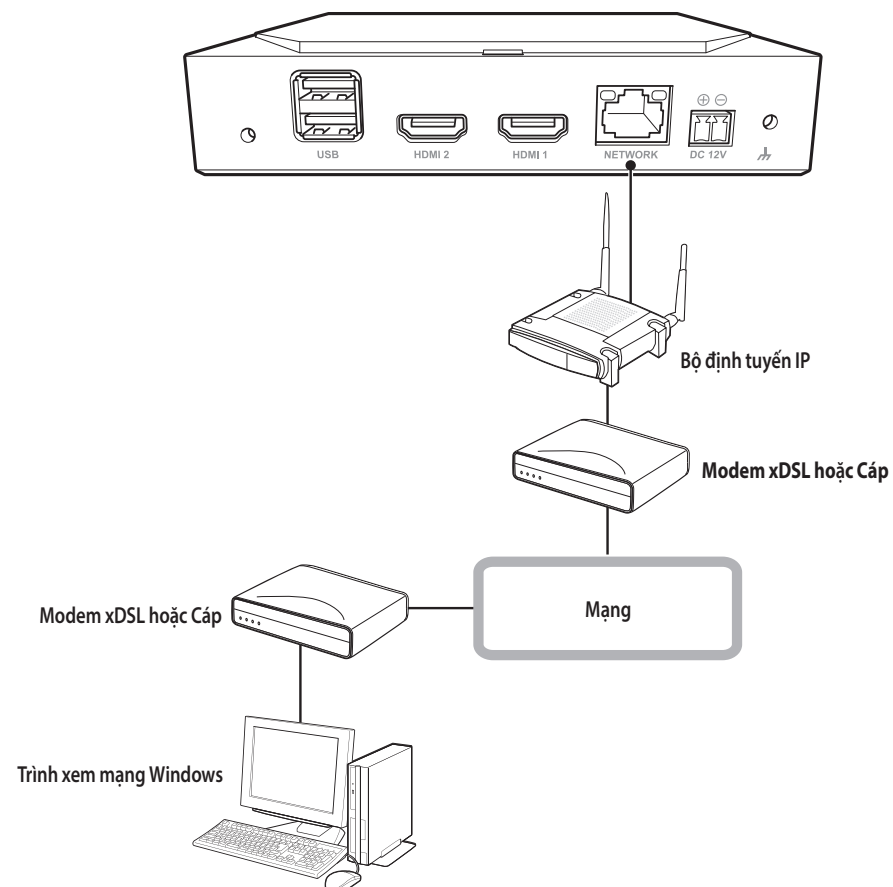


- Để biết thêm thông tin về các kết nối mạng, hãy xem "**Cài đặt Mạng**" trong Hướng dẫn Sử dụng.

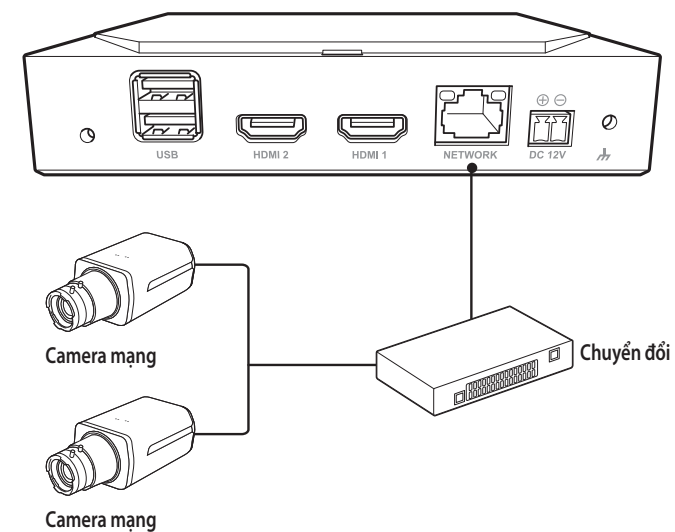
Kết nối mạng qua Ethernet (10/100/1000BaseT)



Kết nối với mạng bằng bộ định tuyến



Kết nối camera mạng



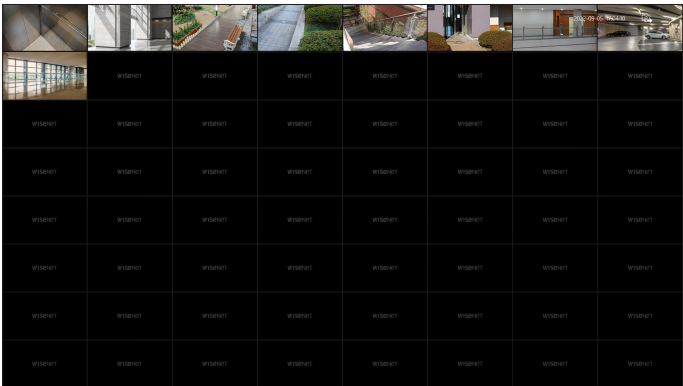
bắt đầu

KHỞI ĐỘNG HỆ THỐNG

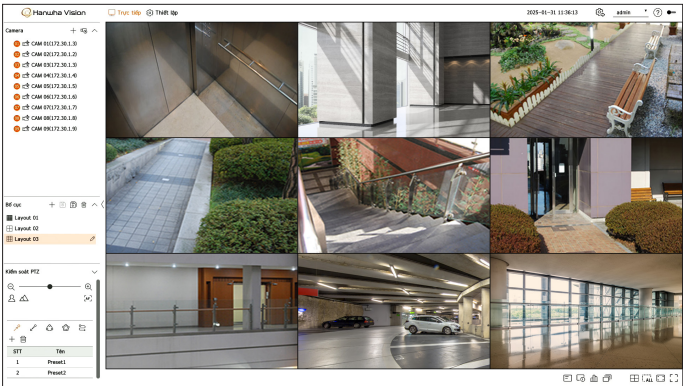
- 1. Kết nối cáp nguồn của bộ giải mã.
- 2. Bạn sẽ thấy màn hình khởi tạo.



- 3. Sau khi hoàn tất việc khởi tạo, màn hình Trực tiếp trên toàn màn hình sẽ xuất hiện.



- 4. Để thoát khỏi toàn màn hình, hãy đặt con trỏ chuột lên cuối màn hình và nhấp vào <⏏>.

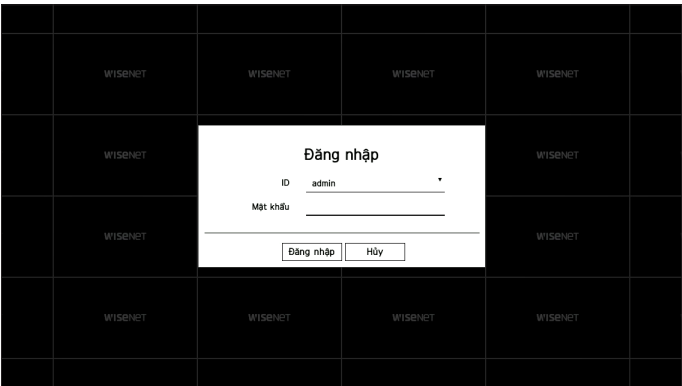


- Bạn chỉ có thể thoát khỏi toàn màn hình khi nó ở chế độ vận hành <Độc lập>.

ĐĂNG NHẬP

Để sử dụng menu bộ giải mã, bạn cần đăng nhập với tư cách người dùng được ủy quyền truy cập menu.

- 1. Chọn <Đăng nhập> ở trên cùng bên phải của màn hình.
- 2. Cửa sổ bật lên xác nhận <Đăng nhập> sẽ xuất hiện.
- 3. Nhập ID người dùng và mật khẩu, sau đó nhấp vào <Đăng nhập>.



- ID quản trị viên ban đầu là “**admin**” và bạn cần đặt mật khẩu trong trình hướng dẫn cài đặt.
- Vui lòng thay đổi mật khẩu của bạn ba tháng một lần để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và tránh thiệt hại do việc đánh cắp thông tin. Vui lòng lưu ý người dùng tự chịu trách nhiệm về bảo mật và mọi vấn đề khác do việc quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.
- Để biết thêm thông tin về cấp phép truy cập giới hạn, đi tới trang “**Thiết lập > Cài đặt Hệ thống > Người dùng**” trong mục lục.

CÀI ĐẶT CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH HỆ THỐNG

Nếu có quyền quản trị, bạn có thể chọn chế độ vận hành để điều khiển bộ giải mã.

1. Chọn <> ở trên cùng bên phải của màn hình.
2. Cửa sổ cài đặt <**Chế độ vận hành**> sẽ xuất hiện.



3. Sau khi chọn chế độ vận hành mong muốn, hãy nhấp vào <**Thay đổi**>.
 - Độc lập: Có thể điều khiển giám sát Trực tiếp và thay đổi cài đặt của camera trên bộ giải mã. Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong trình xem web.
 - WEB: Chỉ có thể giám sát Trực tiếp camera trên bộ giải mã và bạn cần trình xem web để thay đổi cài đặt hoặc điều khiển.
 - SSM: Bộ giải mã chỉ cho phép giám sát trực tiếp camera phù hợp và việc thay đổi cài đặt hoặc điều khiển chỉ khả dụng trong SSM.
4. Nếu bạn thay đổi chế độ vận hành, bộ giải mã sẽ khởi động lại và khởi tạo cấu trúc đã thiết lập.

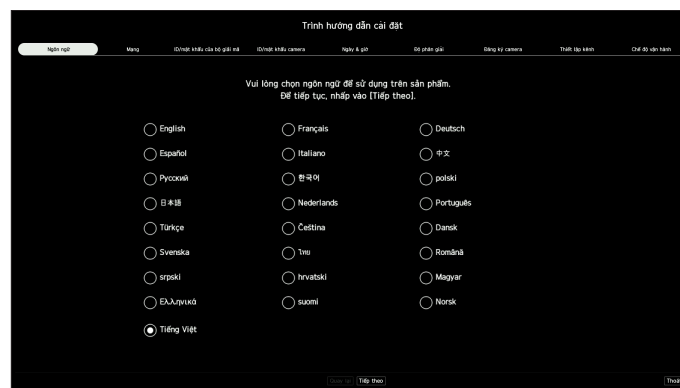
TRÌNH HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

Như minh họa bên dưới, hãy thực hiện từng bước trong <**Trình hướng dẫn cài đặt**>.

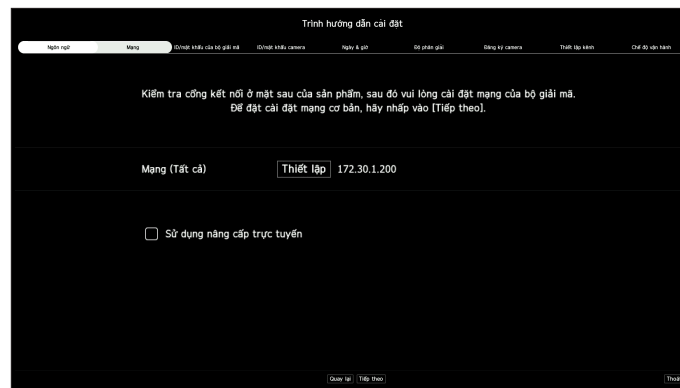
Chỉ có thể truy cập Trình hướng dẫn cài đặt ở trạng thái cài đặt gốc mặc định. Nếu bạn không muốn tiếp tục, hãy nhấp vào <**Thoát**>.

-  Nó sẽ tự động thay đổi thành độ phân giải màn hình tối ưu và chạy trình hướng dẫn cài đặt.
- Nếu trình hướng dẫn cài đặt không hoạt động, hãy tháo kết nối màn hình khỏi mặt sau của bộ giải mã, khởi động lại bộ giải mã và kết nối lại màn hình.

1. Trên màn hình <**Ngôn ngữ**>, chọn ngôn ngữ và nhấn nút <**Tiếp theo**>.



2. Đặt kiểu kết nối mạng và môi trường kết nối trên màn hình <**Mạng**>, sau đó nhấp vào nút <**Tiếp theo**>.



Thiết lập mạng

- Mạng (Tất cả): Có thể dùng làm cổng chung cho kết nối camera và trình xem web.
- Thiết lập
 - Loại IP: Cho phép bạn chọn loại truy cập mạng.
 - Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng phụ, Cổng, DNS
 - Thủ công: Có thể nhập địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng kết nối và DNS theo cách thủ công.
 - DHCP: Có thể tự động đặt địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng kết nối và DNS.

Nâng cấp trực tuyến

Bạn có thể nhận các thông báo về phần mềm điều khiển mới khi bộ giải mã kết nối với một mạng.

bắt đầu

3. Đặt mật khẩu quản trị viên trên màn hình <ID/Mật khẩu bộ giải mã> và nhấp vào <Tiếp theo>.

Nếu bạn nhấp vào <?>, hướng dẫn cơ bản để thiết lập mật khẩu sẽ hiển thị. Tham khảo quy tắc thiết lập mật khẩu.



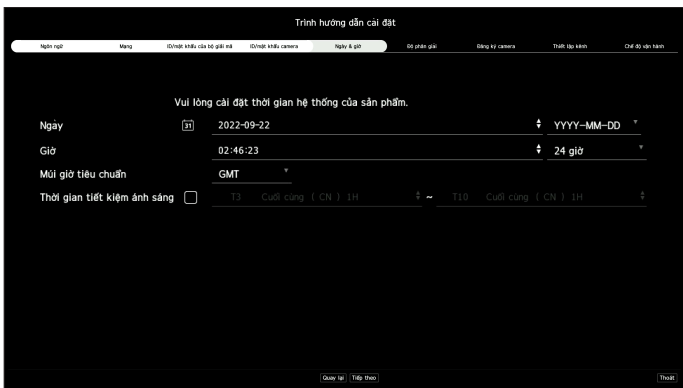
4. Đặt mật khẩu camera ở trạng thái cài đặt gốc mặc định trên màn hình <ID/Mật khẩu camera>.

Nếu camera đã được đặt ID/mật khẩu, hãy đăng ký ID/mật khẩu đó rồi nhấp vào <Tiếp theo>.



- Có thể thay đổi và quản lý mật khẩu cùng nhau khi mật khẩu ở trạng thái cài đặt gốc mặc định.
- Bạn có thể đăng ký tối đa 3 bộ ID camera với mật khẩu và đăng ký mật khẩu.
- Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc trong menu “**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**”.
- Bạn không thể thay đổi mật khẩu cho các camera được đăng ký bằng ONVIF và RTSP.

5. Đặt ngày, giờ, múi giờ và giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày trên màn hình <Ngày & Giờ>, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>.



- Tùy thuộc vào vị trí phát hành sản phẩm, thiết lập múi giờ tiêu chuẩn có thể khác nhau.

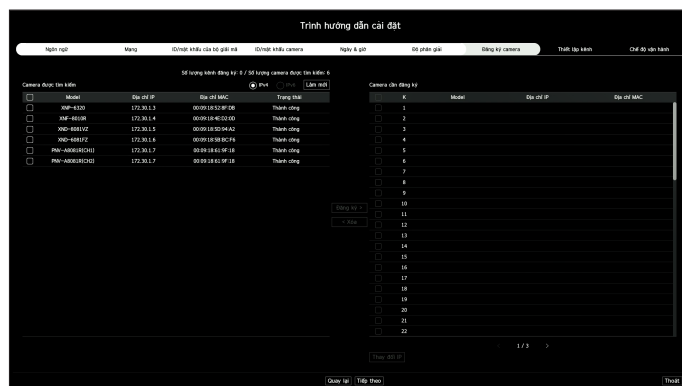
6. Để đặt độ phân giải khuyến cáo trên màn hình <Độ phân giải>, nhấp <Áp dụng> sau đó nhấn nút <Tiếp theo>.



7. Trên màn hình <**Đăng ký camera**>, chọn camera cần đăng ký từ danh sách camera được tìm kiếm rồi nhấp vào <**Đăng ký**>.

Chọn camera cần đăng ký từ danh sách rồi nhấp vào <**Thay đổi IP**>.

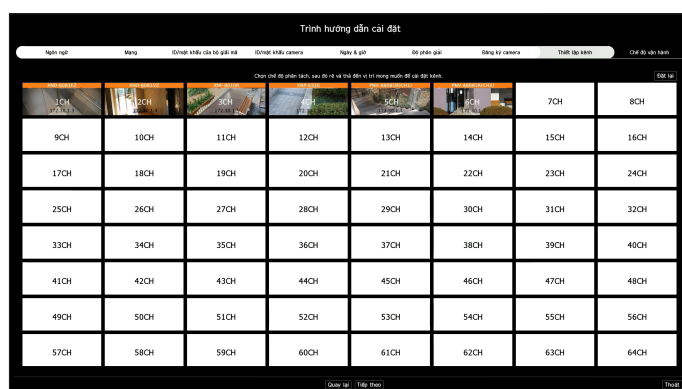
Sau khi đăng ký camera xong, nhấp vào <**Tiếp theo**>.



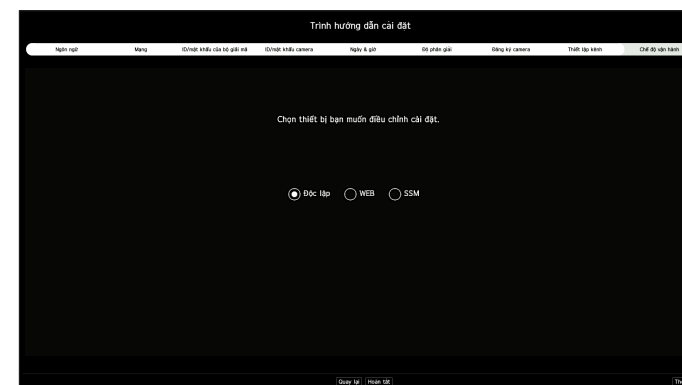
■ Thao tác này sẽ khả dụng sau khi nhập ID và mật khẩu đã đặt cho camera và hoàn tất việc kiểm tra kết nối.

8. Trên màn hình <**Thiết lập kênh**>, bạn có thể xem các video camera đã đăng ký cho từng kênh dưới dạng hình thu nhỏ cùng với thông tin về hình thu nhỏ. Để thay đổi vị trí video camera, hãy chọn một video rồi kéo và thả video đó vào vị trí bạn muốn.

Sau khi hoàn tất thiết lập kênh, nhấp vào <**Tiếp theo**>.



9. Chọn một chế độ vận hành có thể điều khiển bộ giải mã từ màn hình <**Chế độ vận hành**>.



- **Độc lập:** Có thể điều khiển giám sát Trực tiếp và các thay đổi cài đặt của camera trên bộ giải mã. Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong trình xem web.
- **WEB:** Chỉ có thể giám sát Trực tiếp camera trên bộ giải mã và bạn cần trình xem web để thay đổi cài đặt hoặc điều khiển.
- **SSM:** Bộ giải mã chỉ cho phép giám sát trực tiếp camera phù hợp và việc thay đổi cài đặt hoặc điều khiển chỉ khả dụng trong SSM.

10. Nhấp vào <**Hoàn tất**> để hoàn thành trình hướng dẫn cài đặt.

bắt đầu

TẮT HỆ THỐNG

- 1. Chọn <**Tắt máy**> ở trên cùng bên phải của màn hình.
- 2. Cửa sổ bật lên xác nhận <**Tắt máy**> sẽ xuất hiện.
- 3. Nhấp vào <**Ok**>.
Hệ thống sẽ tắt.



KHỞI ĐỘNG LẠI HỆ THỐNG

- 1. Chọn <**K.động lại**> ở trên cùng bên phải của màn hình.
- 2. Cửa sổ bật lên xác nhận <**K.động lại**> sẽ xuất hiện.
- 3. Nhấp vào <**Ok**>.
Hệ thống sẽ khởi động lại.



-  Chỉ những người dùng có cấp phép "**K.động lại/Tắt máy**" mới có thể tắt hoặc khởi động lại hệ thống.
- Để biết thêm thông tin về quản lý thiết lập cấp phép, hãy xem trang "**Thiết lập > Cài đặt Hệ thống > Người dùng**" trong mục lục.

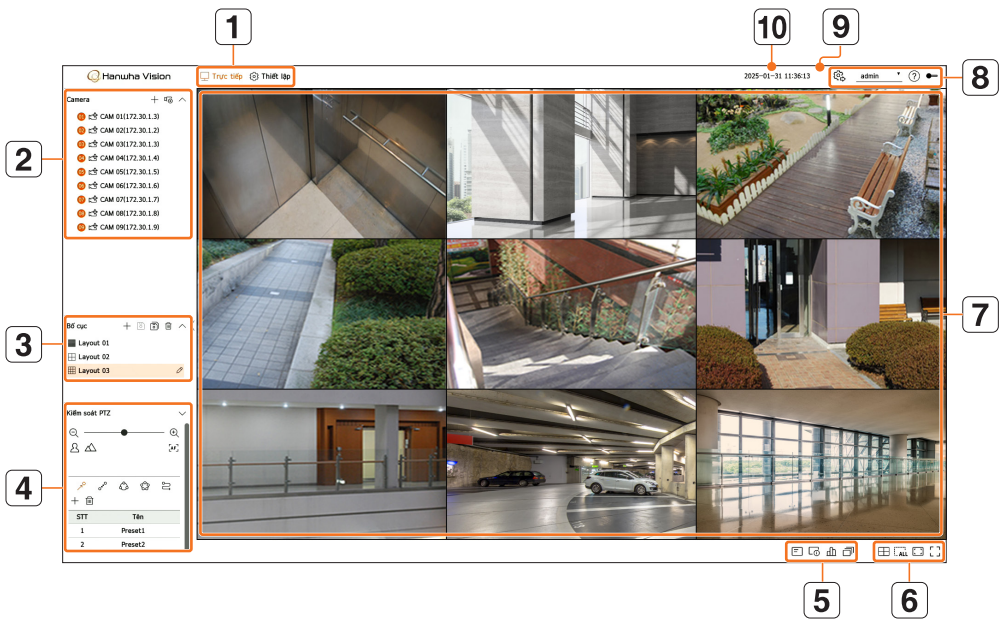
trực tiếp

Bạn có thể kiểm tra video của các camera được kết nối với bộ giải mã. Ngoài ra, bạn có thể điều chỉnh camera và kiểm tra trạng thái chuyển mạng.

 ■ Bạn có thể kiểm tra cấu hình màn hình Trực tiếp sau đây khi nó ở chế độ vận hành <Độc lập>.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRỰC TIẾP

Màn hình trực tiếp được xây dựng như sau.



Tên		Mô tả chức năng
1	Menu	Nhấp vào từng menu để vào màn hình menu tương ứng.
2	Danh sách Camera	Hiển thị danh sách các camera đã đăng ký với bộ giải mã. Bạn cũng có thể đăng ký camera theo cách thủ công hoặc tự động. + : Đăng ký camera theo cách thủ công.  : Tự động tìm kiếm và đăng ký camera được kết nối với bộ giải mã.
3	Danh sách bố cục	Mục này hiển thị danh sách các bố cục mặc định và bố cục đã được tạo. Bạn cũng có thể thiết lập và phát chuỗi danh sách bố cục.
4	Kiểm soát PTZ	Điều khiển camera PTZ được kết nối với bộ giải mã.

Tên		Mô tả chức năng
5		Hiển thị thông tin trên màn hình OSD trong cửa sổ video.
		Hiện thông tin kênh.
		Hiển thị trạng thái của tất cả các camera được kết nối với bộ giải mã.
		Bắt đầu trình tự tự động.
6		Đặt màn hình phân chia của cửa sổ video.
		Xóa tất cả màn hình khỏi cửa sổ video.
		Hiển thị video ở tỷ lệ khung hình gốc hoặc toàn màn hình.
		Nó thay đổi thành toàn màn hình từ chế độ phân chia hiện tại. Để thoát khỏi toàn màn hình, hãy đặt con trỏ chuột lên cuối chế độ toàn màn hình và nhấp vào <⏏>.
7	Cửa sổ video	Hiển thị video của các camera được kết nối với bộ giải mã. - Bạn có thể chuyển sang màn hình đơn bằng cách nhấp đúp vào video mong muốn ở chế độ Phân chia. - Nếu bạn nhấp đúp vào video trong màn hình đơn, nó sẽ chuyển sang màn hình phân chia.
8		Nếu có quyền quản trị, bạn có thể chọn chế độ vận hành để điều khiển bộ giải mã. - Độc lập: Có thể điều khiển giám sát Trực tiếp và các thay đổi cài đặt của camera trên bộ giải mã. Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong trình xem web. - WEB: Chỉ có thể giám sát Trực tiếp camera trên bộ giải mã và yêu cầu trình xem web thay đổi cài đặt hoặc điều khiển. - SSM: Bộ giải mã chỉ cho phép giám sát trực tiếp camera phù hợp và việc thay đổi cài đặt hoặc điều khiển chỉ khả dụng trong SSM.
	admin ▼	ID người dùng đã kết nối sẽ hiển thị. Menu <Đăng xuất/K.động lại/Tắt máy> sẽ xuất hiện nếu bạn nhấp vào nó.
		Hiển thị mã QR khi tải xuống hướng dẫn sử dụng.
		Thay đổi chủ đề màu của màn hình.
9	Hiển thị trạng thái hệ thống	Hiển thị trạng thái của hệ thống và mạng.
10	2022-09-16 16:17:25	Hiển thị ngày và giờ hiện tại.

 ■ Nếu bạn đặt tốc độ khung hình của camera thành 60 fps, tốc độ khung hình có thể giảm trên màn hình Trực tiếp tùy thuộc vào đầu ra của độ phân giải màn hình.

Kiểm tra trạng thái hệ thống

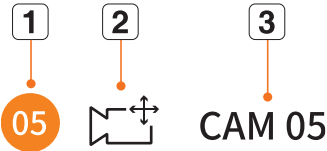
Biểu tượng ở đầu màn hình cho biết trạng thái của hệ thống.



Tên	Mô tả chức năng
	Được hiển thị khi xảy ra quá tải mạng. Hiển thị khi xảy ra quá tải CPU và vượt quá hiệu suất thu nhận. Nó biến mất khi bạn sửa Xóa Camera hoặc Thiết lập Camera để giảm tốc độ dữ liệu.
	Được hiển thị nếu máy chủ có phần mềm điều khiển để cập nhật.
	Được hiển thị khi hệ thống quá tải.
	Hiển thị và biến mất khi việc cập nhật phần mềm điều khiển camera hoàn tất.
	Được hiển thị khi phát trình tự bố cục. Nó cũng được hiển thị khi chạy trình tự tự động phát.
	Được hiển thị khi chạy chuyển đổi tự động màn hình phân chia.
	Được hiển thị khi xảy ra lỗi ở bộ nhớ trong.

Kiểm tra Danh sách Camera

Hiển thị loại camera, trạng thái và tên đã đăng ký trong bộ giải mã.

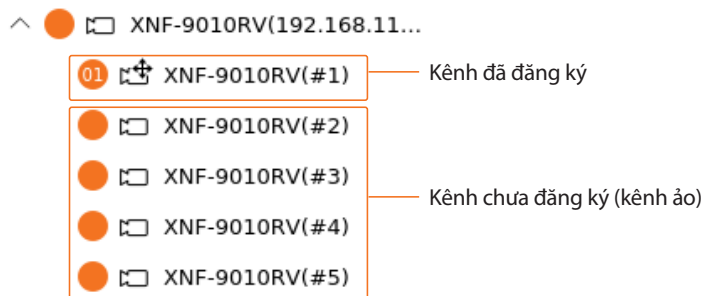


Tên		Mô tả chức năng
1	Thông tin kênh	Hiển thị thông tin kênh. (số kênh, chỉ báo màu trên nhiệm vụ của sổ video).
2	Loại camera	Hiển thị camera bình thường.
		Hiển thị camera PTZ.
	Trạng thái camera	Hiển thị trạng thái lỗi của camera.
3	Tên Camera	Hiển thị tên đặt cho camera.

- Nó sẽ bị tắt trong danh sách nếu xảy ra lỗi kết nối camera.
- Trạng thái camera hiển thị các thay đổi thông tin theo trạng thái và cài đặt kết nối mạng.

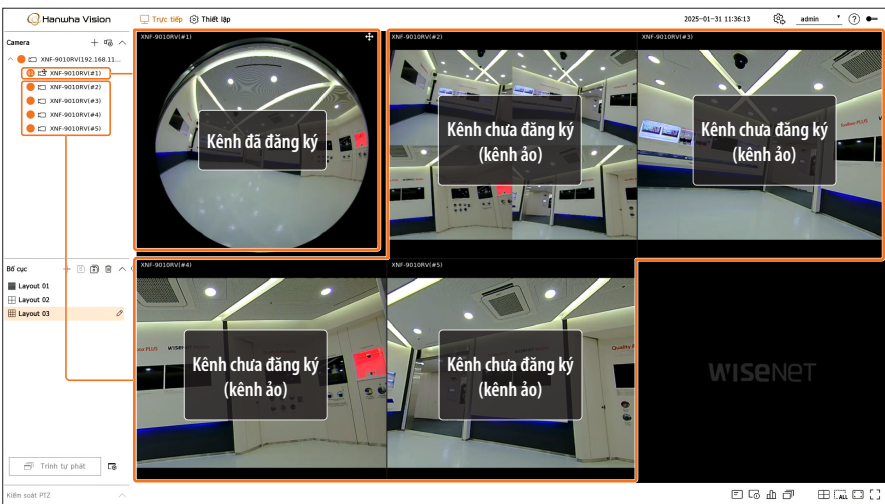
Kiểm tra Danh sách Camera Đa kênh

Đối với các camera đa kênh được đăng ký với giao thức Wisenet, thông tin kênh sẽ được hiển thị dưới tên model của camera đa kênh.



Trường hợp camera đa kênh ở chế độ vận hành <Độc lập>, chỉ đăng ký một kênh chính. Có thể theo dõi các kênh phụ trong thời gian thực mà không cần đăng ký trong bộ giải mã.

Giám sát thời gian thực khả dụng khi kênh mong muốn theo dõi được đăng ký ở chế độ vận hành <WEB>.



Menu màn hình trực tiếp

Sau khi chọn kênh mong muốn trong chế độ phân chia, cuộn con trỏ chuột qua màn hình để xem menu màn hình trực tiếp.

Menu màn hình Trực tiếp xuất hiện khác nhau tùy thuộc vào trạng thái vận hành của bộ giải mã hoặc loại camera đã đăng ký.

- Mỗi chức năng có thể bị hạn chế tùy thuộc vào loại camera và quyền hạn của người dùng.
- Để biết thêm thông tin chi tiết về mỗi chức năng, hãy tham khảo mục lục “[Trực tiếp > Điều khiển Video Camera](#)”.



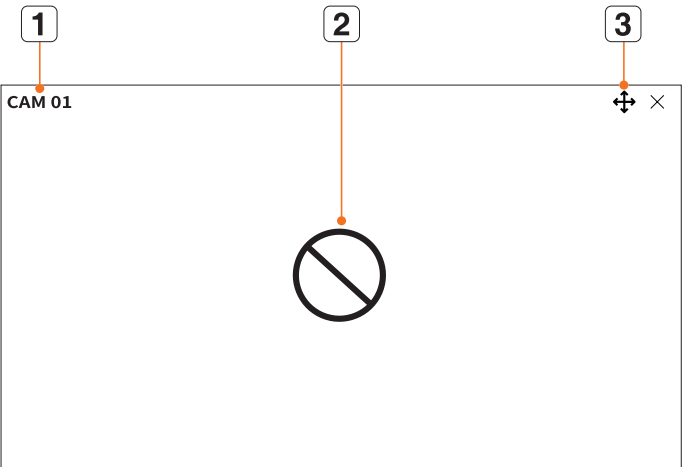
Tiêu đề menu		Chức năng
	Chụp	Bạn có thể chụp ảnh màn hình của kênh đã chọn.
	Phát hiện nhiệt độ	Đối với các hình ảnh hỗ trợ chức năng camera ảnh nhiệt, bạn có thể nhấp vào điểm mong muốn để kiểm tra thông tin nhiệt độ.
	Kiểm soát PTZ	Nếu camera mạng được kết nối với kênh đã chọn hỗ trợ chức năng PTZ, nó sẽ chuyển sang chế độ kiểm soát PTZ.
	Phóng to	Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ video.
	Âm thanh	Bật hoặc tắt âm thanh khi âm thanh được kết nối.
	Cố định tỉ lệ hình ảnh kênh	Hiển thị video theo tỷ lệ thực tế.

trực tiếp

Các biểu tượng trên màn hình Trực tiếp

Bạn có thể kiểm tra trạng thái hoặc vận hành bằng các biểu tượng trên màn hình trực tiếp.

- 
- Các biểu tượng được hiển thị trên màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào loại camera và quyền hạn của người dùng.

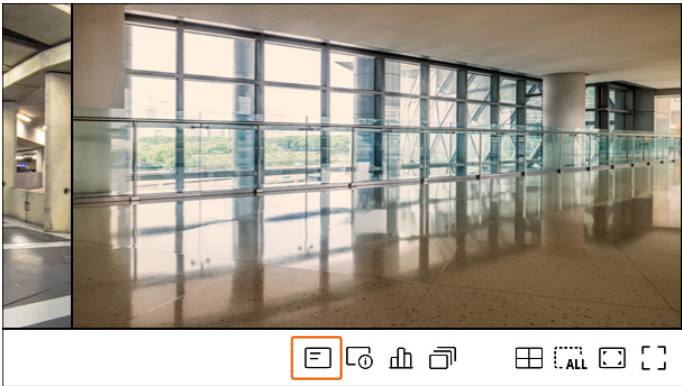


Tiêu đề menu			Chức năng
1	Tên Camera		Hiển thị tên camera. Số kênh được hiển thị đối với các camera đa kênh. Số kênh có thể không được hiển thị tùy thuộc vào camera.
2	Trạng thái đầu vào video		Được hiển thị khi không có đầu vào trong khi camera đang bật.
			Được hiển thị khi độ phân giải của video trực tiếp vượt quá phạm vi được hỗ trợ trong khi camera đang bật.
			Được hiển thị khi camera chưa đăng ký. Nếu bạn đặt thiết lập kênh thành <Covert 2>, sẽ không có gì được hiển thị trên màn hình Trực tiếp.  Nếu bạn đặt thành <Covert 1>, trên màn hình Trực tiếp sẽ không hiển thị video mà chỉ hiển thị OSD.
3	Hiển thị trạng thái		Nó được hiển thị trên các kênh có thể bật chế độ PTZ.
			Hiển thị Bật/Tắt âm thanh. Nó sẽ không hiển thị khi chọn <Ko.sd> cho âm thanh trong thiết lập kênh.
			Nó được hiển thị khi không giải mã được tất cả các khung hình do hiệu suất giải mã hạn chế và trong trường hợp này, chỉ I-Frame được giải mã.
			Được hiển thị nếu chứng chỉ của camera Wisenet hợp lệ.

- 
- Hồ sơ "Live4NVR" được tự động thêm vào với đăng ký tự động camera mạng và có thể thay đổi các cài đặt tùy theo môi trường người dùng.
 - Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của camera, có khả năng bạn sẽ không thể thêm hồ sơ hoặc nếu bạn có hồ sơ PLUGINFREE, bạn sẽ không thể thêm hồ sơ Live4NVR.
 - Khi hệ thống bị quá tải và hiệu suất giảm, camera mạng chỉ có thể phát khung hình chính (I-frame).
 - Để thiết lập hồ sơ, hãy xem trang "**Thiết lập** > **Cài đặt Camera** > **Thiết lập hồ sơ**" trong mục lục.

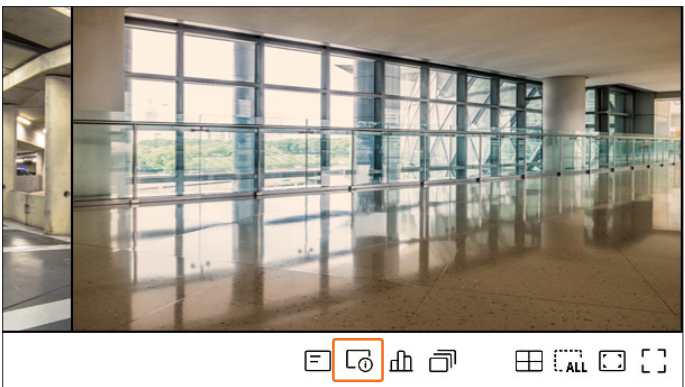
Hiển thị thông tin OSD

Để hiện hoặc ẩn thông tin OSD, hãy nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



Hiển thị thông tin kênh

Để kiểm tra thông tin kênh, hãy nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



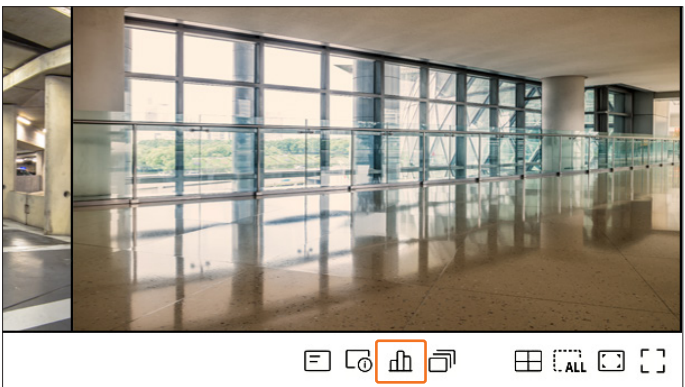
Thông tin của video hiện tại được hiển thị trên video trực tiếp đang được theo dõi.



- 800x448: Hiển thị độ phân giải của video.
- H.264: Hiển thị codec video.
- S/I/D 25/24/24: Hiển thị tốc độ khung hình (FPS) của video. (S: Cài đặt, I: Đầu vào video, D: Hiển thị video)
- XNV-6081Z: Hiển thị tên model camera.
- S: Hiển thị giao thức được sử dụng khi đăng ký camera.
 - S và V đại diện cho giao thức Wisenet trong khi O đại diện cho ONVIF.
 - Khi kết nối bằng giao thức RTSP, chỉ RTSP được hiển thị mà không có tên sản phẩm.

Kiểm tra trạng thái camera

Để kiểm tra trạng thái của tất cả các camera được kết nối với bộ giải mã, hãy nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



Kiểm tra trạng thái Trực tiếp

Bạn có thể kiểm tra trạng thái và thông tin truyền của camera mạng được kết nối với mỗi kênh.

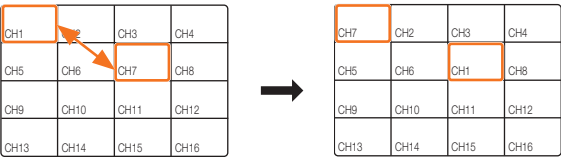
Trạng thái						
Trực tiếp						
K	Model	Trạng thái	Địa chỉ IP	Codec	Độ phân giải	Tốc độ khung hình
1	XNP-6320	Kết nối	172.30.1.3	H.264	1920X1080	30Fps
2	XNF-8010R	Kết nối	172.30.1.4	H.264	640X640	15Fps
3	XND-8081VZ	Kết nối	172.30.1.5	H.264	640X360	15Fps
4	XND-6081FZ	Kết nối	172.30.1.6	H.264	640X360	15Fps
5	PNV-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640X480	15Fps
6	PNV-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640X360	15Fps
7	–	–	–	–	–	–
8	–	–	–	–	–	–
9	–	–	–	–	–	–
10	–	–	–	–	–	–
11	–	–	–	–	–	–
12	–	–	–	–	–	–
13	–	–	–	–	–	–
14	–	–	–	–	–	–

- Model: Hiển thị tên model của camera được kết nối với mỗi kênh.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái kết nối của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Codec: Hiển thị thông tin codec của hồ sơ trực tiếp cho camera được đặt cho mỗi kênh.
- Độ phân giải: Hiển thị độ phân giải của hồ sơ trực tiếp của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Tốc độ khung hình: Hiển thị tốc độ truyền hồ sơ trực tiếp cho camera được đặt cho mỗi kênh.

Cài đặt kênh

Bạn có thể hiển thị kênh trong vùng mong muốn của màn hình phân chia.
Để chuyển đổi vị trí của một kênh, hãy giữ, kéo và thả kênh đó đến vị trí mong muốn.

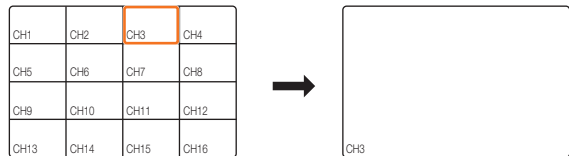
Ví dụ: Khi chuyển CH 1 thành CH 7



Chuyển sang Chế độ đơn

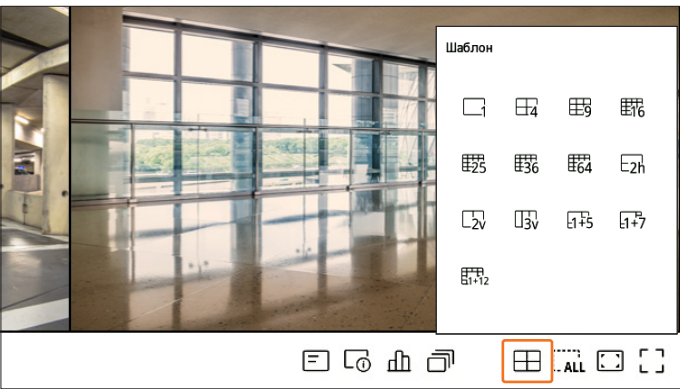
Khi ở chế độ phân chia, hãy chọn và nhấp đúp vào kênh mong muốn để chuyển sang chế độ Đơn.

Ví dụ: Khi nhấp đúp vào CH 3.



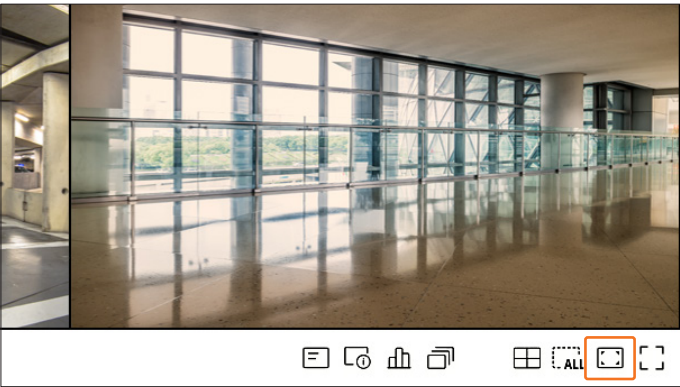
Thay đổi chế độ phân chia

Bạn có thể thay đổi chế độ phân chia của màn hình.
Nhấp vào <[Grid Icon]> ở cuối màn hình để chọn chế độ phân chia mong muốn.

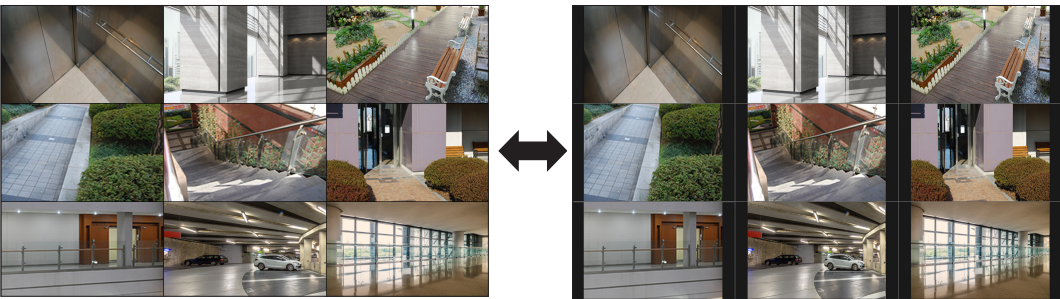


Thay đổi tỷ lệ khung hình tổng thể

Có thể thay đổi tỷ lệ màn hình video cho tất cả các kênh trong chế độ màn hình phân chia trực tiếp.
Nhấp vào <[Aspect Ratio Icon]> ở cuối màn hình. Nó sẽ thay đổi thành tỷ lệ video thực.



Nhấp vào <[Reset Aspect Ratio Icon]> để quay lại tỷ lệ khung hình trước đó.

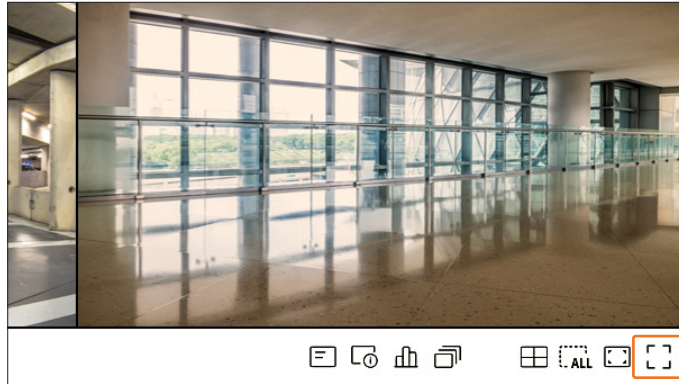


Bạn có thể thay đổi tỷ lệ hình ảnh của mỗi kênh. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo mục lục “Trực tiếp > Điều khiển Video Camera > Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh.”

Chế độ toàn màn hình

Bạn có thể thay đổi sang chế độ toàn màn hình, chế độ này không có các vùng trên/dưới/trái/phải của màn hình trực tiếp.

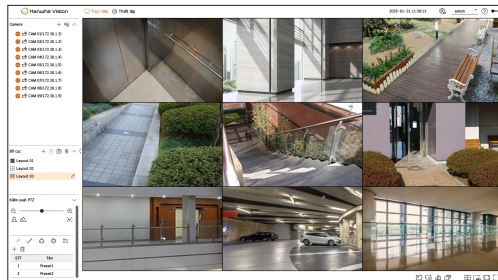
Nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



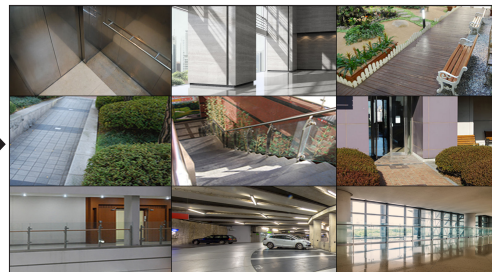
Các thay đổi sang chế độ toàn màn hình.

- Để thoát khỏi toàn màn hình, hãy đặt con trỏ chuột lên cuối toàn màn hình và nhấp vào <  >.

Chế độ thông thường



Chế độ toàn màn hình



THIẾT LẬP BỐ CỤC

Phần này trình bày cách chọn một loạt các kênh dựa trên mục đích/khả năng tiếp cận của chúng và theo dõi chúng trong một bố cục duy nhất.

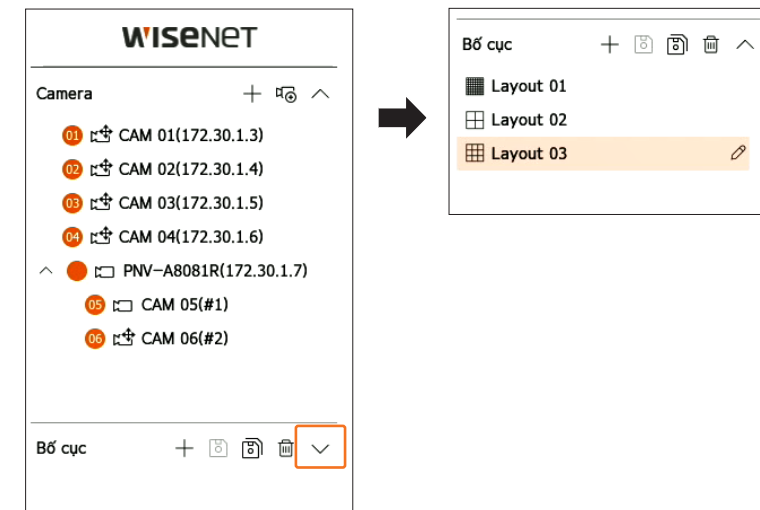
Ví dụ: Bố cục "Sảnh" - Camera sảnh 1, Camera sảnh 2, Camera cửa trước 2

Bố cục "VIP" - Phòng họp Ban giám đốc 1, Phòng họp Ban giám đốc 2, Phòng chờ Ban giám đốc 1, Camera hành lang tầng 7

-  Bố cục đã thiết lập trước đó có thể bị thay đổi sau khi phần mềm nâng cấp. Đặt lại bố cục và trình tự.
- Thay đổi chế độ vận hành sẽ khởi tạo tất cả các bố cục đã đặt. Đặt lại bố cục và trình tự.

Kiểm tra Danh sách bố cục

Nhấp vào <  > từ mục <Bố cục> để xem danh sách bố cục.



- : Tạo một bố cục mới.
- : Lưu bố cục đã thay đổi.
- : Lưu bố cục đã chọn bằng một tên khác.
- : Xóa bố cục đã thêm.
- : Mở hoặc đóng danh sách bố cục.
- : Thay đổi tên bố cục.

Thêm bố cục và đặt tên

- 1. Nhấp vào < + > để thêm bố cục.
- 2. Nhấp vào < ✎ > để đặt tên cho bố cục đã thêm.
- 3. Nhấp đúp hoặc kéo và thả một kênh từ danh sách camera để hiển thị kênh đó trên màn hình bố cục. Kênh đã chọn sẽ được hiển thị trong cửa sổ video.
 - Bạn có thể gán đồng thời nhiều kênh liên tục từ danh sách camera vào cửa sổ video. Kéo các kênh mong muốn từ danh sách camera và thả chúng vào trong cửa sổ video. Tùy thuộc vào vị trí thả và số lượng kênh, vùng trống hoặc bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.
- 4. Nhấp vào < [B] > để lưu bố cục đã đặt.

✎ ■ Mỗi bố cục sẽ được người dùng lưu riêng.

Xóa bố cục

Nhấp vào < [X] > sau khi chọn bố cục để xóa.

✎ ■ Bạn không thể xóa bố cục mặc định.

Thay đổi kênh và tên bố cục

- 1. Nhấp vào < ✎ > sau khi chọn một bố cục.
- 2. Thêm hoặc xóa các kênh hoặc đổi tên bố cục.
- 3. Nhấp vào < [B] > để lưu các cài đặt đã thay đổi.

Bố cục động

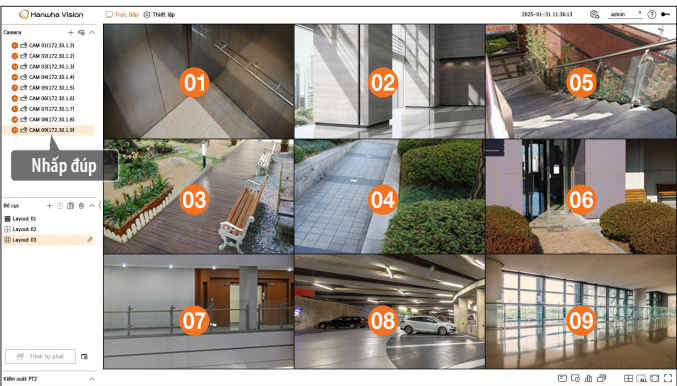
Bạn có thể đặt kích thước và vị trí của video đã gán vào bố cục theo ý muốn.

✎ ■ Chỉ có thể đặt chức năng bố cục động trên màn hình chính.

Gán một kênh

Nhấp đúp hoặc kéo và thả một kênh từ danh sách camera để hiển thị kênh đó trên màn hình bố cục. Video được gán vào vùng trống hoặc tùy thuộc vào vị trí thả, bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.

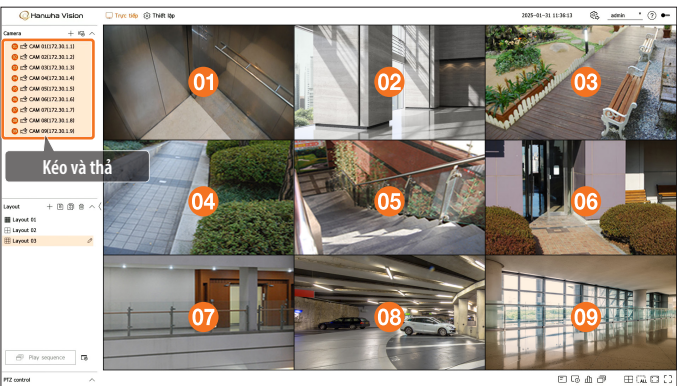
Ví dụ: Khi gán 9 kênh vào một bố cục mới, các kênh được sắp xếp theo thứ tự bên dưới.



Gán nhiều kênh cùng lúc

Kéo các kênh liên tục từ danh sách camera và thả chúng vào trong cửa sổ video. Tùy thuộc vào vị trí thả và số lượng kênh, vùng trống hoặc bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.

Ví dụ: Khi gán 9 kênh liên tiếp vào một bố cục mới, các kênh được sắp xếp theo thứ tự bên dưới.



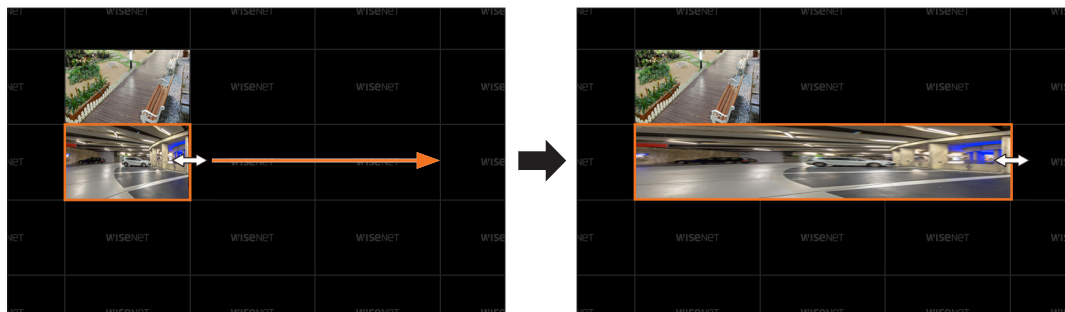
Phóng to và Thu nhỏ Video

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ video bằng cách kéo một góc hoặc đỉnh của video theo hướng bạn mong muốn.

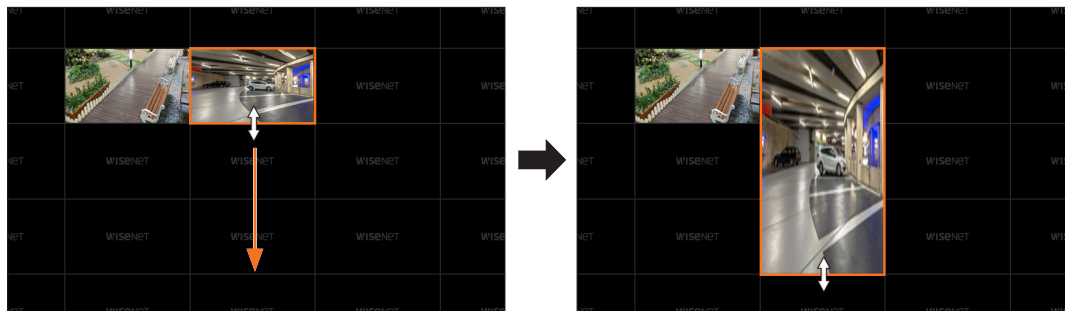
Nếu bạn nhấp đúp vào góc hoặc đỉnh của vùng video được phóng to, video sẽ được thu nhỏ dần.

Có thể phóng to video nếu xung quanh video có một vùng trống mở rộng được.

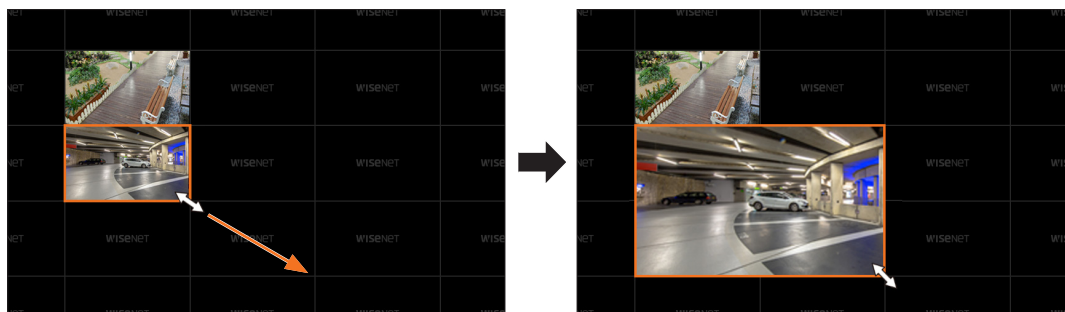
Thu phóng theo chiều ngang



Thu phóng theo chiều dọc



Thu phóng theo đường chéo



- ❗ Chỉ có thể phóng to và thu nhỏ video khi có từ hai kênh trở lên được gán cho bố cục.
- ❗ Không hỗ trợ phóng to và thu nhỏ video đối với bố cục mẫu.
- ❗ Bố cục sẽ được lưu ở dạng cuối cùng sau khi phóng to hoặc thu nhỏ video, vì vậy bạn sẽ không thể sửa đổi nó nếu truy cập lại trình xem web.

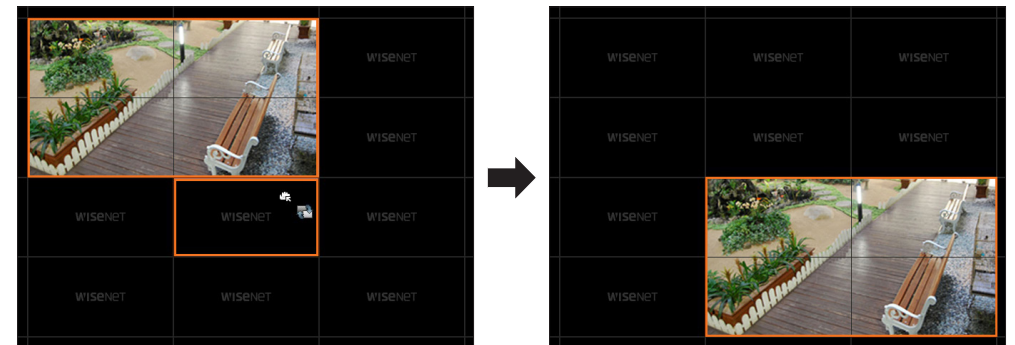
Di chuyển video

Để di chuyển video, nhấp vào video, sau đó kéo và thả nó vào vị trí mong muốn.

Mở rộng vùng bố cục bằng cách kéo video ra ngoài vùng bố cục.



Chỉ có thể di chuyển video được phóng to khi có một vùng trống bằng kích thước của video.

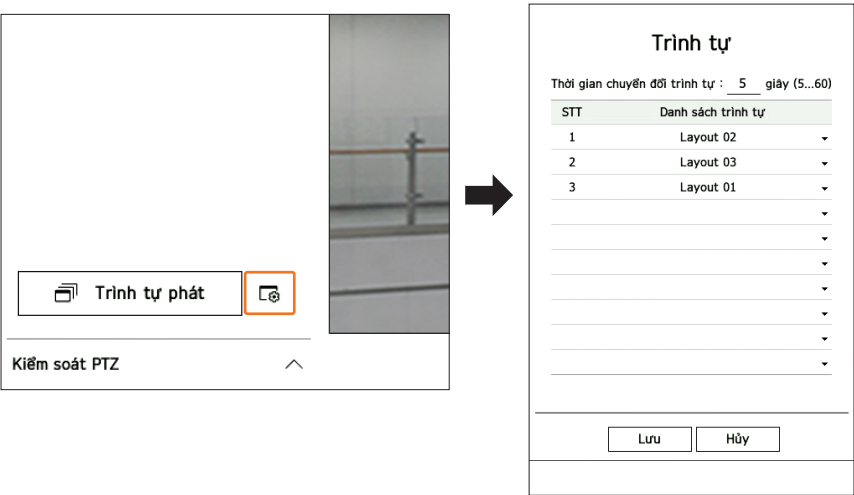


Phát trình tự bố cục

Bạn có thể tự động chuyển danh sách bố cục sang một khoảng thời gian đã đặt để xem.

Cài đặt trình tự

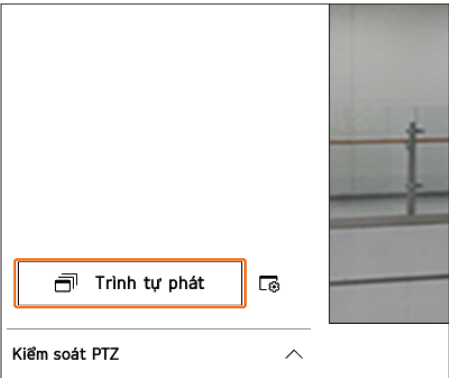
Nhấp vào <📄> ở cuối danh sách bố cục để thiết lập trình tự.



- Thời gian chuyển đổi trình tự: Đặt thời gian chuyển đổi của danh sách bố cục.
- Danh sách trình tự: Đặt thứ tự phát lại trình tự bố cục. Bạn có thể thêm nhiều lần cùng một bố cục.

Phát trình tự bố cục

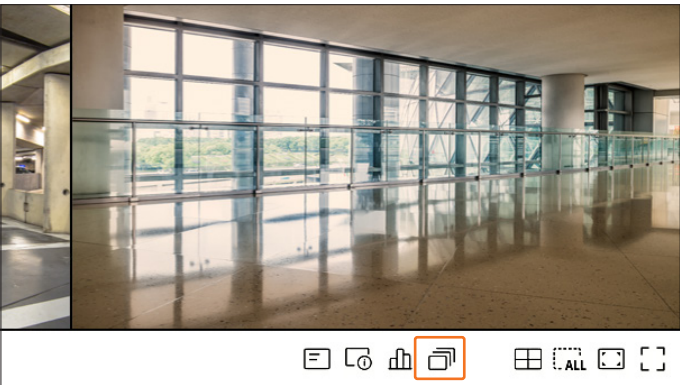
Nhấp vào <📄> **Trình tự phát** ở cuối danh sách bố cục để thay đổi bố cục tự động theo cài đặt trình tự.



📄 ■ <Trình tự phát> chỉ được kích hoạt khi bạn thiết lập trình tự.

Trình tự tự động phát

Nhấp vào <📄> ở góc dưới cùng bên phải của màn hình bố cục để chạy trình tự tự động.



- Nút bắt đầu <Trình tự tự động phát> ở dưới cùng bên phải sẽ được kích hoạt khi số lượng kênh đã đăng ký lớn hơn số lượng kênh cho bố cục hiện được chọn. Ví dụ, nếu chỉ có ba kênh đã đăng ký trong bố cục chia bốn, nút phù hợp sẽ bị tắt.
- Khi bạn nhấp vào nút bắt đầu <Trình tự tự động phát>, các camera đã đăng ký trong bố cục hiện được xem sẽ tự động chuyển đổi theo trình tự. Ví dụ: nếu có tổng cộng mười kênh được đăng ký và bố cục được cấu hình là chia bốn, kết quả sẽ theo thứ tự các kênh 1,2,3,4 → 5,6,7,8 → 9,10 → 1,2,3,4.
- Thời gian chuyển đổi trình tự tự động tuân theo thời gian chuyển đổi trình tự bố cục trong cài đặt trình tự phát.
- Khi chức năng trình tự tự động phát đang hoạt động, biểu tượng <Trình tự phát> màu xanh lá cây sẽ xuất hiện ở trên cùng bên phải.
- Khi trình tự bố cục đang hoạt động theo nút <Trình tự phát> ở dưới cùng bên trái, nút bắt đầu <Trình tự tự động> ở dưới cùng bên phải bị tắt.
- Khi trình tự tự động đang hoạt động theo nút bắt đầu <Trình tự tự động phát> ở dưới cùng bên phải, nút <Trình tự phát> ở dưới cùng bên trái bị tắt.
- Hoạt động của trình tự tự động vẫn tiếp tục kể cả khi bạn đăng xuất, kể cả khi đăng xuất tự động.

ĐIỀU KHIỂN VIDEO CAMERA

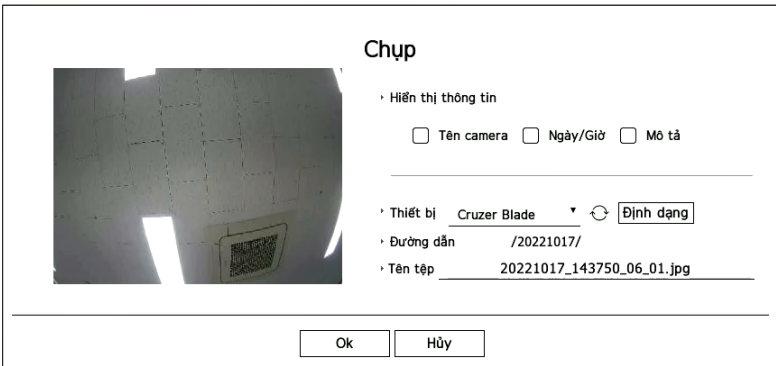
Khi sử dụng biểu tượng chức năng của cửa sổ video, bạn có thể dễ dàng sử dụng các chức năng chụp, thu phóng video, camera PTZ và camera ảnh nhiệt. Khi bạn di chuột lên cửa sổ video, menu màn hình trực tiếp sẽ xuất hiện.



Chụp

Bạn có thể chụp ảnh màn hình video hiện tại của một kênh cụ thể được chọn trên màn hình trực tiếp.

1. Chọn một kênh để chụp video và nhấp vào <📷>.
2. Chọn thông tin đầu ra để hiển thị trên màn hình đã chụp.



3. Đặt thiết bị nơi tệp ảnh chụp màn hình sẽ được lưu và đặt tên tệp.
 - Nếu bạn nhấp vào <Định dạng>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút <Có> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
4. Hoàn tất cài đặt và nhấp vào <Ok>, khi đó hình ảnh được chụp từ màn hình sẽ được lưu vào thiết bị đã chọn.

■ Màn hình camera lớn hơn 2 megapixel được chụp ở kích thước Full HD.

Chế độ phát hiện nhiệt độ

Đối với các hình ảnh hỗ trợ chức năng camera ảnh nhiệt, bạn có thể nhấp vào điểm mong muốn để kiểm tra thông tin nhiệt độ.

Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <🌡️>.
Khi bạn di chuột lên video, con trỏ chuột sẽ chuyển thành hình dạng nhiệt kế và khi bạn nhấp vào một vị trí cụ thể trên video, nhiệt độ tại vị trí đó sẽ được hiển thị bên cạnh con trỏ chuột.



- ⬅️: Thoát khỏi chế độ cảm biến nhiệt độ.
- ⚙️: Màu sắc của video thay đổi theo lựa chọn màu nhiệt độ.

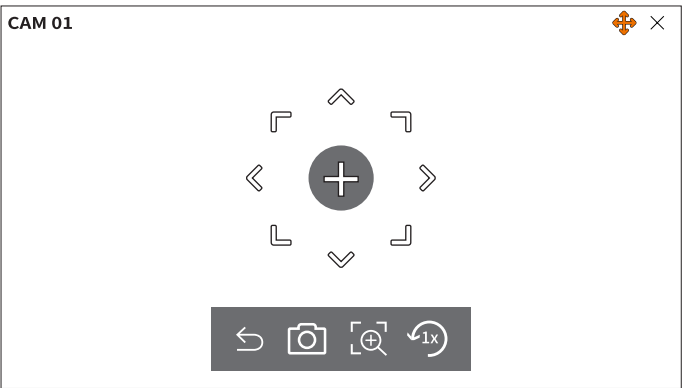
Chế độ PTZ

Bạn có thể chạy kiểm soát PTZ của kênh đã chọn.

Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <📡>.

Vào chế độ kiểm soát PTZ.

✎ ■ Camera khác nhau thì chức năng kiểm soát PTZ và tốc độ có thể khác nhau.



- ⬅️: Chế độ PTZ bị đóng.
- 📷: Chụp video trạng thái hiện tại.
- 🔍: Sau khi nhấp vào biểu tượng thu phóng kỹ thuật số, bạn có thể sử dụng các nút <🔍 / 🔍> để phóng to hoặc thu nhỏ video.
- ↺️: Quay lại màn hình thu phóng 1x.

Điều chỉnh hướng camera

Phím 8 hướng sẽ xuất hiện khi bạn di chuột đến <⬇️> và phím hướng sẽ biến mất khi chuột rời khỏi vùng phím hướng. Bạn có thể tinh chỉnh hướng camera bằng cách nhấp một lần vào phím 8 hướng. Tiếp tục nhấp vào các phím mũi tên để di chuyển theo hướng mong muốn và thả chuột để dừng.

Để nhanh chóng điều chỉnh hướng của camera, hãy nhấp vào <⬇️> và kéo. Màn hình di chuyển nhanh chóng theo hướng mong muốn. Bạn có thể điều chỉnh tốc độ di chuyển màn hình theo khoảng cách kéo.

Di chuyển đến giữa màn hình

Nhấp vào một vị trí cụ thể trên màn hình để di chuyển video tại vị trí đó vào giữa màn hình.

Thu phóng vùng đã chọn

Kéo một vùng cụ thể của màn hình để di chuyển vùng đã chọn vào giữa màn hình và phóng to.

Phóng to và Thu nhỏ Video

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ bằng cách dùng con lăn chuột. Nhấp vào <↺️> để quay lại kích thước ban đầu.

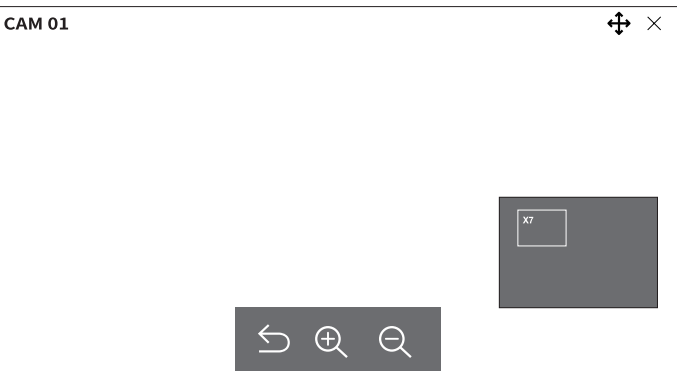
Phóng to

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ video thông qua thu phóng kỹ thuật số.

Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <🔍>.

Vào chế độ thu phóng kỹ thuật số.

✎ ■ Trong chế độ PTZ, nhấp vào <🔍> để chạy thu phóng kỹ thuật số.



- ⬅️: Thoát khỏi chế độ thu phóng kỹ thuật số.
- 🔍 / 🔍: Phóng to hoặc thu nhỏ video.
- Bản đồ con: Bản đồ con sẽ hiển thị khi video được phóng to 10%. Thông qua bản đồ con, bạn có thể nhanh chóng kiểm tra vị trí mong muốn trong video được phóng to.

Âm thanh

Bạn có thể bật/tắt âm thanh tương ứng với kênh ở chế độ Trực tiếp.

Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <🔊>.

Chỉ có thể bật đầu ra âm thanh trong một kênh. Đầu ra âm thanh của các kênh khác sẽ tự động bị tắt.

- ✎ ■ Nếu bạn đã cấu hình cài đặt đầu ra âm thanh đúng cách nhưng âm thanh hoặc giọng nói không phát, hãy kiểm tra xem camera mạng được kết nối có hỗ trợ tín hiệu âm thanh hay không và liệu bạn đã cấu hình cài đặt âm thanh phù hợp chưa. Biểu tượng âm thanh có thể hiển thị nếu tín hiệu âm thanh bị nhiễu không phát.
- Chỉ kênh có <Âm thanh> được đặt là <Sử dụng> trong menu “**Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh**” mới hiển thị biểu tượng âm thanh (🔊) ở chế độ Trực tiếp mà bạn có thể dùng để bật hoặc tắt âm thanh.

Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ hình ảnh của mỗi kênh.

Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <  >.

Nó sẽ thay đổi thành tỷ lệ video thực.



KIỂM SOÁT PTZ

Với bộ giải mã này, bạn có thể cấu hình cài đặt của các camera PTZ ngoài các camera an ninh thông thường theo sở thích của người dùng.

Tính năng này chỉ hoạt động nếu bạn chọn kênh mà camera PTZ được kết nối.

Bắt đầu vận hành PTZ

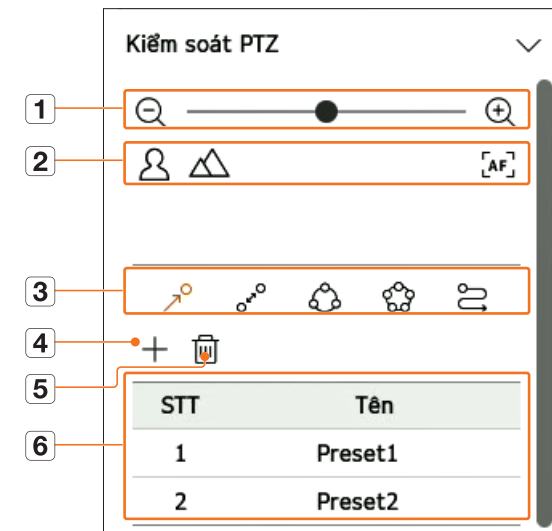
Camera PTZ sẽ chỉ được kích hoạt nếu bạn chọn kênh của camera PTZ. Sau khi chọn kênh mong muốn, nhấp vào <  > trên menu màn hình trực tiếp.

-  Tính năng này chỉ khả dụng nếu camera PTZ được kết nối và biểu tượng <  > được hiển thị trên màn hình.
- Kể cả khi camera mạng được kết nối không hỗ trợ vận hành PTZ, bạn có thể cấu hình cài đặt điều khiển PTZ (nếu có thể) bằng cách cài đặt trình kiểm soát PTZ (thiết bị vật lý).
- Nó chỉ hỗ trợ một camera mạng có chức năng PTZ của Hanwha Vision và một camera đã đăng ký trong ONVIF.

Menu kiểm soát PTZ

Bạn có thể sử dụng một camera đơn để thực hiện các thao tác Xoay, Nghiêng và Thu phóng để theo dõi nhiều nơi và cấu hình cài đặt tùy chỉnh các thiết lập sẵn ở chế độ mong muốn.

Nhấp vào < **Kiểm soát PTZ**  > ở phía dưới bên trái của màn hình Trực tiếp để hiển thị menu điều khiển camera PTZ như dưới đây.



Tên			Chức năng
1		Thu nhỏ/ Phóng to	Kích hoạt thao tác Thu phóng của camera PTZ.
2		Gần/Xa	Bạn có thể điều chỉnh lấy nét theo cách thủ công.
		Điều chỉnh tiêu điểm tự động	Bạn có thể điều chỉnh lấy nét tự động.
3		Thiết lập sẵn	Đặt vị trí thiết lập sẵn để di chuyển camera, sau đó chọn thiết lập sẵn mong muốn để di chuyển đến vị trí đã đặt.
		Xoay	Xoay là một chức năng giám sát di chuyển giữa hai điểm thiết lập sẵn và cho phép bạn theo dõi chuyển động.
		Nhóm	Chức năng nhóm cho phép bạn nhóm các thiết lập sẵn khác nhau trước khi gọi chúng theo trình tự.
		Tour	Lần lượt theo dõi tất cả các nhóm mà người dùng tạo.
		Dõi vết	Truy vết ghi nhớ dấu vết của các chuyển động mà bạn đã chỉ dẫn và sao chép để bạn tham khảo.
4			Thiết lập sẵn mà bạn đặt được lưu và hiển thị trong danh sách.
5			Xóa danh sách thiết lập sẵn đã chọn.
6	Danh sách thiết lập sẵn		Hiển thị danh sách các thiết lập sẵn đã lưu.

-
- Dấu PTZ làm việc (hoạt động) có thể hoạt động kể cả khi thao tác PTZ không vận hành bình thường. Vì vậy, hãy đảm bảo rằng bạn đã hoàn tất cài đặt PTZ trước khi tiếp tục.
 - Tên và các chức năng Xoay, Nhóm, Hành trình và Dõi vết có thể khác nhau ở một số camera.

-
- Kể cả khi camera mạng của bạn hỗ trợ chức năng này, bạn chỉ có thể sử dụng nó nếu nút được kích hoạt trong trình khởi chạy điều khiển PTZ.

Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)

- Đăng ký một camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ.
 - Bạn có thể sử dụng chức năng D-PTZ ở các camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ.
- Cả camera hỗ trợ PTZ thông thường và camera hỗ trợ D-PTZ đều có thể điều khiển hình ảnh trực tiếp bằng cách sử dụng một số menu chức năng <Kiểm soát PTZ>.
 - Để biết thêm thông tin về các chức năng được hỗ trợ, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng camera.

Thiết lập sẵn

Thiết lập sẵn là một tập hợp dữ liệu đã lưu xác định vị trí của camera PTZ. Một camera PTZ đơn có thể lưu tối đa 300 vị trí.

-
- Số lượng cài đặt sẵn tối đa có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cài đặt sẵn mà camera hỗ trợ.

Để thêm thiết lập sẵn

- Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <>.
 - Màn hình điều khiển PTZ xuất hiện.
- Sử dụng các phím mũi tên để điều chỉnh camera về điểm.
- Nhấp vào <>.
- Nhấp vào <> để chuyển đến cửa sổ "Cài đặt thiết lập trước đó".

Cài đặt thiết lập trước đó

STT 3

Tên

Lưu

Hủy

- Nhấp vào < STT 3 > để chọn số thiết lập sẵn cần đặt.
- Nhập tên thiết lập sẵn.
- Nhấp vào <Lưu>.
Cài đặt thiết lập sẵn sẽ được lưu.

-
- Nếu bạn thay thế một camera lưu các cài đặt thiết lập sẵn của bạn bằng một camera khác, bạn phải cấu hình lại cài đặt thiết lập sẵn.

Để xóa một thiết lập sẵn đã đăng ký

1. Nhấp vào <  >.
2. Nhấp vào <  >.
Cửa sổ "Xóa thiết lập sẵn" sẽ xuất hiện.



3. Nhấp vào < STT 1: Preset1 > để chọn thiết lập sẵn cần xóa.
4. Nhấp vào <Xóa>.
Thiết lập sẵn đã chọn sẽ bị xóa.

Chạy thiết lập sẵn

1. Nhấp vào <  >.
2. Từ danh sách, nhấp vào thiết lập sẵn mà bạn muốn chạy.
Ống kính camera di chuyển đến vị trí đã đặt.

Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)

Phương thức chạy của mỗi chức năng giống như phương thức vận hành thiết lập sẵn. Để biết chi tiết về cách sử dụng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng camera.



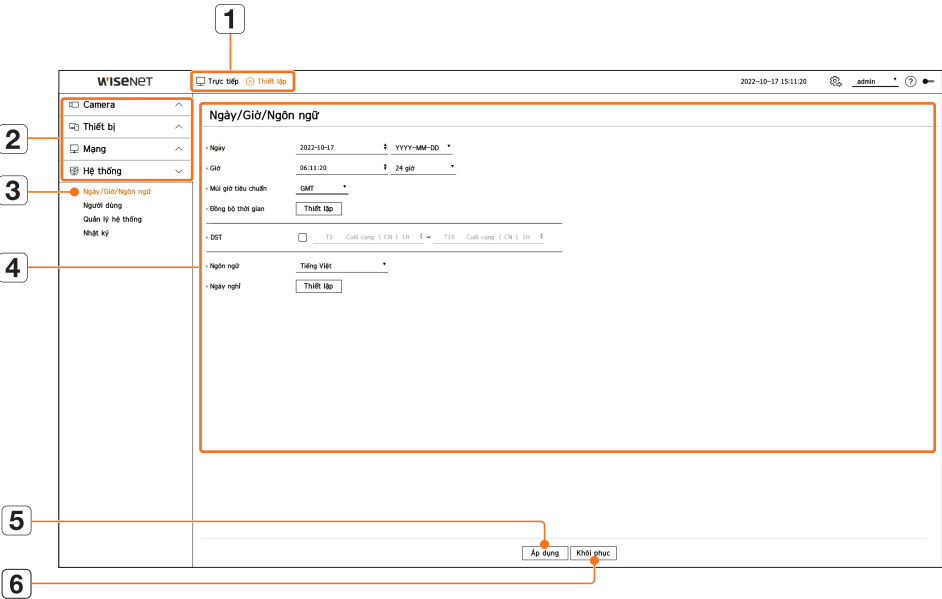
- Tùy thuộc vào khả năng của camera, chỉ một số tính năng có thể khả dụng.

thiết lập

Có thể thiết lập camera, thiết bị, mạng và hệ thống.

 ■ Bạn có thể kiểm tra cấu hình màn hình thiết lập sau đây khi nó ở chế độ vận hành <Độc lập>.

BỐ CỤC MÀN HÌNH CỦA THIẾT LẬP



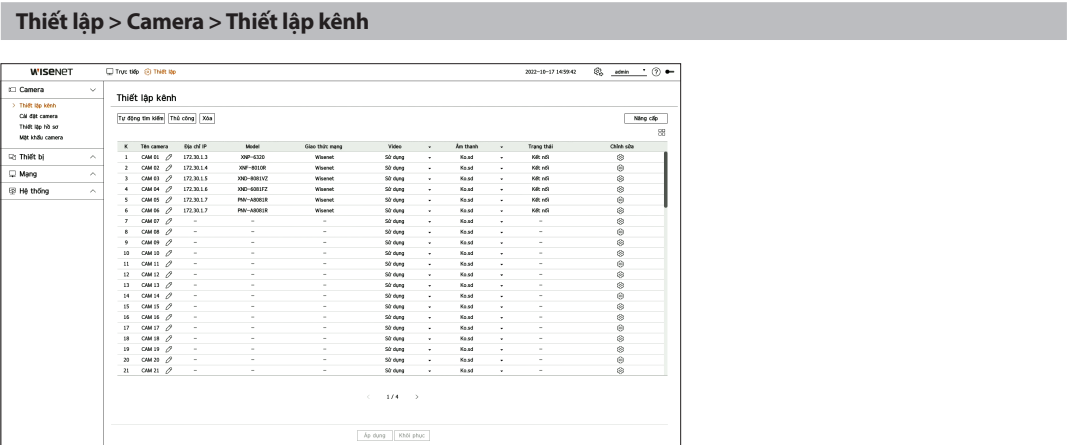
Tên		Chức năng
1	Menu	Nhấp vào từng menu để đi đến màn hình menu.
2	Danh sách menu hàng đầu	Cấu hình cài đặt hoặc chọn một mục chính để thay đổi cài đặt hiện có.
3	Danh sách menu phụ	Trong số các menu phụ của menu chính đã chọn, hãy chọn một mục mà bạn muốn đặt.
4	Menu chi tiết	Nhấp vào trường đầu vào của mục mà bạn muốn thay đổi và nhập giá trị mong muốn.
5	Áp dụng	Áp dụng các cài đặt đã sửa đổi.
6	Khôi phục	Khôi phục về cài đặt đã sử dụng trước khi thay đổi.

CÀI ĐẶT CAMERA

Bạn có thể truy cập thiết lập kênh, thiết lập camera, hồ sơ và các cài đặt liên quan đến mật khẩu camera.

Thiết lập kênh

Bạn có thể đăng ký một camera mạng cho từng kênh và tạo kết nối giữa chúng.



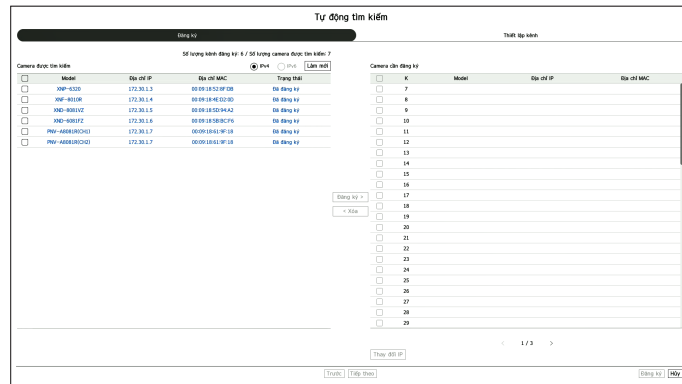
-  Hiển thị camera của kênh dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
 - Cameras được kết nối bởi ONVIF không hỗ trợ xem trước.
- Tên camera: Cung cấp Tên camera. Bạn có thể nhập tối đa 15 chữ cái bao gồm cả dấu cách.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera mạng.
- Model: Hiện tên model camera.
- Giao thức mạng: Hiện thông tin giao thức của camera mạng đã đăng ký.
- Video
 - Sử dụng/Ko.sd: Bạn có thể bật/tắt camera của kênh đã chọn. Một màn hình trống sẽ hiển thị nếu video camera bị tắt.
 - Covert1: Hiển thị thông tin ngoại trừ thông tin video từ kênh đã chọn. Video không được hiển thị để bảo vệ quyền riêng tư của người bị giám sát.
 - Covert2: Không hiển thị tất cả thông tin của kênh đã chọn và chỉ hiển thị một màn hình trống.
- Âm thanh
 - Nếu được đặt là <Sử dụng>, bạn có thể BẬT/TẮT âm thanh của kênh trên màn hình Trực tiếp.
 - Khi được đặt là <Ko.sd>, >, âm thanh sẽ tắt trên màn hình trực tiếp.

 ■ Các kênh mà video được đặt là <Covert1> hoặc <Covert2> không có âm thanh trên màn hình trực tiếp kể cả khi âm thanh được đặt là <Sử dụng>.

- Trạng thái: Hiển thị trạng thái kết nối.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thay đổi thông tin kết nối của camera.
- Nâng cấp: Bạn có thể kiểm tra phiên bản, phiên bản nâng cấp, trạng thái của camera và nâng cấp nó.

 ■ Nếu bạn không thể đăng ký camera sau khi khởi tạo hệ thống, hãy kiểm tra cài đặt mạng. Khi hệ thống được khởi động và cài đặt mạng được đặt lại, bảng thông mạng của camera sẽ khác với bảng thông mạng của sản phẩm, vì vậy sẽ không thể đăng ký camera.

Tự động đăng ký camera mạng



1. Trong trường <**Thiết lập kênh**>, nhấp vào nút <**Tự động tìm kiếm**>.
2. Cửa sổ <**Tự động tìm kiếm**> sẽ xuất hiện.
 - Khi bạn nhấp vào <> trong danh sách camera trên màn hình trực tiếp, bạn có thể tự động tìm và đăng ký một camera.
3. Chọn một camera để đăng ký từ danh sách <**Camera được tìm kiếm**> và nhấp vào <**Đăng ký**>. Bạn có thể kiểm tra camera đã chọn trong danh sách <**Camera cần đăng ký**>.
 - Một camera đã đăng ký sẽ được đánh dấu màu xanh dương trong danh sách.
 - Trường hợp bạn tìm lại hoặc giữ nguyên IP do máy chủ DHCP chưa gán IP của camera (Ví dụ: 192.168.1.100), nhấp vào <**Làm mới**> để xác nhận xem nó có được gán hay không.
 - <**Trạng thái**> hiển thị trạng thái ủy quyền camera. Nếu trạng thái là <**Xác thực thất bại**>, hãy nhấp vào <> để nhập ID camera và mật khẩu.
 - Nhấp vào một tiêu đề ở đầu danh sách để sắp xếp danh sách theo tiêu đề đó.
4. Để thay đổi địa chỉ IP của camera, hãy chọn camera mong muốn từ danh sách <**Camera cần đăng ký**> và nhấn nút <**Thay đổi IP**>.
5. Nhấp vào <**Tiếp theo**> ở cuối màn hình để đặt kênh camera đã đăng ký.
6. Nhấn nút <**Đăng ký**> ở phía dưới bên phải của màn hình để đăng ký camera đã chọn.



- Nếu bạn đăng ký một camera bằng tài khoản người dùng — không phải tài khoản quản trị viên — thì các tính năng của camera có thể bị hạn chế.
- Khi thay đổi ID camera và mật khẩu trong trình xem web của camera, nếu camera đã được đăng ký trên bộ giải mã, bạn cũng phải thay đổi ID và mật khẩu của camera đã đăng ký trên bộ giải mã.
- Khi camera ở trạng thái cài đặt gốc mặc định, nó sẽ được thay đổi thành ID và mật khẩu được đặt trong "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**".
- Nếu bạn đã đặt ID và mật khẩu của camera, ID và mật khẩu được đặt trong "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**" sẽ được đăng ký. (tối đa 3 bộ)
- Camera Wisenet được đăng ký qua giao thức Wisenet trong khi camera của bên thứ ba được đăng ký qua giao thức ONVIF.
- Bạn không được kết nối một thiết bị chạy máy chủ DHCP với cổng PoE hoặc cổng thiết lập camera. (Ví dụ: Bộ định tuyến)
- Nếu camera sử dụng nguồn điện riêng, người dùng phải đăng ký camera thủ công hoặc tự động.

Đăng ký thủ công camera mạng

1. Nhấp vào <**Thủ công**> trong trường <**Thiết lập kênh**>.
2. Cửa sổ <**Đăng ký thủ công**> sẽ xuất hiện.
 - Nhấp vào <+> trong danh sách camera trên màn hình trực tiếp để đăng ký camera thủ công.
3. Chọn một kênh và giao thức được dùng để kết nối với camera. Các mục đầu vào có thể khác nhau tùy thuộc vào giao thức được chọn.
 - Wisenet: Có thể sử dụng giao thức của camera Wisenet.
 - ONVIF: Có nghĩa là camera hỗ trợ giao thức ONVIF. Khi kết nối một camera mà bạn không thấy tên trong danh sách, hãy chọn <**ONVIF**>.
 - Khi đăng ký một camera với ONVIF, nếu thời gian hệ thống của camera và bộ giải mã chênh nhau quá 2 phút thì không thể đăng ký camera. Hãy đồng bộ cài đặt thời gian của camera và bộ giải mã trước khi đăng ký.
 - RTSP: Khi phát trực tuyến theo thời gian thực, hãy tuân thủ RFC 2326, một trong các "Giao thức phát trực tuyến theo thời gian thực (RTSP)".
4. Nếu bạn chọn giao thức <**Wisenet**>, hãy kiểm tra các tùy chọn nếu cần.
 - Model: Chọn một model camera.
 - Không xác định: Chọn khi không xác định được model camera.
 - Camera Wisenet: Bạn có thể đăng ký các camera và bộ mã hóa của Hanwha Vision.
 - Đa kênh Wisenet: Bạn có thể đăng ký các camera đa hướng và camera đa ảnh của Hanwha Vision. Camera đa kênh là camera có nhiều mô-đun camera trong một thân máy. Bạn có thể đăng ký vài kênh cùng lúc nếu camera được đăng ký tự động với một bộ giải mã. Tuy nhiên, nếu muốn đăng ký thủ công, bạn cần đăng ký từng kênh một.

thiết lập

- Loại địa chỉ: Chọn loại địa chỉ truy cập của camera.
 - Loại địa chỉ được hỗ trợ có thể khác nhau tùy thuộc vào loại sản phẩm được kết nối.
- IPv4/IPv6: Sử dụng trong trường hợp bạn phải nhập trực tiếp địa chỉ IP của camera.
- Wisenet DDNS: Có thể sử dụng khi camera được đăng ký trên máy chủ Wisenet DDNS (ddns.hanwha-security.com). Nhập miền đã đăng ký trong ID DDNS.
Ví dụ: Trong trường hợp đó là http://ddns.hanwha-security.com/snb5000, hãy nhập snb5000 trong Wisenet DDNS
- URL: Sử dụng khi bạn nhập một URL.



- Bạn có thể kiểm tra các thông số kỹ thuật của DDNS mà mỗi camera hỗ trợ trong hướng dẫn sử dụng của camera tương ứng.

- Địa chỉ IP: Cung cấp địa chỉ IP của camera.
- Cổng: Nhập cổng thiết bị của camera.
 - Các cổng thiết bị có thể không được hỗ trợ tùy thuộc vào sản phẩm camera.
- HTTP: Nhập cổng HTTP của camera.
- ID: Cung cấp ID của camera mà bạn muốn đăng ký.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu của camera cần đăng ký.
- Chi tiết: Có thể thiết lập chế độ phát trực tuyến.

5. Chọn<ONVIF> hoặc <RTSP> cho giao thức và nhập thông tin đầu vào của bạn cho mỗi trường xuất hiện.

- ONVIF: Sau khi chọn loại IP, hãy đặt địa chỉ IP, cổng ONVIF, ID, mật khẩu và các chi tiết.
 - Loại IP: Cung cấp loại IP của camera.
 - Địa chỉ IP: Nhập địa chỉ IP của camera.
 - Cổng ONVIF: Nhập số cổng khi loại địa chỉ là IPv4 hoặc IPv6.
 - Kênh: Nhập kênh để đăng ký camera.
 - ID: Nhập ID camera.
 - Mật khẩu: Vui lòng nhập mật khẩu camera.
 - Chi tiết: Có thể thiết lập trạng thái sử dụng TLS, chế độ xác thực và chế độ phát trực tuyến.
- RTSP: Đặt URL, ID, mật khẩu và các chi tiết.
 - URL: Nhập địa chỉ truy cập RTSP của bạn. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng camera của bạn.
 - ID: Nhập ID camera.
 - Mật khẩu: Vui lòng nhập mật khẩu camera.
 - Chi tiết: Có thể thiết lập chế độ phát trực tuyến.



- Khi chọn giao thức ONVIF, RTSP, bạn có thể cài đặt chi tiết chế độ phát trực tuyến.
 - TCP: Kết nối với camera mạng hoạt động thông qua RTP qua TCP.
 - UDP: Kết nối với camera mạng hoạt động thông qua RTP qua UDP.
 - HTTP: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua TCP (HTTP).
 - HTTPS: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua TCP (HTTPS).

Để kiểm tra chi tiết lỗi của đăng ký camera

Nếu bạn đăng ký một camera không thành công, lý do thất bại sẽ được hiển thị.

- **Kết nối không thành công do lý do không xác định** : Thông báo này xuất hiện nếu không đăng ký được camera do trạng thái kết nối không xác định.
- **Kết nối thất bại do tài khoản Camera bị khóa** : Thông báo này sẽ hiển thị khi bạn nhập sai ID/mật khẩu 5 lần để đăng nhập tài khoản camera.
Hãy thử đăng nhập lại sau 30 giây. Nếu thông báo tương tự vẫn xuất hiện, có thể bạn cần kiểm tra xem liệu ai đó đã cố gắng truy cập tài khoản camera của bạn từ bên ngoài hay không.
- **Đã kết nối thành công** : Thông báo này xuất hiện nếu camera đã kết nối thành công.
- **Thông tin model sai. Vui lòng cung cấp tên model chính xác** : Thông báo này xuất hiện nếu thông tin model được cung cấp để đăng ký camera không đúng.
- **Xác thực thất bại** : Thông báo này xuất hiện nếu ID hoặc mật khẩu được cung cấp để đăng ký camera không đúng.
- **Truy cập thất bại vì vượt quá số lượng người dùng đồng thời tối đa** : Thông báo này xuất hiện nếu số lượng người dùng đồng thời vượt quá giới hạn trên.
- **Kết nối không thành công do cổng HTTP sai** : Thông báo này xuất hiện nếu số cổng HTTP của camera không hợp lệ.
- **Kết nối không thành công. Lỗi kết nối không xác định** : Thông báo này xuất hiện nếu camera không kết nối được do một lỗi không xác định.
- **Sửa đổi model người dùng**: Khi đăng ký một camera mới, nó được đặt tên theo mặc định của thiết bị nếu người dùng đặt model là <Camera Wisenet>. Trong trường hợp đăng ký tự động không thành công, người dùng có thể thay đổi tên model của camera cần đăng ký.

Để chỉnh sửa hồ sơ camera

Để biết thêm thông tin về các thay đổi hồ sơ, hãy xem trang "**Thiết lập > Cài đặt Camera > Thiết lập hồ sơ**" trong mục lục.

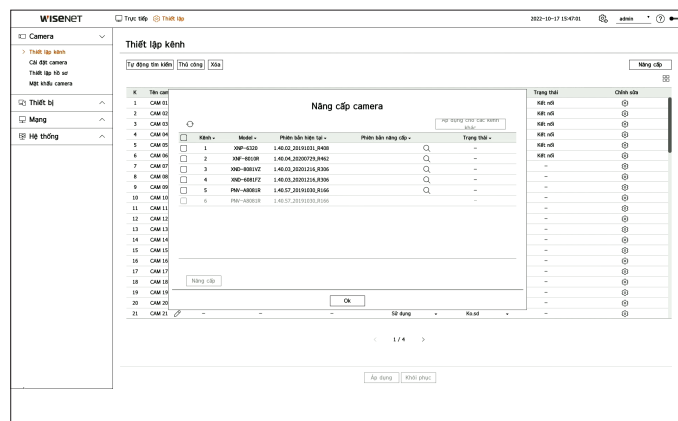


- Đối với bộ giải mã, nếu hồ sơ trực tiếp và hồ sơ từ xa được đặt khác nhau, một camera có thể tạo ra 2 loại luồng. Đặc biệt, lưu ý rằng hồ sơ trực tiếp có thể thay đổi tùy thuộc vào chế độ phân chia màn hình.
- Đối với các camera, nếu chỉ áp dụng với một hồ sơ thì tốc độ khung hình được tạo sẽ cố định như hồ sơ xác định; nếu áp dụng với nhiều hồ sơ, tốc độ khung hình của luồng video được tạo sẽ không đảm bảo. Ví dụ: nếu áp dụng với 2 hồ sơ 30 fps, camera có thể truyền các luồng với tốc độ 20 fps.

Xóa camera mạng

1. Nhấp vào <Xóa> trong trường <Thiết lập kênh>.
2. Khi cửa sổ xóa xuất hiện, hãy chọn kênh camera cần xóa.
 - Nhấp vào <Tất cả các kênh> để chọn camera của tất cả các kênh.
3. Nhấp vào <Ok> để xóa camera của kênh đã chọn.

Nâng cấp phần mềm điều khiển camera mạng



- Kênh: Hiển thị thông tin kênh.
- Model: Hiển thị thông tin model camera.
- Phiên bản hiện tại: Hiển thị phiên bản phần mềm điều khiển camera hiện tại.
- Phiên bản nâng cấp: Hiển thị phiên bản phần mềm điều khiển cần nâng cấp.
 - Nhấn nút <🔍> để chọn phần mềm điều khiển theo cách thủ công trong USB.
 - <🖥️> thể hiện nâng cấp thông qua một máy chủ từ xa.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái của nâng cấp đang diễn ra (nâng cấp, thành công, không thành công).

1. Nhấp vào <Nâng cấp> trong trường <Thiết lập kênh>.

2. Hiển thị danh sách kênh có thể nâng cấp giữa các camera được kết nối.

- Nếu trên máy chủ từ xa tồn tại phần mềm điều khiển mới hơn, phiên bản nâng cấp sẽ được hiển thị và hộp kiểm được chọn tự động.
- Nếu không thấy phiên bản nâng cấp, bạn có thể nhấn nút <🔄> để lấy thông tin về phiên bản nâng cấp từ máy chủ.
- Kết nối USB với phần mềm điều khiển camera vào bộ giải mã và nhấp vào <🔍> để tìm kiếm và chọn các tệp phần mềm điều khiển từ USB.
- Chọn một kênh và nhấn nút <Áp dụng cho các kênh khác> để áp dụng phần mềm điều khiển cho các kênh khác được kết nối cùng lúc với cùng model.

3. Chọn hộp của kênh mà bạn muốn nâng cấp.

4. Nhấp vào nút <Nâng cấp>. Quá trình nâng cấp phần mềm điều khiển camera bắt đầu.

- Bạn có thể chuyển sang menu khác trong khi nâng cấp.
- Nhấp vào <Dừng> trong khi nâng cấp để dừng nâng cấp.
- Bạn có thể xem kết quả trong cửa sổ bật lên khi hoàn tất nâng cấp.

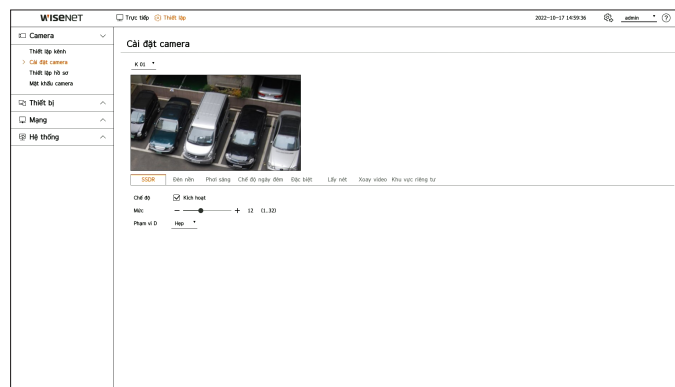


- Nâng cấp phần mềm điều khiển chỉ khả dụng cho các kênh được kết nối với giao thức Wisenet và tài khoản quản trị viên của camera.
- Hãy kiểm tra cài đặt mạng nếu phiên bản nâng cấp không hiển thị đủ phần mềm điều khiển của camera đã lỗi thời.
- Tệp có thể không được quét nếu có hơn 50 tệp phần mềm điều khiển trong thư mục USB trên cùng.
- Ngắt kết nối USB khỏi bộ giải mã trong thời gian nâng cấp qua USB có thể khiến hệ thống khởi động lại.

Cài đặt camera

Bạn có thể đặt camera trong khi xem video trực tiếp của camera đã chọn.

Thiết lập > Camera > Cài đặt camera



- Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các trường hợp sau:
 1. Một camera được kết nối với các giao thức Wisenet.
 2. Một camera được kết nối với quyền quản trị viên.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng camera để biết thêm chi tiết về việc thiết lập camera. Với mỗi camera, cài đặt và thông số hoạt động có thể khác nhau.
- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.

SSDR

Nếu có sự khác biệt đáng kể giữa các vùng tối và sáng, hãy tăng độ sáng của các vùng tối để duy trì mức sáng của toàn vùng.

Có thể thiết lập chế độ, mức và phạm vi D.

Đèn nền

Bạn có thể xem cả vùng sáng và vùng tối.

Có thể thiết lập chế độ, mức WDR, mức đen WDR và mức trắng WDR.

Phơi sáng

Bạn có thể điều chỉnh độ phơi sáng của camera.

Có thể thiết lập độ sáng, màn trập, SSNR, Sens-up, Iris/Ống kính và AGC.

- Độ sáng: Điều chỉnh độ sáng bằng cách cài đặt giá trị phơi sáng.
- Màn trập: Điều chỉnh độ sáng bằng cách điều khiển tốc độ màn trập của camera. Nếu chọn màn trập, bạn có thể đặt trong số các mục dưới đây.
 - Tự động: Điều chỉnh độ sáng tự động, kiểm soát tốc độ màn trập của camera.
 - ESC (Điều khiển màn trập điện tử): Điều chỉnh độ sáng tự động, điều khiển tốc độ màn trập theo độ sáng xung quanh.
 - Thủ công: Điều chỉnh độ sáng bằng cách chọn thủ công tốc độ màn trập tối đa/tối thiểu của camera.
 - Chống rung: Giảm hiện tượng rung video khi màn hình bị rung do các tần số và độ sáng khác nhau. Không thể đặt tốc độ màn trập khi chọn tần số chống rung.

thiết lập

- SSNR: Giảm nhiễu, kể cả ở những chỗ tối và giảm thiểu dư ảnh của đối tượng để kiểm soát độ sáng.
- Sens-up: Tự động điều chỉnh tốc độ màn trập theo độ sáng của đèn hiện tại.
- Iris/Ống kính: Điều chỉnh độ sáng bằng cách điều chỉnh IRIS và ống kính của camera theo cách tự động hoặc thủ công.
- AGC: Điều chỉnh độ sáng bằng cách khuếch đại tín hiệu điện của camera khi ảnh được chụp trong bóng tối.

Chế độ ngày đêm

Bạn có thể thay đổi chế độ để điều chỉnh màu và độ tương phản.
Bạn có thể đặt Chế độ, Thời gian chuyển, Màu âm, Thời gian tiến hành, Nhập thông báo, Thay đổi độ sáng, Lấy nét đơn giản sau ngày/đêm và Thời gian khởi động hình ảnh màu.

- Bạn có thể chọn chế độ hiển thị video ngày/đêm trong <Chế độ>.
 - Màu: Hình ảnh luôn được hiển thị ở dạng màu.
 - Đen/Trắng: Hình ảnh luôn được hiển thị ở dạng Đen/Trắng
 - Tự động: Video sẽ được hiển thị ở dạng màu trong môi trường bình thường và ở chế độ Đen/Trắng vào ban đêm.
 - Bên ngoài: Hiển thị một màu hoặc video Đen/Trắng bằng cách liên kết một camera hồng ngoại bên ngoài với thiết bị đầu cuối đầu vào cảnh báo. Đặt mục đầu vào cảnh báo khi chọn <Bên ngoài>.
 - Lịch: Nhập trực tiếp thời gian kích hoạt (màu) để điều khiển chế độ hiển thị video. Nhấp vào <Thiết lập> và nhập thời gian kích hoạt.

Đặc biệt

Có thể thiết lập DIS (Digital Image Stabilization - Ổn định hình ảnh kỹ thuật số), chức năng khử sương và mức.

Lấy nét

Bạn có thể điều chỉnh việc lấy nét của video của camera.
Có thể thiết lập lấy nét, thu phóng, lấy nét đơn giản, khởi tạo lấy nét.

Xoay video

Có thể thiết lập chế độ gương, lật và chế độ xem hành lang.

Khu vực riêng tư

Bạn có thể đặt một vùng ẩn trong phạm vi hình ảnh của camera để bảo vệ sự riêng tư. Bạn có thể chọn sử dụng hoặc không sử dụng cài đặt quyền riêng tư và thiết lập 32 vùng riêng tư mới.

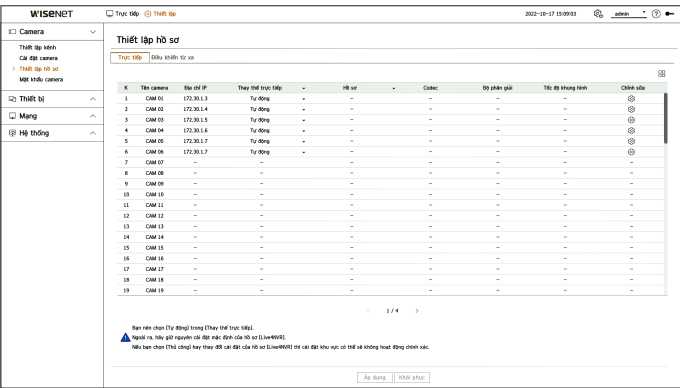
- 
- Đối với camera PTZ, không thể cấu hình cài đặt và kể cả khi đã cấu hình, vùng cài đặt có thể không đúng.

Thiết lập hồ sơ

Cài đặt hồ sơ trực tiếp

Bạn có thể thay đổi cài đặt trực tiếp của camera mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Trực tiếp



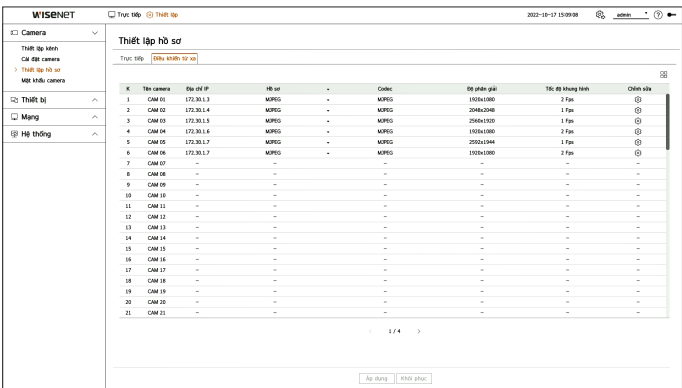
- : Hiển thị camera của kênh dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của một camera.
- Thay thế trực tiếp: Bạn có thể chọn chế độ thiết lập hồ sơ trực tiếp.
Nếu bạn chọn <Thủ công> các mục thiết lập hồ sơ được bật và bạn có thể thay đổi cài đặt theo cách thủ công.
 - Tự động: Đối với hồ sơ để giám sát trực tiếp, một hồ sơ được tối ưu hóa cho từng chế độ phân chia được hiển thị cùng hồ sơ "Live4NVR" được tạo tự động tại thời điểm đăng ký camera.
 - Thủ công: Hồ sơ do người dùng chọn từ hồ sơ camera đã đăng ký được giám sát trực tiếp.
- Hồ sơ: Bạn có thể đặt hồ sơ camera.
- Codec: Hiển thị codec của hồ sơ đã chọn.
- Độ phân giải: Hiển thị độ phân giải của hồ sơ đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Hiển thị tốc độ khung hình của hồ sơ đã chọn.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thêm, thay đổi và xóa hồ sơ camera.
- 

 - Lỗi rớt khung hình có thể xảy ra nếu bạn sử dụng các cài đặt video cao hơn yêu cầu được khuyến cáo, chẳng hạn như băng thông, độ phân giải hoặc tốc độ khung hình.
Nếu xảy ra lỗi rớt khung hình, bạn nên đặt yêu cầu hồ sơ như dưới đây:
 - Yêu cầu hồ sơ khuyến cáo: 640x360, 30 fps, 512 Kbps

Cài đặt hồ sơ từ xa

Bạn có thể đặt hồ sơ video được truyền đến mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Điều khiển từ xa



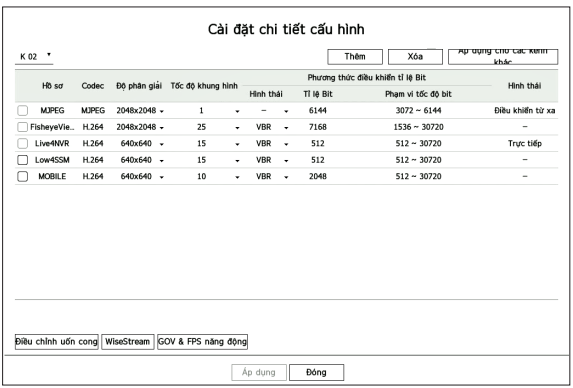
- Hiển thị camera của kênh dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của một camera.
- Hồ sơ: Bạn có thể đặt hồ sơ từ xa của camera được kết nối.
- Codec: Bạn có thể xem codec của hồ sơ từ xa đã chọn.
- Độ phân giải: Bạn có thể xem độ phân giải của hồ sơ từ xa đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Bạn có thể xem tốc độ khung hình của hồ sơ từ xa đã chọn.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thêm, thay đổi và xóa hồ sơ camera.

■ Có thể sử dụng hồ sơ từ xa đã đặt làm hồ sơ video của màn hình mở rộng tùy thuộc vào cài đặt <**Thay thế trực tiếp**> của hồ sơ trực tiếp.

Chỉnh sửa hồ sơ

Bạn có thể thay đổi cài đặt video của camera mạng đã đăng ký cho từng kênh.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ



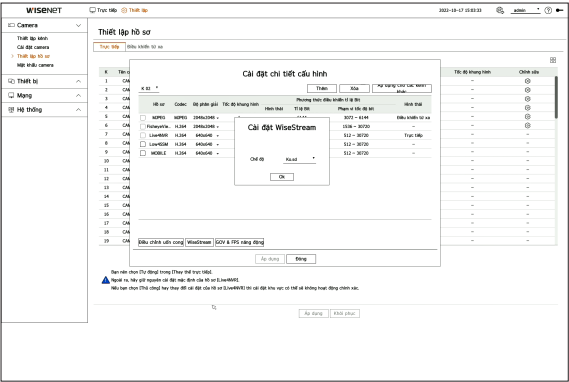
- Chọn kênh: Bạn có thể chọn các kênh camera để thay đổi cài đặt truyền video của chúng.
- Thêm: Bạn có thể thêm hồ sơ camera. Nếu bạn nhấp vào <**Thêm**>, cửa sổ Thêm sẽ xuất hiện. Nhập thông tin và nhấp vào nút <**Ok**> để thêm nó vào danh sách.
- Xóa: Bạn có thể xóa hồ sơ đã chọn khỏi danh sách.
- Áp dụng cho các kênh khác: Nếu bạn chọn <**Áp dụng cho các kênh khác**>, cửa sổ xác nhận "**Áp dụng cho các kênh khác**" sẽ xuất hiện. Sau khi chọn các kênh mà cài đặt sẽ được áp dụng, nhấp vào <**Ok**> để áp dụng cho các kênh đã chọn.
- Hồ sơ: Bạn có thể kiểm tra hồ sơ video của camera được kết nối với thiết lập camera.
- Codec: Bạn có thể kiểm tra codec của kênh đã chọn.
- Độ phân giải: Bạn có thể thay đổi độ phân giải của kênh đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Bạn có thể thay đổi tốc độ khung hình của kênh đã chọn.
- Phương thức điều khiển tỉ lệ Bit: Bạn có thể thay đổi loại tỉ lệ bit của kênh đã chọn.
- Hình thái: Bạn có thể xem hồ sơ hiện đang được áp dụng.

- Nếu bạn thay đổi cài đặt hồ sơ cụ thể cho từng sản phẩm, phạm vi thiết lập của tốc độ khung hình có thể được thay đổi. Ví dụ: Nếu bạn đặt tốc độ khung hình cho hồ sơ đầu tiên là 30 fps thì phạm vi cài đặt cho hồ sơ thứ hai có thể được thay đổi thành 15 fps.
- Bất kỳ cài đặt nào khác ngoài codec, độ phân giải và tốc độ khung hình có thể được thay đổi trong menu thiết lập của trình xem camera trên web. Đối với trình xem camera trên web, hãy xem phần "**Trình xem thiết lập > Cài đặt camera > Cài đặt camera**" trong mục lục. Nhấp vào <**Trình xem camera trên web**> để kết nối.
- Nếu bạn thay đổi cài đặt của hồ sơ mà bạn hiện đang sử dụng, màn hình có thể bị gián đoạn trong khoảng thời gian nhất định.
- Những thay đổi được thực hiện với trang thiết lập camera của bạn sẽ được áp dụng ngay lập tức. Nhưng có thể mất đến 3 phút để áp dụng thay đổi đối với mọi thay đổi được thực hiện thông qua trang web trực tuyến của camera.
- Không hỗ trợ cài đặt tốc độ bit cho các camera ONVIF.

Cách đặt WiseStream

Có chức năng phân tích độ phức tạp của video và giảm kích thước dữ liệu hiệu quả trong khi vẫn duy trì chất lượng. Để biết chi tiết, hãy tham khảo phần trợ giúp của camera hoặc hướng dẫn sử dụng của sản phẩm.

Nhấn nút <WiseStream> ở cuối màn hình <Cài đặt chi tiết cấu hình> để chuyển đến cửa sổ bật lên thiết lập WiseStream cho kênh.



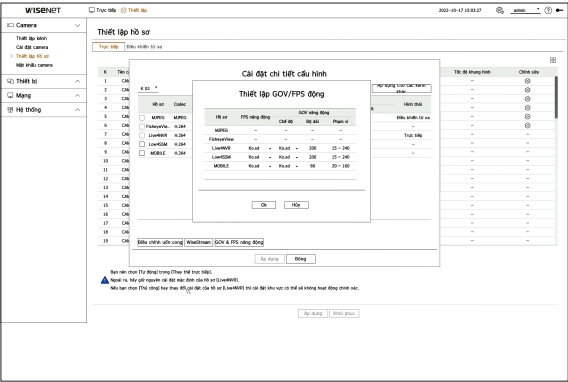
- Chế độ: Bạn có thể chọn độ nén video. Bạn có thể chọn từ <Ko.sd>, <Thấp>, <Trung bình> và <Cao>.

 ■ Bạn không thể đặt WiseStream nếu không có camera nào được đăng ký với một bộ giải mã hỗ trợ WiseStream.

Thiết lập GOV/FPS động

GOV động là chức năng tự động thay đổi độ dài của GOV tùy thuộc vào tình huống video. Để biết chi tiết, hãy tham khảo phần trợ giúp của camera hoặc hướng dẫn sử dụng của sản phẩm.

Ở cuối màn hình <Cài đặt chi tiết cấu hình>, nhấn nút <GOV & FPS năng động> để mở cửa sổ bật lên thiết lập GOV/FPS động cho kênh.



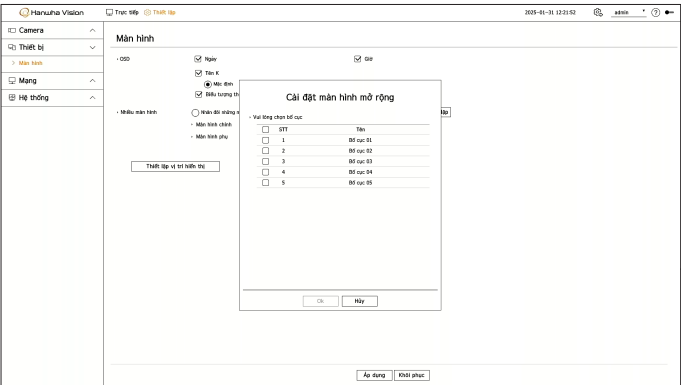
- Hồ sơ: Hiển thị hồ sơ video của thiết lập camera được kết nối.
- FPS năng động: Tự động điều chỉnh tốc độ khung hình (số khung hình/giây) dựa trên điều kiện video.
- GOV năng động
 - Chế độ: Đặt độ dài GOV để tự động thay đổi.
 - Độ dài: Nhập giá trị độ dài GOV tối đa sẽ được áp dụng khi không có chuyển động trong video. Có thể đặt giá trị GOV tối thiểu trên trang web camera.
 - Phạm vi: Phạm vi giá trị đầu vào của <Độ dài> được hiển thị.

 ■ Mọi hồ sơ không được hỗ trợ cài đặt GOV/FPS động đều được đánh dấu '!'.

thiết lập

Cài đặt màn hình mở rộng

Chức năng này chỉ khả dụng cho các sản phẩm hỗ trợ việc sử dụng màn hình mở rộng.



1. Chọn <**Mở rộng các màn hình này**> trên màn hình video và nhấp vào <**Thiết lập**>.

Bạn có thể thay đổi bố cục của màn hình mở rộng.

2. Chọn bố cục mong muốn.

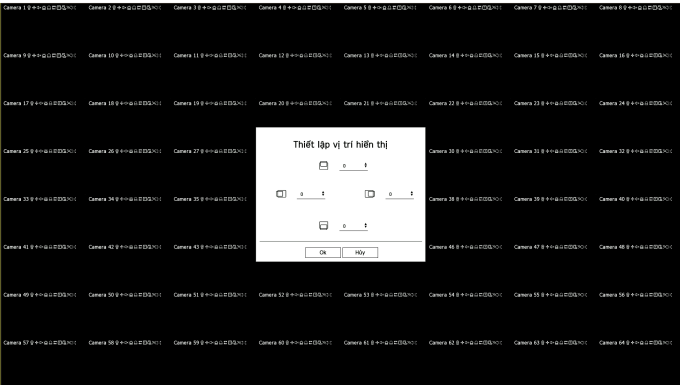
Khi cài đặt bố cục của màn hình mở rộng, bạn có thể chọn một bố cục từ danh sách bố cục được đặt trong màn hình chính và gán nó cho màn hình mở rộng.

❗ Chỉ có thể thực hiện việc thay đổi sang chế độ mở rộng khi có một bố cục được chia thành 25 phần trở xuống trong số các bố cục được thêm vào ngoài bố cục cơ bản.

- ✎ Khi chọn chế độ mở rộng, độ phân giải tối đa của đầu ra video trên màn hình chính (HDMI) được giới hạn ở mức 1920 x 1080.
- Màn hình sẽ không hoạt động bình thường nếu độ phân giải mới được chọn không phù hợp với màn hình. Trong trường hợp này, hãy đợi cho đến khi độ phân giải ban đầu được khôi phục và sau đó chuyển sang độ phân giải khác mà bạn chọn.
- Hãy xem xét môi trường mạng khi thiết lập thời gian chuyển đổi trình tự.
- Hỗ sơ được sử dụng trong đầu ra trực tiếp của màn hình mở rộng là hồ sơ từ xa. Nếu người dùng thay đổi cấu hình từ xa, đầu ra video của màn hình mở rộng có thể bị ảnh hưởng.
- Bằng cách đặt màn hình ở chế độ nhân đôi, bạn có thể chỉ định màn hình ở chế độ phân chia tối đa mà bộ giải mã hỗ trợ. Nếu bạn đặt màn hình ở chế độ mở rộng, có thể chỉ định tối đa 25 lần chia màn hình của màn hình phụ tùy thuộc vào model của bộ giải mã.
- Chỉ có thể đặt chức năng bố cục động trên màn hình chính.

Hiển thị cài đặt vị trí

Thông tin của bộ giải mã (tên camera, biểu tượng) có thể không hiển thị trên một số màn hình tùy thuộc vào trạng thái của chúng. Khi đó, bạn có thể thay đổi vị trí hiển thị của dữ liệu.



1. Nhấp vào <**Thiết lập vị trí hiển thị**> trên màn hình thiết lập màn hình.

2. Sử dụng nút <◀▶> để điều chỉnh màn hình bị cắt.

3. Nhấp vào <**Ok**>.

✎ Sản phẩm này chỉ hỗ trợ 30Hz ở độ phân giải 4k.

CÀI ĐẶT MẠNG

Có thể thiết lập cài đặt mạng của bộ giải mã.

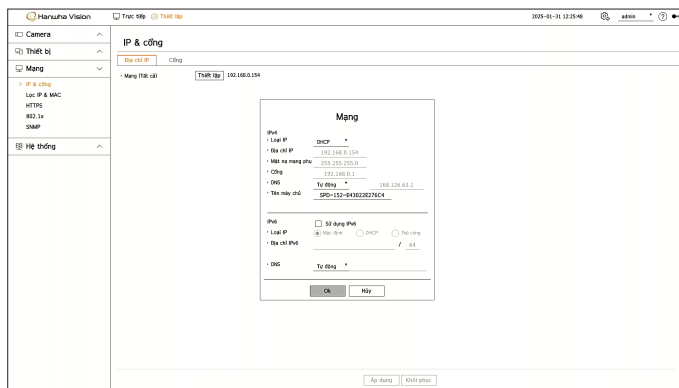
IP & Cổng

Bạn có thể đặt giao thức và lộ trình kết nối mạng.

Cài đặt kết nối mạng

Đặt giao thức và môi trường của mạng.

Thiết lập > Mạng > IP & Cổng > Địa chỉ IP



- Mạng (Tất cả): Có thể dùng làm cổng chung cho kết nối camera và trình xem web.
- Thiết lập
 - Loại IP: Chọn loại truy cập mạng.
 - Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng phụ, Cổng, DNS
 - Thủ công: Có thể nhập địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng kết nối và DNS theo cách thủ công.
 - DHCP: Có thể tự động đặt địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng kết nối và DNS.



- Bạn chỉ có thể nhập trực tiếp giá trị DNS của DHCP khi chọn <Thủ công>.

Kết nối và cài đặt mạng

Việc kết nối mạng có thể khác với phương thức kết nối, hãy kiểm tra môi trường của bạn trước khi đặt chế độ kết nối.

Khi không sử dụng bộ định tuyến

- Chế độ cài đặt thủ công
 - Phương thức kết nối Internet: Kết nối với IP tĩnh hoặc đường chuyên dụng, hoặc kết nối bộ giải mã và người dùng từ xa trong môi trường LAN (mạng cục bộ).
 - Phương thức cài đặt mạng: Đặt <Loại IP> của bộ giải mã được kết nối thành <Thủ công>.
 - Tham khảo ý kiến người quản lý mạng của bạn về IP, Cổng kết nối và Mặt nạ mạng phụ.
- Chế độ DHCP
 - Phương thức kết nối Internet: Kết nối trực tiếp bộ giải mã với modem cáp, kết nối trực tiếp bộ giải mã với modem DHCP hoặc kết nối trực tiếp bộ giải mã với mạng LAN quang.
 - Phương thức cài đặt mạng: Đặt <Loại IP> của bộ giải mã được kết nối thành <DHCP>.

Khi sử dụng bộ định tuyến



- Kiểm tra các mục sau để tránh xung đột với IP tĩnh của bộ giải mã.

- Cài đặt IP tĩnh của bộ giải mã
 - Phương thức kết nối Internet: Kết nối bộ giải mã với bộ định tuyến IP được kết nối với modem cáp hoặc kết nối bộ giải mã với bộ định tuyến IP trong môi trường LAN (mạng cục bộ).
 - Cài đặt mạng của bộ giải mã
 1. Đặt <Loại IP> của bộ giải mã được kết nối thành <Thủ công>.
 2. Đảm bảo rằng IP nằm trong dải IP tĩnh do bộ định tuyến IP cung cấp.
Địa chỉ IP, Cổng kết nối và Mặt nạ mạng phụ: Tham khảo ý kiến người quản lý mạng của bạn.
- Nếu máy chủ DHCP được cấu hình với địa chỉ bắt đầu (192.168.0.100) và địa chỉ kết thúc (192.168.0.200), bạn cần đặt địa chỉ IP ngoài phạm vi DHCP đã cấu hình (192.168.0.2 ~ 192.168.0.99 và 192.168.0.201 ~ 192.168.0.254).
3. Kiểm tra xem địa chỉ Cổng kết nối và mặt nạ mạng con có giống địa chỉ được đặt trong Bộ định tuyến bằng thông rộng hay không.

thiết lập

• **Đặt địa chỉ IP DHCP của bộ định tuyến bằng thông rộng**

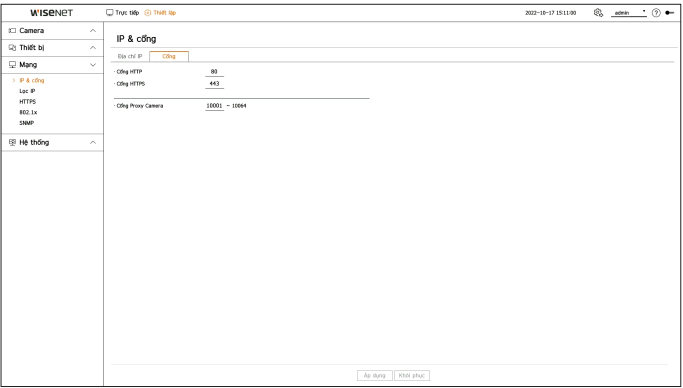
1. Nhập địa chỉ truy cập của bộ định tuyến IP trong trình duyệt internet của PC cục bộ được kết nối với bộ định tuyến IP để truy cập menu thiết lập của bộ định tuyến IP. (ví dụ: http://192.168.1.1).
2. Trong trường hợp này, trước tiên, hãy chỉ định cài đặt mạng Windows của PC cục bộ như trong ví dụ sau.
Ví dụ: IP: 192.168.1.2
Mặt nạ mạng phụ: 255.255.255.0
Cổng kết nối: 192.168.1.1
 - Sau khi kết nối với Bộ định tuyến bằng thông rộng, nó sẽ nhắc bằng mật khẩu. Nếu bạn không nhập gì cho Tên người dùng, hãy nhập “**admin**” trong phần mật khẩu và nhấp vào <Ok>, khi đó trang cài đặt bộ định tuyến IP sẽ xuất hiện.
 - Truy cập menu cấu hình DHCP của bộ định tuyến và đặt kích hoạt máy chủ DHCP, đồng thời cung cấp địa chỉ bắt đầu và kết thúc.
 - Địa chỉ bắt đầu: 192.168.0.100
 - Địa chỉ kết thúc: 192.168.0.200



Tùy thuộc vào nhà sản xuất, các bước trên có thể khác với các thiết bị bộ định tuyến.

Cài đặt cổng

Thiết lập > Mạng> IP & Cổng > Cổng

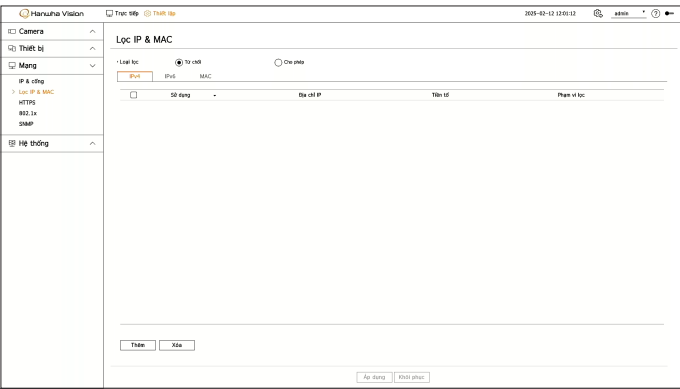


- Cổng HTTP: Nhập giá trị cổng cho trình xem web HTTP. Giá trị ban đầu được đặt thành <80>.
- Cổng HTTPS: Nhập giá trị cổng cho trình xem web HTTPS. Giá trị ban đầu được đặt thành <443>.
 - HTTPS là một phiên bản của giao thức truyền thông web HTTP với bảo mật nâng cao. Nếu bảo mật quan trọng khi truy cập trình xem web, hãy bật cổng HTTPS.
- Cổng Proxy Camera: Đặt cổng proxy camera. Giá trị ban đầu được đặt thành <10001>.

Lọc IP & MAC

Bạn có thể chuẩn bị danh sách để cho phép hoặc từ chối truy cập vào một địa chỉ IP hoặc MAC cụ thể.

Thiết lập > Mạng> Lọc IP & MAC



- Loại lọc
 - Từ chối: Quyền truy cập vào địa chỉ IP hoặc MAC đã đăng ký bị hạn chế.
 - Cho phép: Chỉ địa chỉ IP hoặc MAC đã đăng ký mới được phép truy cập.

Trong trường hợp lọc IPv4 hoặc IPv6

- Kích hoạt: Chọn có kích hoạt chức năng lọc IP đã đăng ký hay không.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP đã đăng ký. Nhấp đúp vào địa chỉ IP để thay đổi cài đặt.
- Tiền tố: Hiển thị tiền tố sẽ được lọc. Nhấp đúp vào tiền tố để thay đổi cài đặt.
- Phạm vi lọc: Nếu bạn nhập địa chỉ IP hoặc tiền tố thì phạm vi địa chỉ IP bị chặn hoặc được phép sẽ hiển thị.

!

 - Nếu địa chỉ IP của camera không có trong danh sách Cho phép hoặc nằm trong danh sách Từ chối, quyền truy cập vào camera sẽ bị từ chối.
 - Đối với IPv4, tính năng lọc IP của camera qua cổng PoE không được áp dụng ngay lập tức. (Các kết nối trước đó được duy trì và tính năng lọc được áp dụng vào lần đăng nhập tiếp theo.)

Cách đăng ký địa chỉ IP để lọc

1. Chọn tab tương ứng với loại IP bạn muốn đăng ký từ IPv4 hoặc IPv6.
2. Nhấp vào <Thêm> ở cuối màn hình.
3. Khi cửa sổ bổ sung hiển thị, hãy đặt chi tiết.
 - Lọc IP : Chọn có kích hoạt lọc IP hay không.
 - Địa chỉ IP : Nhập địa chỉ để kích hoạt lọc IP.
 - Nhập giá trị trong phạm vi từ 0 - 255 cho địa chỉ IP để đăng ký.
 - Tiền tố: Nhập giá trị tiền tố.
4. Nhấp vào <OK> để hoàn tất.



Để xóa mục đã đăng ký, hãy chọn hộp kiểm của mục sẽ xóa và nhấp vào <Xóa> ở cuối màn hình.

Trong trường hợp lọc MAC

- Kích hoạt: Chọn kích hoạt tính năng lọc MAC đã đăng ký hay không.
- Địa chỉ MAC: Hiển thị địa chỉ MAC đã đăng ký. Nhấp đúp vào địa chỉ IP để thay đổi cài đặt.

! ■ Nếu địa chỉ MAC của thiết bị mạng nằm trong danh sách từ chối hoặc không nằm trong danh sách cho phép, giao tiếp với thiết bị mạng sẽ bị chặn.

Để đăng ký các địa chỉ MAC để lọc

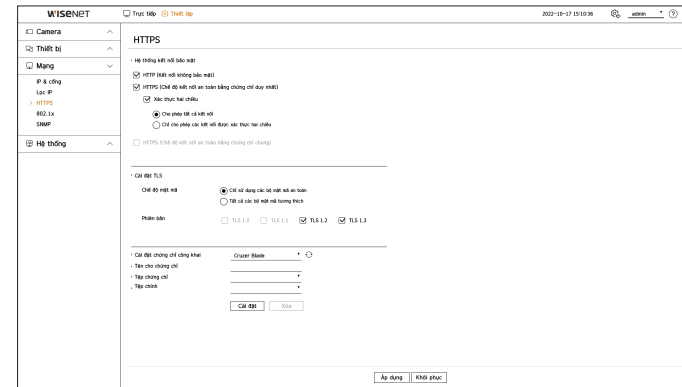
1. Chọn tab MAC.
 - Nếu bạn nhấp vào <**Tự động tìm kiếm**>, địa chỉ MAC của thiết bị mạng đã đăng ký sẽ tự động được thêm vào danh sách.
2. Nhấp vào <**Thêm**> ở cuối màn hình.
3. Hãy đặt các chi tiết khi cửa sổ thêm được hiển thị.
 - Kích hoạt: Chọn kích hoạt tính năng lọc MAC hay không.
 - Địa chỉ: Nhập địa chỉ để kích hoạt tính năng lọc MAC.
4. Nhấp vào <**OK**> để hoàn thành.

✎ ■ Để xóa một mục đã đăng ký, hãy chọn hộp kiểm của mục cần xóa và nhấp vào <**Xóa**> ở cuối màn hình.

HTTPS

Bạn có thể chọn hệ thống kết nối bảo mật hoặc cài đặt chứng chỉ.

Thiết lập > Mạng > HTTPS



- Hệ thống kết nối bảo mật: Bạn có thể chọn một hệ thống kết nối bảo mật theo môi trường của bạn khi xem xét mức bảo mật.

HTTPS (Giao thức truyền tải siêu văn bản bảo mật) là một phiên bản của HTTP với bảo mật nâng cao. Nó sử dụng TLS (Bảo mật tầng giao vận) để trao đổi dữ liệu trong quá trình mã hóa/giải mã yêu cầu trang của người dùng.

 - HTTP (Kết nối không bảo mật): Truyền dữ liệu mà không mã hóa.
 - HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ duy nhất): Kết nối an toàn được thực hiện bằng chứng chỉ duy nhất mà bộ giải mã cung cấp.
 - Xác thực hai chiều: Có thể thực hiện xác thực hai chiều để tăng cường bảo mật. Nếu chọn <**Cho phép tất cả kết nối**>, bạn có thể truy cập bộ giải mã mà không cần xác thực hai chiều. Nếu chọn <**Chỉ cho phép các kết nối được xác thực hai chiều**> bạn chỉ có thể truy cập bộ giải mã khi xác thực hai chiều thành công.
 - HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ chung): Kết nối an toàn được thực hiện bằng cách sử dụng chứng chỉ công khai. Bạn có thể chọn nó sau khi cài đặt chứng chỉ công khai.
- Cài đặt TLS: Bạn có thể chọn Chế độ mật mã hoặc phiên bản TLS để sử dụng cho giao tiếp được mã hóa.
 - Chế độ mật mã: Cung cấp các bộ mật mã bằng cách kết hợp các thuật toán khác nhau được sử dụng trong giao tiếp được mã hóa TLS, chẳng hạn như trao đổi khóa, xác thực và mã hóa.

<**Chỉ sử dụng các bộ mật mã an toàn**> chỉ sử dụng các bộ mật mã có độ bảo mật cao. Khi xem xét khả năng tương thích ngược, chọn <**Tất cả các bộ mật mã tương thích**>. Tuy nhiên, nó có thể dễ bị tấn công vì bao gồm tất cả các bộ mật mã dù trạng thái bảo mật là gì.
 - Phiên bản: Chọn phiên bản giao thức TLS để sử dụng cho giao tiếp được mã hóa.
 - Nếu bạn chọn <**Chỉ sử dụng các bộ mật mã an toàn**> cho <**Chế độ mật mã**> bạn chỉ có thể chọn trong số <**TLS 1.2**> hoặc <**TLS 1.3**>.

! ■ Trong trường hợp bộ giải mã được kết nối với internet bên ngoài hoặc được cài đặt trong môi trường coi trọng bảo mật, bạn nên sử dụng kết nối HTTPS.

- Cài đặt Chứng chỉ Công khai: Bạn có thể quét và đăng ký một chứng chỉ công khai để cài đặt. Bạn cần cài đặt tệp chứng chỉ và tệp khóa do tổ chức chứng nhận cấp để cài đặt chứng chỉ. Nhấp vào <**Cài đặt**> để đăng ký chứng chỉ.
 - Bạn không thể cài đặt hoặc xóa chứng chỉ công khai khi chúng ở chế độ <**HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ chung)**>. Hãy đổi sang chế độ <**HTTP (Kết nối không bảo mật)**> hoặc <**HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ duy nhất)**> để tiếp tục.
 - Cài đặt định dạng tệp chứng chỉ là .crt và định dạng tệp khóa là .key.
 - Sử dụng định dạng PEM được tạo bởi RSA (khuyến nghị 2048 trở lên) hoặc ECC cho chứng chỉ và tệp khóa.
 - Sử dụng PKCS#1, PKCS#8 mà không cần mật khẩu cho các chứng chỉ và tệp khóa.

thiết lập

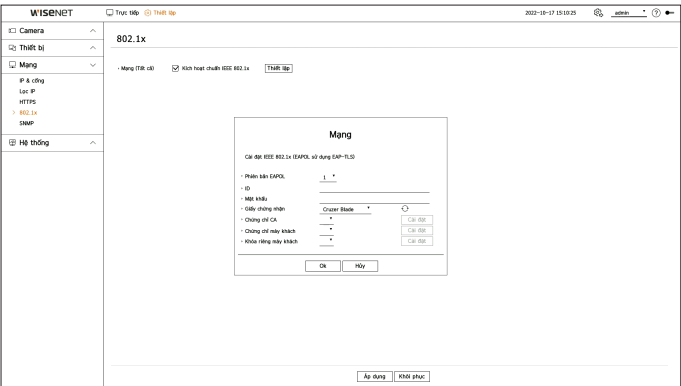
802.1x

Khi kết nối mạng, hãy chọn sử dụng giao thức 802.1x và cài đặt chứng chỉ hay không.

802.1x là hệ thống xác thực giữa máy chủ và máy khách, hệ thống này ngăn chặn việc xâm nhập, lây nhiễm vi-rút và rò rỉ thông tin của dữ liệu mạng được truyền và nhận.

Có thể sử dụng 802.1x để chặn truy cập máy khách trái phép và tăng cường bảo mật bằng cách chỉ cho phép những người dùng được xác thực giao tiếp.

Thiết lập > Mạng > 802.1x

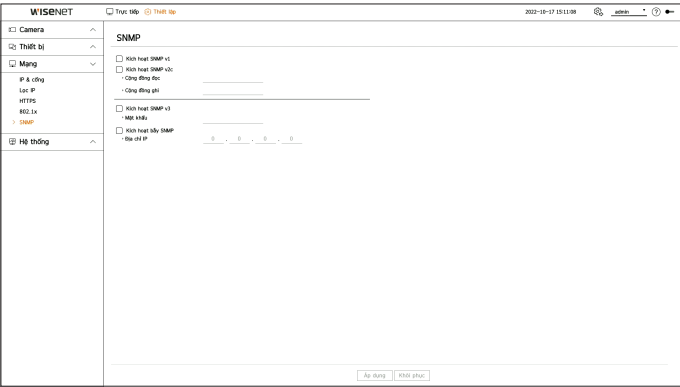


- Phiên bản EAPOL: Chọn phiên bản EAPOL sẽ dùng làm giao thức.
 - Một số hub chuyển mạch sẽ không hoạt động nếu bạn đặt chúng thành phiên bản <2>. Chọn phiên bản <1>, đây là phiên bản mặc định của EAPOL.
 - ID: Nhập ID do quản trị viên máy chủ RADIUS cung cấp.
 - Nếu ID đã nhập không khớp với ID của chứng chỉ máy khách, nó sẽ không được xử lý đúng cách.
 - Mật khẩu: Nhập mật khẩu do quản trị viên máy chủ RADIUS cung cấp.
 - Nếu mật khẩu bạn đã nhập không khớp với mật khẩu khóa cá nhân của máy khách, nó sẽ không được xử lý đúng cách.
 - Giấy chứng nhận: Tìm kiếm một thiết bị. Nhấp vào <↺> để tìm lại thiết bị.
 - Chứng chỉ CA: Chọn xem chứng chỉ công khai có bao gồm khóa công khai hay không.
 - Chứng chỉ máy khách: Chọn xem chứng chỉ công khai có bao gồm khóa xác thực của máy khách hay không.
 - Khóa riêng máy khách: Chọn xem chứng chỉ công khai có bao gồm khóa riêng tư của máy khách hay không.
-  Để triển khai thành công môi trường vận hành 802.1x, quản trị viên phải sử dụng máy chủ RADIUS. Ngoài ra, hub chuyển mạch được kết nối với máy chủ phải là thiết bị hỗ trợ 802.1x.
- Nếu cài đặt thời gian của máy chủ RADIUS, hub chuyển mạch và bộ giải mã không khớp, có thể không thực hiện được giao tiếp giữa các thiết bị.
 - Nếu mật khẩu được gán cho khóa riêng của máy khách, quản trị viên máy chủ phải xác nhận ID và mật khẩu. Mỗi ID và mật khẩu cho phép tối đa 30 ký tự. Xin lưu ý rằng nó chỉ hỗ trợ các chữ cái, số và ký tự đặc biệt (" ", " ", " "). Được phép truy cập các tệp không có mật khẩu bảo vệ mà không cần nhập mật khẩu.
 - Giao thức của bộ giải mã hỗ trợ 802.1x là EAP-TLS.
 - Bạn cần cài đặt cả ba chứng chỉ để sử dụng 802.1x.

SNMP

Giao thức SNMP cho phép quản trị viên hệ thống hoặc mạng giám sát và cấu hình từ xa các thiết bị mạng.

Thiết lập > Mạng > SNMP



- Kích hoạt SNMP v1: Sử dụng SNMP v1.
- Kích hoạt SNMP v2c: Sử dụng SNMP v2c.
 - Cộng đồng đọc: Nhập tên của cộng đồng chỉ đọc để truy cập thông tin SNMP.
 - Cộng đồng ghi: Nhập tên của cộng đồng chỉ ghi để truy cập thông tin SNMP.
- Kích hoạt SNMP v3: Sử dụng SNMP v3.
 - Mật khẩu: Đặt mật khẩu người dùng ban đầu cho SNMP phiên bản 3.
- Kích hoạt bẫy SNMP: Sử dụng bẫy SNMP để gửi các sự kiện và trạng thái quan trọng đến hệ thống quản lý.
 - Địa chỉ IP: Nhập địa chỉ IP để gửi tin nhắn.

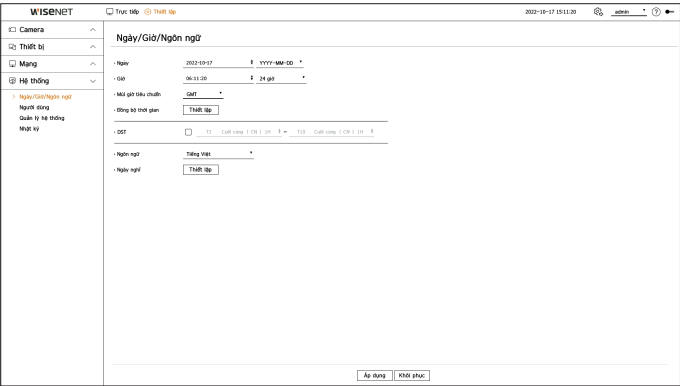
CÀI ĐẶT HỆ THỐNG

Bạn có thể đặt ngày, ngôn ngữ, quyền hạn, v.v. được hiển thị khi sử dụng hệ thống và truy vấn thông tin hệ thống hoặc thông tin nhật ký.

Ngày/Giờ/Ngôn ngữ

Bạn có thể kiểm tra và thiết lập các thuộc tính liên quan đến Ngày/Giờ và thời gian hiện tại, cũng như ngôn ngữ được sử dụng cho giao diện trên màn hình.

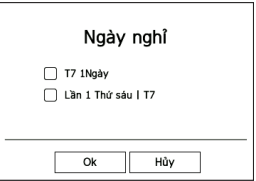
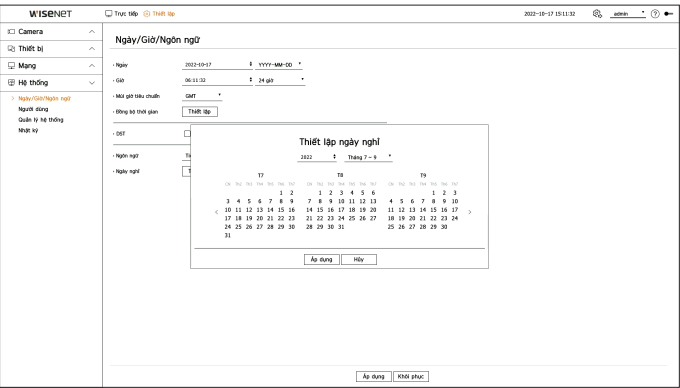
Thiết lập > Hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ



- Ngày: Đặt ngày và định dạng sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Giờ: Đặt thời gian và định dạng sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Múi giờ tiêu chuẩn: Đặt múi giờ của khu vực nơi cài đặt bộ giải mã dựa trên Giờ chuẩn Greenwich (GMT).
 - GMT (Giờ chuẩn Greenwich) là Giờ thế giới tiêu chuẩn và là cơ sở của múi giờ thế giới.
- Đồng bộ thời gian.: Chỉ định việc sử dụng đồng bộ với máy chủ thời gian. Nhấp vào nút <Thiết lập> để hiển thị màn hình thiết lập đồng bộ thời gian. Nếu bạn sử dụng <Đồng bộ với máy chủ NTP> thời gian hiện tại của bộ giải mã được đồng bộ bởi máy chủ được chỉ định bởi <Địa chỉ máy chủ NTP> và bạn không thể thay đổi thủ công thông tin thời gian.
 - Đồng bộ với máy chủ NTP: Chọn đồng bộ hoặc không đồng bộ thời gian với máy chủ thời gian.
 - Địa chỉ máy chủ NTP: nhập địa chỉ IP hoặc địa chỉ URL sẽ được dùng làm máy chủ thời gian.
 - Lần đồng bộ cuối cùng: Hiển thị thời điểm đồng bộ lần cuối với máy chủ thời gian hiện được đặt.
 - Kích hoạt dưới dạng máy chủ NTP: Nếu bạn chọn <Kích hoạt>, bộ giải mã vận hành với máy chủ thời gian của bộ giải mã hoặc camera mạng khác.
- DST: Thiết lập Giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày với thời gian sớm hơn 1 giờ so với GMT của múi giờ trong thời gian đã đặt.
- Ngôn ngữ: Chọn ngôn ngữ của bạn. Đặt ngôn ngữ cho giao diện.

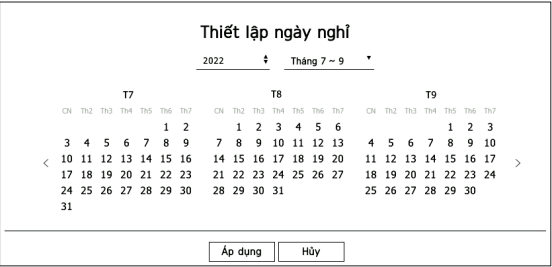
 Tùy thuộc vào địa điểm phát hành sản phẩm, việc thiết lập ngôn ngữ và thời gian tiêu chuẩn có thể khác nhau.

- Ngày nghỉ: Tùy thuộc vào sở thích riêng, người dùng có thể chọn các ngày cụ thể làm ngày nghỉ. Chọn một ngày nghỉ từ lịch được hiển thị bằng cách nhấp vào <Thiết lập>.



Ví dụ: Nếu bạn chọn ngày 1 tháng 7 và chỉ chọn <Ngày 1 tháng 7>, thì ngày 1 tháng 7 được đặt là ngày nghỉ hàng năm; nếu bạn chọn cả hai <Ngày 1 tháng 7> và <Thứ sáu đầu tiên | Tháng 7>, ngày 1 tháng 7 và Thứ Sáu đầu tiên của tháng Bảy sẽ được đặt làm ngày nghỉ hàng năm.

Để sử dụng lịch



- Chọn năm và tháng.
 - Nhấp vào <◀> ở phía bên phải của năm để thay đổi từng năm một.
 - Nhấp vào <▼> ở bên phải của tháng để thay đổi 3 tháng một.
- Chọn ngày và nhấp vào <Áp dụng>.

thiết lập

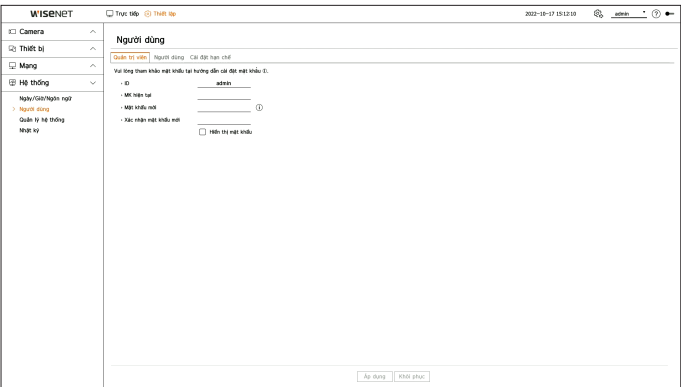
Người dùng

Bạn có thể quản lý người dùng, chẳng hạn bằng cách thêm hoặc xóa người dùng và cấp quyền hạn khác nhau cho mỗi người dùng.

Đặt quản trị viên

Bạn có thể đặt hoặc thay đổi ID và mật khẩu của quản trị viên. Quản trị viên có thể sử dụng và thiết lập tất cả các mục và chức năng của menu.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng > Quản trị viên

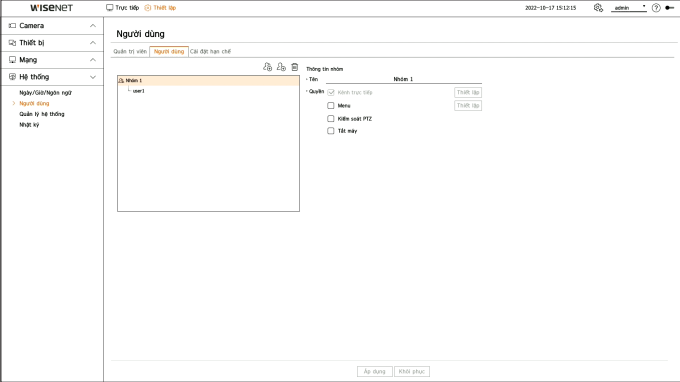


- ID: Thay đổi ID của quản trị viên.
 - MK hiện tại: Nhập mật khẩu hiện tại.
 - Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới.
 - Xác nhận mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu để đặt mới.
 - Nếu bạn chọn <Hiển thị mật khẩu>, mật khẩu được mã hóa sẽ được hiển thị dưới dạng các ký tự được nhập thực sự.
-  ID quản trị viên ban đầu được đặt là “admin” và bạn cần cấu hình mật khẩu trong trình hướng dẫn cài đặt.
- Vui lòng thay đổi mật khẩu của bạn định kỳ ba tháng một lần để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và tránh thiệt hại do việc đánh cắp thông tin. Vui lòng lưu ý người dùng tự chịu trách nhiệm về bảo mật và mọi vấn đề khác do việc quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.
 - Nếu bạn nhấp vào < >, hướng dẫn cơ bản để thiết lập mật khẩu sẽ hiển thị.

Cài đặt người dùng

Bạn có thể tạo nhóm người dùng và đặt quyền hạn cho từng nhóm. Bạn có thể quản lý thông tin người dùng như đăng ký và xóa người dùng trong nhóm người dùng đã tạo.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng > Người dùng



Để thêm một nhóm

- Nhấp vào nút < > để mở cửa sổ bật lên Thêm nhóm. Nếu bạn muốn thêm một nhóm, hãy nhấp vào <Ok>.
- Nếu bạn nhấp vào mục Tên nhóm ở bên phải, một bàn phím ảo để nhập tên nhóm sẽ xuất hiện. Nhập tên nhóm để đăng ký.
 - Bạn có thể thêm tối đa 10 nhóm.

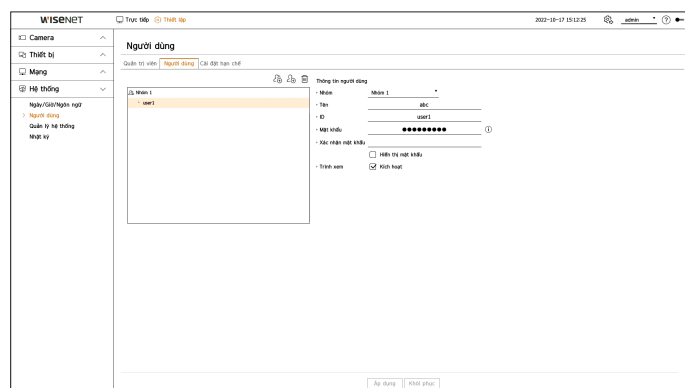
Để đặt quyền nhóm

Đặt quyền truy cập của nhóm. Người dùng trong nhóm chỉ có thể bật menu mà họ đã được cấp quyền.

- Chọn menu để đặt quyền nhóm.
 - Kênh trực tiếp: Bạn có thể đặt quyền truy cập màn hình trực tiếp cho từng kênh.
 - Menu: Bạn có thể chọn menu thiết lập mà người dùng từ một nhóm có thể truy cập. Nếu bạn chọn <Menu>, cửa sổ bật lên "Quyền truy cập menu" sẽ xuất hiện. Chọn kênh mong muốn và nhấp vào <Ok>. Nhấp vào <Thiết lập> để thay đổi mục đã chọn.
 - Kiểm soát PTZ: Người dùng từ một nhóm có thể điều khiển camera PTZ.
 - Tắt máy: Người dùng từ một nhóm có thể tắt hệ thống.
 - Các menu được đặt quyền sẽ hiển thị trong menu Trực tiếp khi người dùng của nhóm đăng nhập.
- Chọn <Áp dụng>.

Người dùng trong nhóm sẽ được cấp quyền truy cập vào các mục đã đặt.

Để đăng ký một người dùng



- Nhấp vào nút <  > để khởi chạy cửa sổ bật lên thêm người dùng.
Để thêm người dùng, hãy nhấp vào <Ok>.
- Chọn một nhóm.
Khi đăng ký người dùng, nhóm đã chọn sẽ được đăng ký tự động.
 - Bạn có thể thay đổi nhóm sau khi nhập tất cả thông tin người dùng.
- Nhập tên, ID và mật khẩu (xác nhận mật khẩu) và bật hoặc tắt tùy chọn trình xem.
Nếu bạn kích hoạt việc sử dụng <Trình xem>, bạn sẽ có quyền sử dụng trình xem web và trình xem mạng.
 - Nếu bạn chọn <Hiển thị mật khẩu>, mật khẩu được mã hóa sẽ được hiển thị dưới dạng các ký tự được nhập thực sự.
- Nhấp vào <Áp dụng>.
Thông tin người dùng đã đăng ký sẽ được lưu.

Để xóa thông tin nhóm và người dùng

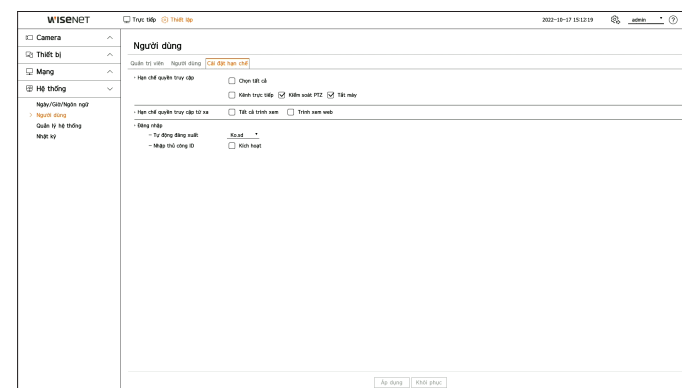
- Chọn nhóm hoặc người dùng để xóa và nhấn nút <  >.
- Cửa sổ xác nhận xóa sẽ xuất hiện và nhấp vào <Ok>.

Đặt quyền

Đặt quyền truy cập hạn chế của người dùng hoặc hạn chế mạng.

Để sử dụng, các mục có hạn chế sẽ yêu cầu đăng nhập.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng > Cài đặt hạn chế



- Hạn chế quyền truy cập: Chọn menu mà bạn muốn hạn chế quyền truy cập đối với người dùng.
 - Đã kiểm tra (): Có thể truy cập
 - Tất cả người dùng đều có thể truy cập menu, bất kể cài đặt quyền trong <Người dùng> cho menu là gì.
- Hạn chế quyền truy cập từ xa: Hạn chế quyền truy cập từ xa cho người dùng.
 - Tất cả trình xem: Hạn chế quyền truy cập mạng và quyền truy cập vào trình xem web của tất cả người dùng.
 - Trình xem web: Đặt tất cả người dùng không thể truy cập trình xem web.
- Tự động đăng xuất: Nếu người dùng không vận hành bộ giải mã trong khoảng thời gian nhất định sau khi đăng nhập, người dùng sẽ tự động bị đăng xuất.
- Nhập thủ công ID: Chọn nhập hoặc không nhập thủ công ID vào cửa sổ đăng nhập.

thiết lập

Nếu người dùng bị hạn chế quyền truy cập

Nếu người dùng thông thường chọn một menu mà họ không có quyền truy cập vào đó, cửa sổ xác nhận hạn chế truy cập sẽ được hiển thị. Nếu tất cả các quyền bị hạn chế, chỉ menu có thể truy cập của menu màn hình trực tiếp mới được hiển thị và chỉ có thể thay đổi mật khẩu của chính người dùng.

Để thay đổi mật khẩu người dùng

Nếu bạn đăng nhập bằng tài khoản người dùng của một nhóm bị hạn chế quyền truy cập, bạn chỉ có thể thay đổi mật khẩu của chính mình.



1. Cung cấp thông tin đăng nhập.
2. Chọn <Người dùng> từ <Hệ thống>.
3. Vui lòng nhập mật khẩu hiện tại của bạn.
4. Cung cấp mật khẩu mới. Nhập lại mật khẩu mà bạn muốn thay đổi vào ô xác nhận mật khẩu.
5. Chọn <Áp dụng>.
Mật khẩu cũ sẽ được thay đổi thành mật khẩu mới.

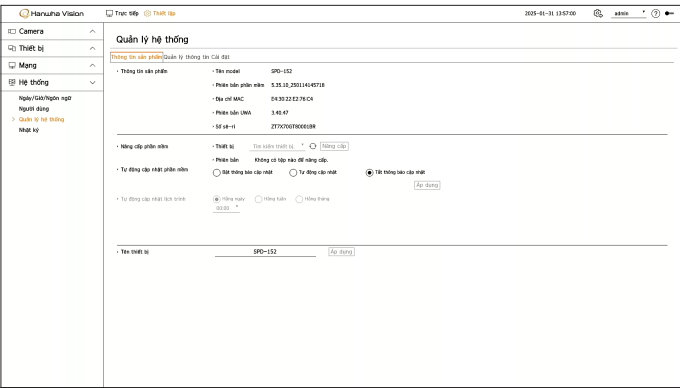
Quản lý hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản hệ thống hiện tại và cập nhật nó lên phiên bản mới, xuất dữ liệu, đặt lại cài đặt và hơn thế nữa.

Kiểm tra thông tin hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản hiện tại của hệ thống và địa chỉ MAC và nâng cấp nó.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Thông tin sản phẩm

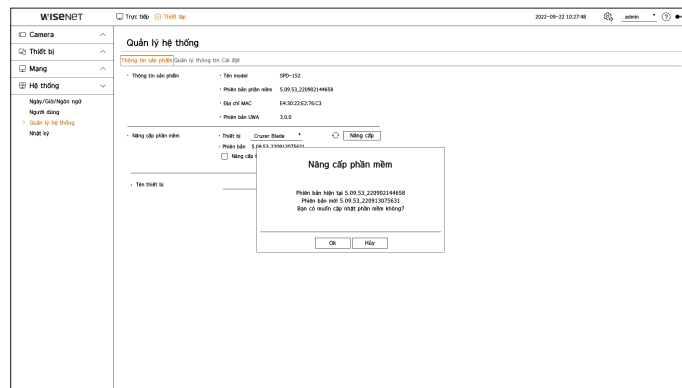


- Thông tin sản phẩm: Hiển thị thông tin của hệ thống hiện tại.
 - Tên model: Hiển thị tên model của sản phẩm.
 - Phiên bản phần mềm: Phiên bản phần mềm của sản phẩm hiện đang sử dụng sẽ được hiển thị. Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm và nâng cấp lên phiên bản mới nhất.
 - Địa chỉ MAC: Hiển thị địa chỉ MAC của sản phẩm.
 - Phiên bản UWA: Hiển thị phiên bản UWA của một sản phẩm.
 - Số sê-ri: Hiển thị số sê-ri sản phẩm.
- Nâng cấp phần mềm: Nâng cấp phần mềm của bộ giải mã được tìm kiếm lên phiên bản mới nhất.
 - Nếu nó không kết nối bình thường, mục nâng cấp phần mềm sẽ không được hiển thị.
 - Nhấp vào <↺> để tìm kiếm phần mềm trong USB hoặc mạng.
 - Khi việc cập nhật hoàn thành, nó sẽ tự động khởi động lại. Hãy cẩn thận không tắt nguồn trong khi nâng cấp.
- Tên thiết bị: Nhập tên của thiết bị. Chúng tôi khuyến cáo bạn đặt tên các thiết bị khác nhau để phân biệt nhiều bộ giải mã trong VMS và Trình quản lý thiết bị.

■ Thông tin hệ thống được hiển thị có thể khác nhau tùy thuộc vào model của bộ giải mã.

Để nâng cấp phiên bản phần mềm hiện tại

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Thông tin sản phẩm



1. Kết nối một thiết bị lưu trữ phần mềm sẽ được cập nhật.

- Có thể mất khoảng 10 giây để nhận dạng thiết bị.
- Các thiết bị có thể nâng cấp bao gồm bộ nhớ USB và thiết bị mạng.
- Nếu bạn muốn nâng cấp sản phẩm trên mạng, cần kết nối sản phẩm với mạng bên ngoài. Nâng cấp qua máy chủ proxy có thể không được kích hoạt do truy cập bị hạn chế.

2. Khi thiết bị được nhận dạng xuất hiện, chọn <Nâng cấp>.

- Nếu bạn kết nối một thiết bị trong cửa sổ menu nâng cấp, bạn có thể nhấn nút <↺> để tìm kiếm phần mềm khả dụng.
- Cửa sổ bật lên sẽ xuất hiện nếu có một phiên bản nâng cấp trên mạng.
- <Nâng cấp> sẽ chỉ được kích hoạt khi có một phiên bản cao hơn phiên bản phần mềm hiện tại.

3. Nhấp vào <Ok> trên cửa sổ <Nâng cấp phần mềm>.

- Trong khi nâng cấp, nó hiển thị tiến trình.

4. Khi nâng cấp xong, nó sẽ tự động khởi động lại.

Không tắt nguồn cho đến khi khởi động lại xong.

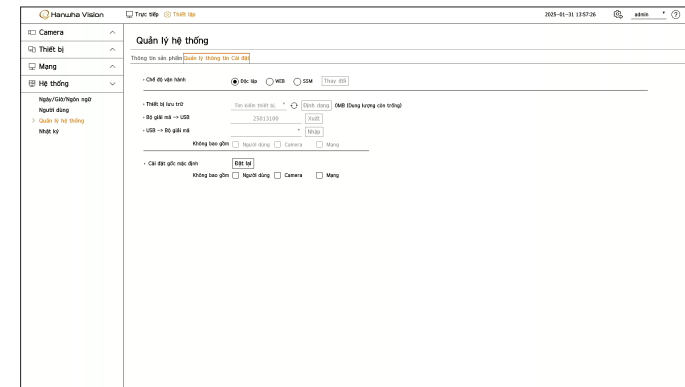


- Khởi động lại từ giai đoạn 2 nếu cửa sổ "<Nâng cấp thất bại>" xuất hiện. Khi bạn tiếp tục gặp lỗi, hãy liên hệ với trung tâm bảo hành để được hỗ trợ.

Quản lý thông tin thiết lập

Bạn có thể đặt chế độ vận hành để điều khiển bộ giải mã. Ngoài ra, bạn có thể áp dụng cùng những cài đặt đang sử dụng cho các bộ giải mã khác hoặc khởi tạo sản phẩm.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Quản lý thông tin Cài đặt



- Chế độ vận hành: Nếu có quyền quản trị, bạn có thể chọn chế độ vận hành để điều khiển một bộ giải mã.
 - Độc lập: Có thể điều khiển giám sát Trực tiếp và các thay đổi cài đặt của camera trên bộ giải mã. Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong trình xem web.
 - WEB: Chỉ có thể giám sát Trực tiếp camera trên bộ giải mã và yêu cầu trình xem web thay đổi cài đặt hoặc điều khiển.
 - SSM: Bộ giải mã chỉ cho phép giám sát trực tiếp camera phù hợp và việc thay đổi cài đặt hoặc điều khiển chỉ khả dụng trong SSM.
- Thiết bị lưu trữ: Hiển thị thiết bị lưu trữ được kết nối.
 - Nhấp vào <↺> để xem thiết bị lưu trữ.
 - Nếu bạn nhấp vào <Định dạng>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút <Có> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
- Bộ giải mã → USB: Lưu thông tin được đặt trên bộ giải mã vào thiết bị lưu trữ.
 - Nếu bạn chọn <Xuất>, cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện. Nếu bạn chọn <Ok>, thông tin bộ giải mã sẽ được lưu trữ dưới dạng tệp.
- USB → Bộ giải mã: Áp dụng thông tin thiết lập được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ trên bộ giải mã.
 - Nếu bạn chọn cài đặt loại trừ, bạn có thể nhập tất cả thông tin trừ thông tin đã chọn.
 - Nếu chọn <Nhập>, bạn có thể nhập thông tin thiết lập được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ. Nếu bạn chọn <Ok>, thông tin đã nhập sẽ được áp dụng cho bộ giải mã.
 - Chỉ có thể sử dụng cài đặt <Xuất> và <Nhập> trong cùng một phiên bản phần mềm.
- Cài đặt gốc mặc định: Bạn có thể đặt lại cài đặt hệ thống về cài đặt tại thời điểm mua sản phẩm. Tuy nhiên, nhật ký sẽ không được đặt lại. Bất kỳ tùy chọn nào được chọn trong Cài đặt loại trừ sẽ không thuộc cài đặt gốc. Một cửa sổ bật lên xác nhận sẽ xuất hiện khi bạn nhấn nút <Đặt lại>. Chọn nút <Ok> để đặt lại các mục đã chọn.

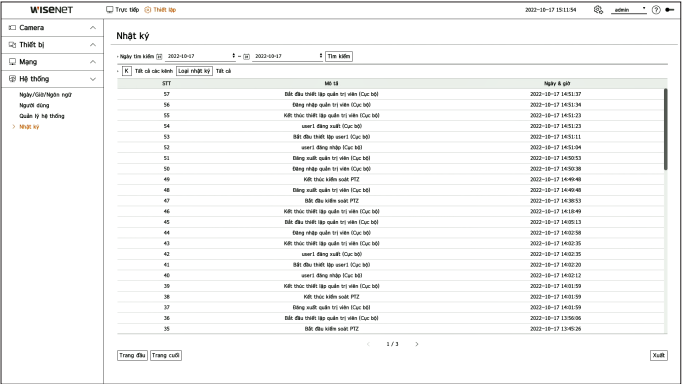


- Nếu bạn xuất thông tin thiết lập, thông tin thiết lập sẽ được lưu trữ dưới dạng tệp trong thư mục bộ giải mã của thiết bị lưu trữ.
- Nếu bạn muốn nhập thông tin thiết lập, bạn phải có tệp thông tin thiết lập trong thư mục bộ giải mã của thiết bị lưu trữ.

Nhật ký

Nhật ký hệ thống hiển thị nhật ký và dấu thời gian ở mọi lần khởi động hệ thống, tắt hệ thống và thay đổi cài đặt hệ thống.

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký

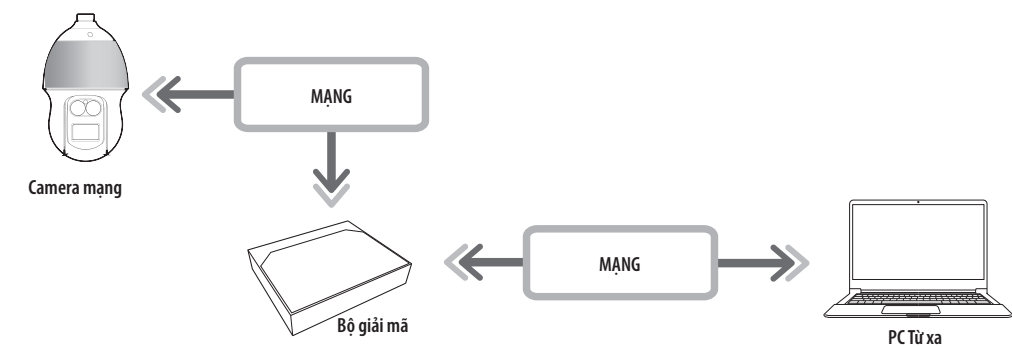


- Ngày tìm kiếm: Bạn có thể sử dụng cửa sổ lịch xuất hiện khi sử dụng biểu tượng lịch hoặc các nút hướng để chọn ngày tìm kiếm nhật ký hệ thống.
- Tìm kiếm: Chỉ định ngày và nhấn nút này để hiển thị kết quả tìm kiếm trong danh sách nhật ký.
- KÊNH: Vui lòng chọn kênh để tìm kiếm.
- Loại nhật ký: Trong trường hợp có nhiều thông tin nhật ký, bạn có thể tùy ý tìm kiếm thông tin cần thiết bằng cách chọn một loại nhật ký. Chọn loại mong muốn và nhấp vào <**Áp dụng**>.
- Trang đầu/Trang cuối: Nếu bạn có nhiều kết quả tìm kiếm, bạn có thể chuyển đến trang đầu tiên hoặc trang cuối cùng.
- Xuất: Lưu trữ tất cả thông tin nhật ký được ghi trên bộ giải mã vào thiết bị lưu trữ.

bắt đầu trình xem web

TRÌNH XEM WEB LÀ GÌ?

Trình xem web là một chương trình phần mềm mà người vận hành có thể truy cập từ xa để thay đổi thiết lập của bộ giải mã.



Các chức năng chính

- Kết nối từ xa bằng trình duyệt
 - Hỗ trợ chế độ phân chia
-  ■ Tùy thuộc vào số kênh được sản phẩm hỗ trợ, số lượng chế độ phân chia màn hình có thể khác nhau.

Các yêu cầu hệ thống

- Dưới đây là các yêu cầu được đề xuất tối thiểu về phần cứng và hệ điều hành cần để chạy Trình xem web.
- Sử dụng trình duyệt được hệ điều hành khuyến cáo.
Ví dụ: Trình duyệt được Microsoft khuyến cáo: Microsoft Edge
 - Các trình duyệt được hỗ trợ: Chrome, Edge và Safari
 - HĐH được hỗ trợ: Hoạt động trên tất cả các môi trường Windows, Linux và OS X do tính chất độc lập với nền tảng của web.
 - Các môi trường đã thử nghiệm: Đã được thử nghiệm và chứng nhận cho phép chạy trên Windows® 10 với Edge 91, Google Chrome™ 91 và bộ xử lý Intel® Core™ i7-7700 3,60 GHz với NVIDIA® GeForce® GTX™ 1050 hoặc Intel™ HD Graphics 630.

KẾT NỐI TRÌNH XEM WEB

1. Mở trình duyệt web của bạn và nhập địa chỉ IP hoặc URL của bộ giải mã vào hộp địa chỉ URL.
2. Người dùng có quyền quản trị cần nhập ID quản trị viên và mật khẩu.
Người dùng đã đăng ký cần nhập ID và mật khẩu của người dùng.

The screenshot shows a login interface with the title 'Đăng nhập'. Below it is the URL 'http://172.30.1.196' and a note: 'Kết nối của bạn tới trang web này không ở chế độ riêng tư'. There are two input fields: 'Tên người dùng' (Username) and 'Mật khẩu' (Password). At the bottom, there are two buttons: 'Đăng nhập' (Login) and 'Hủy' (Cancel).

3. Sau khi bạn đăng nhập, màn hình chính của trình xem trực tiếp sẽ xuất hiện.

-  ■ Tất cả các cài đặt được áp dụng theo cài đặt của bộ giải mã.
- Nếu bạn thay đổi cổng web khi kết nối với trình xem Web, bạn có thể không truy cập được vì cổng áp dụng bị chặn. Trong trường hợp này, hãy thay đổi cổng thành một cổng khác.
- Vui lòng thay đổi mật khẩu của bạn ba tháng một lần để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và tránh thiệt hại do việc đánh cắp thông tin. Vui lòng lưu ý người dùng tự chịu trách nhiệm về bảo mật và mọi vấn đề khác do việc quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.
-  ■ Chỉ quản trị viên hoặc người dùng đơn lẻ mới có thể truy cập trình xem web.
- Có thể thay đổi mật khẩu của quản trị viên và người dùng thông thường trong menu <Người dùng> của bộ giải mã.
- Người dùng thông thường cần Bật <Trình xem web> trong <Hạn chế quyền truy cập từ xa> trước khi kết nối với trình xem Web. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt Hệ thống > Người dùng" trong mục lục.
- Tất cả các cài đặt được áp dụng theo cài đặt của bộ giải mã.

ĐẶT MẬT KHẨU CỦA BỘ GIẢI MÃ

Sau khi được cập nhật về cài đặt gốc mặc định, phải đặt mật khẩu cho bộ giải mã để truy cập trình xem web.
Nhập mật khẩu của tài khoản quản trị viên và nhấp vào <Login>.

The screenshot shows the WISENET login interface. It has a dark background with the 'WISENET' logo at the top. Below the logo are three input fields: 'admin' (Username), 'Password', and 'Confirm Password'. There is a 'Show password' checkbox and a 'Login' button at the bottom.

-  ■ Nếu bạn nhấp vào <i>, hướng dẫn cơ bản để thiết lập mật khẩu sẽ hiển thị. Tham khảo quy tắc thiết lập mật khẩu.

bắt đầu trình xem web

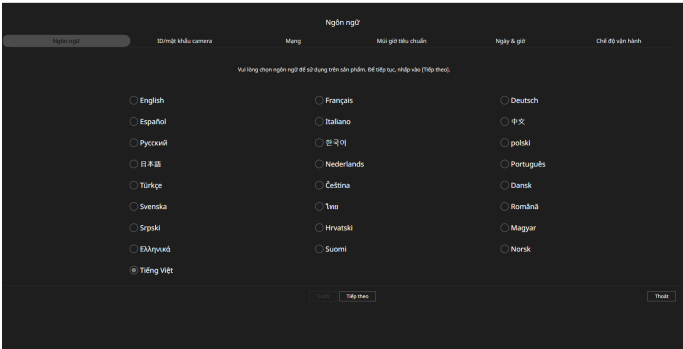
TRÌNH HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

Như minh họa bên dưới, hãy thực hiện từng bước trong <Trình hướng dẫn cài đặt>.

Chỉ có thể truy cập Trình hướng dẫn cài đặt ở trạng thái cài đặt gốc mặc định. Nếu bạn không muốn tiếp tục, hãy nhấp vào <Thoát>.

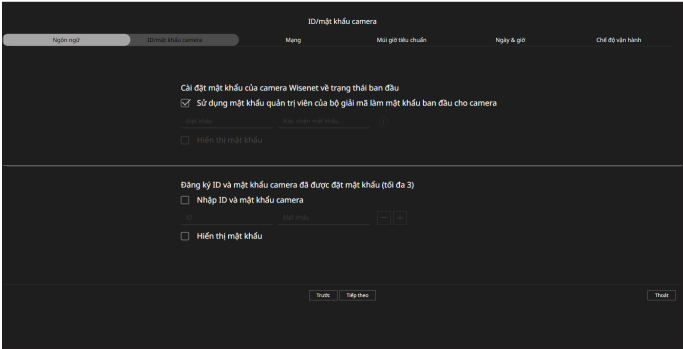
 ■ Khi bạn hoàn thành việc cài đặt trên bộ giải mã bằng trình hướng dẫn cài đặt, trình hướng dẫn cài đặt sẽ không xuất hiện trên trình xem web.

1. Trên màn hình <Ngôn ngữ>, chọn ngôn ngữ và nhấn nút <Tiếp theo>.



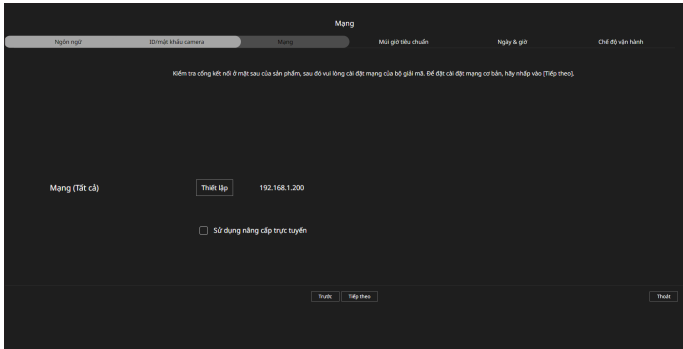
2. Đặt mật khẩu camera ở trạng thái cài đặt gốc mặc định trên màn hình <ID/Mật khẩu camera>.

Nếu camera đã được đặt ID/mật khẩu, hãy đăng ký ID/mật khẩu đó rồi nhấp vào <Tiếp theo>.



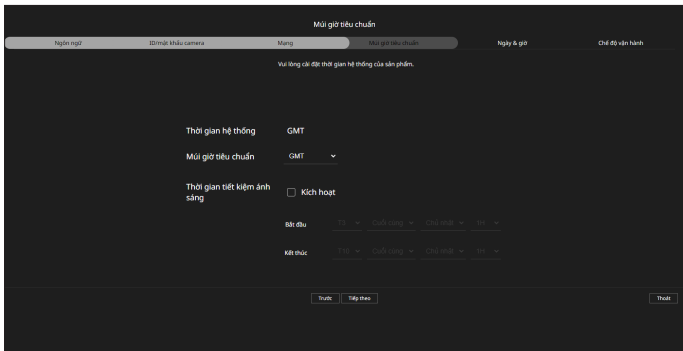
-  ■ Có thể thay đổi và quản lý mật khẩu cùng nhau khi mật khẩu ở trạng thái cài đặt gốc mặc định.
- Bạn có thể đăng ký tối đa 3 bộ ID camera với mật khẩu và đăng ký mật khẩu.
- Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc trong menu “**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**”.
- Bạn không thể thay đổi mật khẩu cho các camera được đăng ký bằng ONVIF và RTSP.

3. Đặt kiểu kết nối mạng và môi trường kết nối trên màn hình <Mạng>, sau đó nhấp vào nút <Tiếp theo>.



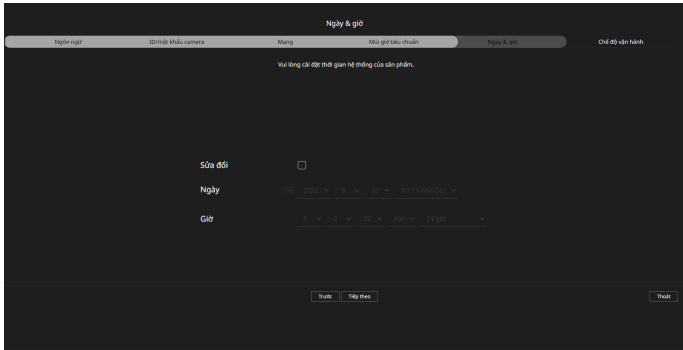
 ■ Để biết chi tiết về cài đặt mạng, hãy tham khảo trang "**Bắt đầu > Trình hướng dẫn cài đặt**".

4. Đặt giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày trên <Múi giờ tiêu chuẩn> và nhấp vào <Tiếp theo>.

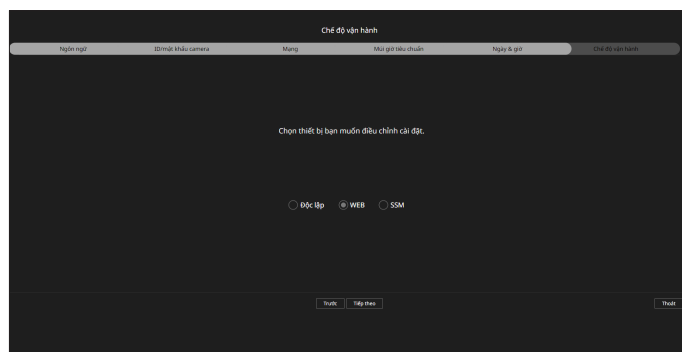


5. Chọn hộp kiểm <Sửa đổi> để thay đổi ngày và giờ trên màn hình <Ngày & Giờ>.

Cài đặt ngày và giờ, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>.



6. Chọn một chế độ vận hành có thể điều khiển bộ giải mã từ màn hình <**Chế độ vận hành**>.



- Độc lập: Có thể điều khiển giám sát Trực tiếp và các thay đổi cài đặt của camera trên bộ giải mã. Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong trình xem web.
- WEB: Chỉ có thể giám sát Trực tiếp camera trên bộ giải mã và yêu cầu trình xem web thay đổi cài đặt hoặc điều khiển.
- SSM: Bộ giải mã chỉ cho phép giám sát trực tiếp camera phù hợp và việc thay đổi cài đặt hoặc điều khiển chỉ khả dụng trong SSM.

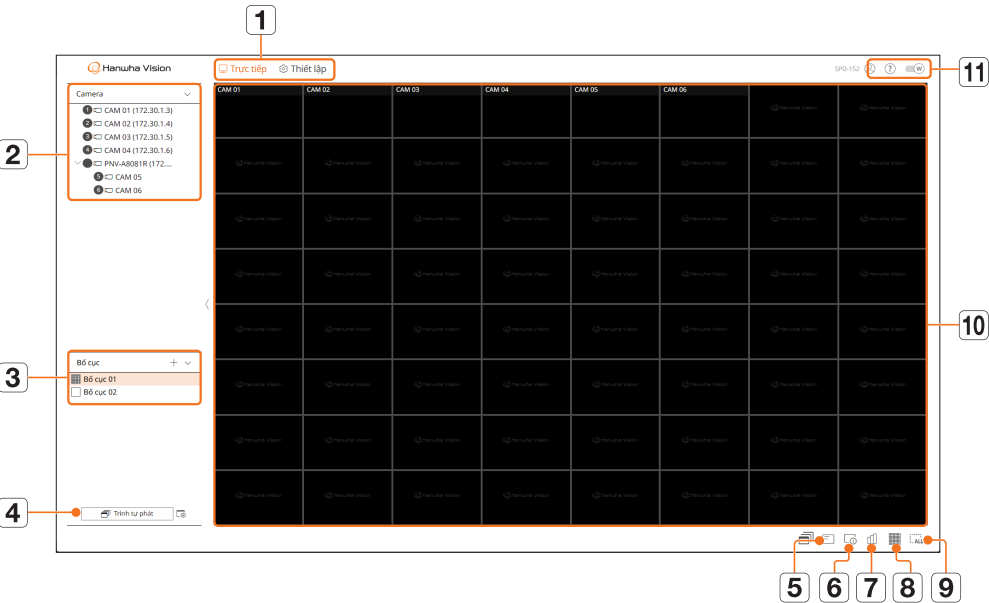
7. Nhấp vào nút <**Tiếp theo**> để hoàn thành trình hướng dẫn cài đặt.

trình xem trực tiếp

Trong trình xem trực tiếp, bạn có thể thay đổi trạng thái đăng ký camera, cài đặt bố cục và phát lại theo trình tự cũng như chế độ phân chia.

 ■ Bạn có thể kiểm tra cấu hình màn hình Trực tiếp sau đây khi nó ở chế độ vận hành <Độc lập>.

BỐ CỤC MÀN HÌNH CỦA TRÌNH XEM TRỰC TIẾP



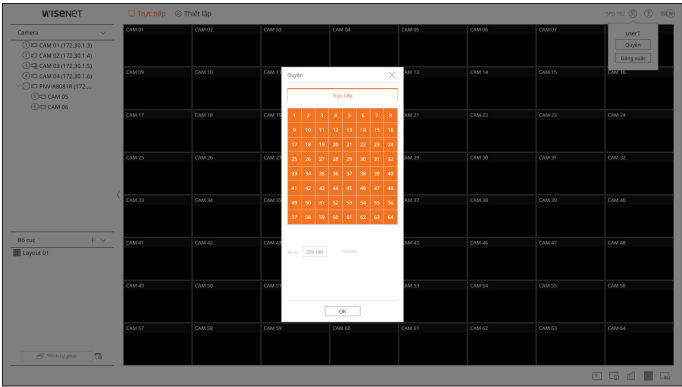
Tiêu đề menu	Chức năng
1	Menu
2	Danh sách Camera
3	Danh sách bố cục

Tiêu đề menu	Chức năng
4	Trình tự phát/Thiết lập
5	
6	Cửa sổ video
7	

Kiểm tra ID người dùng

Hiện thị ID người dùng và quyền hạn cho người dùng được kết nối với Trình xem web. Nhấp vào <Đăng xuất> để đăng xuất người dùng đã đăng nhập.

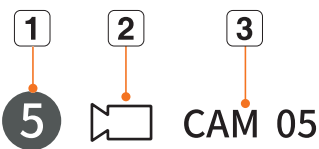
■ Nếu bạn đăng nhập bằng tài khoản quản trị viên, cửa sổ thiết lập quyền hạn sẽ không được hiển thị.



Kiểm tra danh sách camera

Hiển thị loại camera, trạng thái và tên đã đăng ký trong bộ giải mã.

Trực tiếp > Danh sách



Tên		Mô tả chức năng
1	Thông tin kênh	Hiển thị thông tin kênh. (số kênh, chỉ báo màu trên nhiệm vụ của sổ video).
2	Loại camera	Hiển thị camera bình thường.
	Trạng thái camera	Hiển thị trạng thái lỗi của camera.
3	Tên Camera	Hiển thị tên đặt cho camera.

- Nó sẽ bị tắt trong danh sách nếu xảy ra lỗi kết nối camera.
- Trạng thái camera hiển thị các thay đổi thông tin theo trạng thái và cài đặt kết nối mạng.
- Đối với các camera đa kênh được đăng ký với giao thức Wisenet, thông tin kênh sẽ được hiển thị dưới tên model của camera đa kênh.

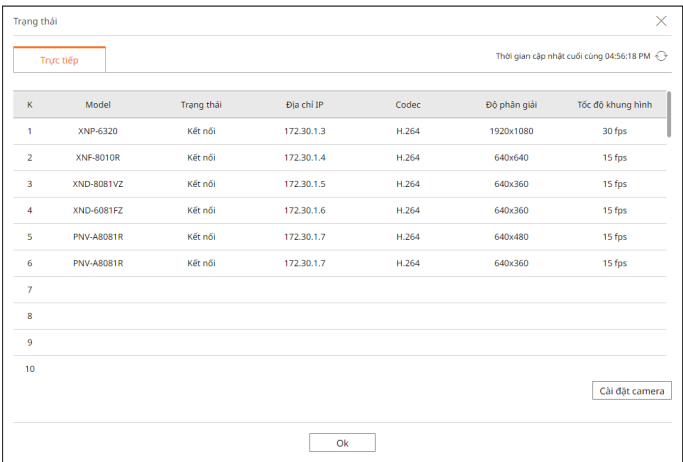
Kiểm tra trạng thái tất cả camera

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của tất cả các camera được kết nối với bộ giải mã.

Trạng thái trực tiếp

Nhấp vào <Trực tiếp>. Bạn có thể kiểm tra trạng thái và thông tin truyền của camera được kết nối với mỗi kênh.

- Để thay đổi thiết lập hồ sơ, hãy nhấp vào nút <Cài đặt camera>. Để biết chi tiết về cách thiết lập hồ sơ, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt Camera > Thiết lập hồ sơ" trong mục lục.



Thay đổi mẫu màn hình phân chia

Nhấp vào nút <Màn hình phân chia> và chọn màn hình phân chia mong muốn.

Màn hình phân chia đã chọn được áp dụng cho cửa sổ video.



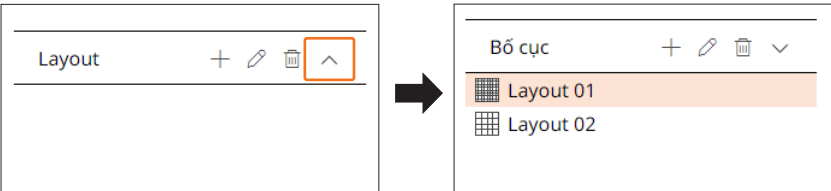
trình xem trực tiếp

THIẾT LẬP BỐ CỤC

Phần này trình bày cách chọn một loạt các kênh dựa trên mục đích/khả năng tiếp cận của chúng và theo dõi chúng trong một bố cục duy nhất.

Trực tiếp > Bố cục

Kiểm tra Danh sách bố cục



- +: Tạo một bố cục mới.
- ✎: Thay đổi kênh hoặc tên của bố cục.
- 🗑️: Xóa bố cục đã thêm.
- ^/∨: Mở hoặc đóng danh sách bố cục.

Thêm bố cục

1. Nhấp vào < + >.
2. Nhấp vào < 🗪 > để chọn chế độ phân chia.
3. Từ danh sách camera trên cửa sổ video, nhấp đúp hoặc kéo và thả kênh để hiển thị trong màn hình bố cục.
4. Nhấp vào < 📌 > để lưu bố cục đã đặt.

✎ ■ Mỗi bố cục sẽ được người dùng lưu riêng.

Thay đổi các tên bố cục

1. Nhấp vào < ✎ > sau khi chọn bố cục để thay đổi tên.
2. Nhấp vào < 📌 > sau khi thay đổi tên bố cục.

Thay đổi các kênh bố cục

1. Nhấp đúp để chọn một bố cục mà bạn muốn thay đổi kênh của nó.
2. Để xóa kênh, nhấp vào < X > được hiển thị ở trên cùng bên phải của màn hình kênh khi bạn di chuột qua.
3. Từ danh sách camera trên cửa sổ video, nhấp đúp hoặc kéo và thả camera mong muốn để thêm kênh.

Xóa bố cục

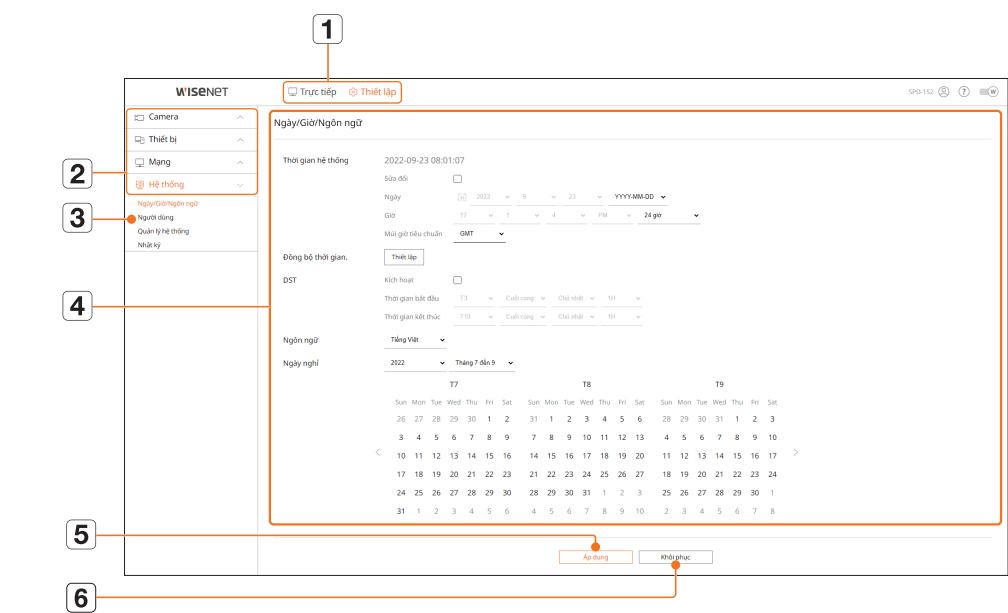
Nhấp vào < 🗑️ > sau khi chọn bố cục để xóa.

trình xem thiết lập

Bạn có thể cấu hình cài đặt bộ giải mã từ xa trên mạng.

- 
- Bạn có thể kiểm tra cấu hình màn hình trình xem đã đặt sau đây khi nó ở chế độ vận hành <WEB>.
 - Bạn chỉ có thể thay đổi thông tin tài khoản quản trị viên và chế độ vận hành trong <Độc lập>.

BỐ CỤC MÀN HÌNH CỦA TRÌNH XEM THIẾT LẬP



Tên		Chức năng
1	Menu	Nhấp vào từng menu để đi đến màn hình menu.
2	Danh sách menu hàng đầu	Cấu hình cài đặt hoặc chọn một mục chính để thay đổi cài đặt hiện có.
3	Danh sách menu phụ	Trong số các menu phụ của menu chính đã chọn, hãy chọn một mục mà bạn muốn đặt.
4	Menu chi tiết	Nhấp vào trường đầu vào của mục mà bạn muốn thay đổi và nhập giá trị mong muốn.
5	Áp dụng	Áp dụng các cài đặt đã sửa đổi.
6	Khôi phục	Khôi phục về cài đặt đã sử dụng trước khi thay đổi.

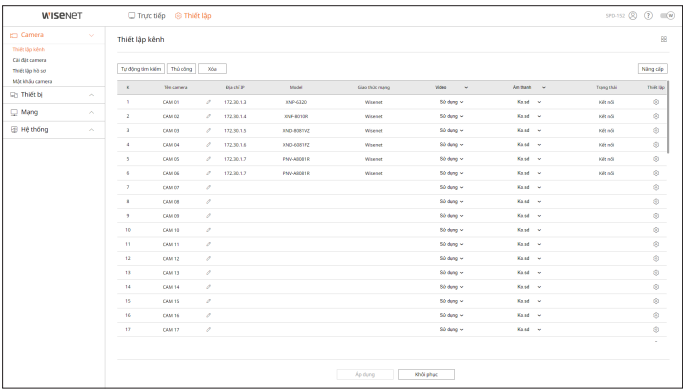
CÀI ĐẶT CAMERA

Bạn có thể tìm kiếm và đặt camera được kết nối với bộ giải mã.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt Camera**" trong mục lục.

Thiết lập kênh

Bạn có thể đăng ký một camera mạng cho từng kênh và tạo kết nối giữa chúng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh

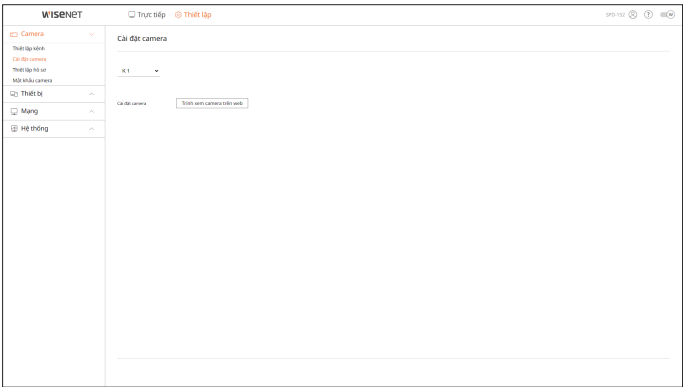


- Khi nhấp vào nút <Nâng cấp>, bạn có thể kiểm tra phiên bản, phiên bản nâng cấp, trạng thái của camera và thực hiện nâng cấp.

Cài đặt camera

Bạn có thể thay đổi cài đặt video của camera mạng đã đăng ký cho từng kênh bằng cách kết nối với trình xem camera trên web.

Thiết lập > Camera > Cài đặt camera

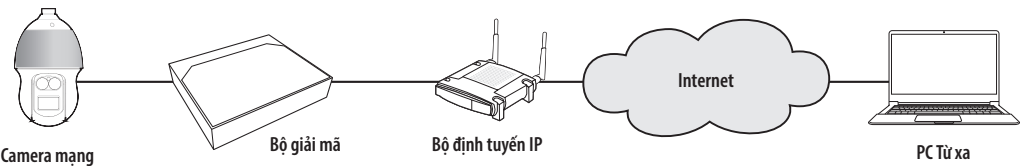


trình xem thiết lập

- Khi bạn nhấp vào nút <**Trình xem camera trên web**>, một cửa sổ trình duyệt web mới của camera sẽ chạy.
 - Việc này không được hỗ trợ nếu camera được kết nối với giao thức RTSP.
 - Việc này không được hỗ trợ nếu camera được kết nối với DDNS hoặc một URL.
 - Nó hỗ trợ phiên bản được chỉ định dưới đây hoặc phiên bản mới hơn cho mỗi camera dòng Q/P/X.
(Dòng QND-7010R: 1.04, Dòng QND-7080R: 1.02, Dòng QND-6010R: 1.02, Dòng QND-6070R: 1.01, Dòng P: 1.01)
 - Khi bạn đang kết nối với trang web camera trên một mạng khép kín, camera không hỗ trợ web toàn cầu sẽ không thể xuất hình ảnh.
 - Cài đặt mặc định của cổng proxy camera được đặt tự động theo trình tự với số lượng kênh bằng số kênh được bộ giải mã hỗ trợ. Nếu bạn muốn thay đổi cổng proxy, hãy chọn menu thiết lập cổng.
 - 4 kênh (10001-10004), 8 kênh (10001-10008), 16 kênh (10001-10016), 32 kênh (10001-10032), 64 kênh (10001-10064)

Ví dụ: Giá trị mặc định của cổng proxy camera cho từng sản phẩm

- Model 4 kênh: 10001--10004
- Model 8 kênh: 10001--10008
- Model 16 kênh: 10001--10016
- Model 32 kênh: 10001--10032
- Model 64 kênh: 10001--10064
 - Khi kết nối bên ngoài mạng khép kín như trong hình, bắt buộc phải cài đặt chuyển tiếp cổng của cổng proxy camera cho bộ định tuyến.



- Nếu bên trong mạng khép kín có nhiều bộ giải mã, cần đặt mỗi cổng proxy bằng một cổng khác nhau.
- Nếu bật DDNS và Kết nối nhanh, hệ thống sẽ tự động đặt chuyển tiếp cổng.
- Hỗ trợ các trình duyệt Chrome, Edge và Safari (Mac OS).

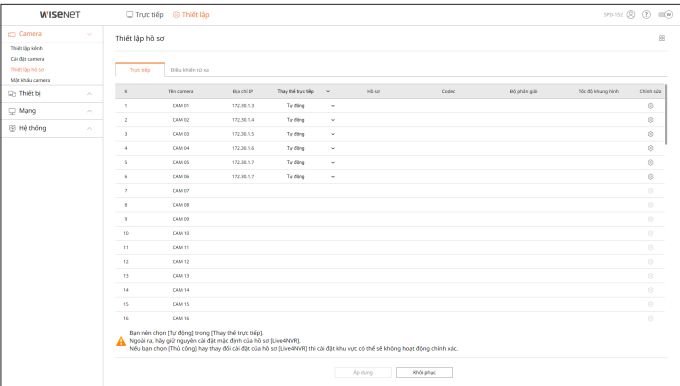
Thiết lập hồ sơ

Bạn có thể đặt hồ sơ cho một camera mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ

Trực tiếp

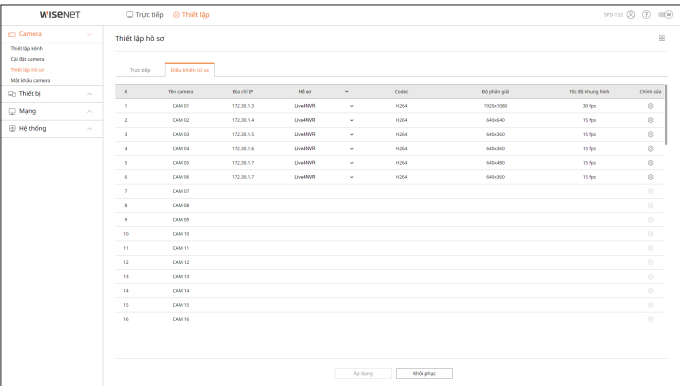
Bạn có thể thay đổi cài đặt truyền trực tiếp của camera mạng.



- Nhấp vào <🔗> để kết nối với trình xem camera trên web và thay đổi cài đặt.

Điều khiển từ xa

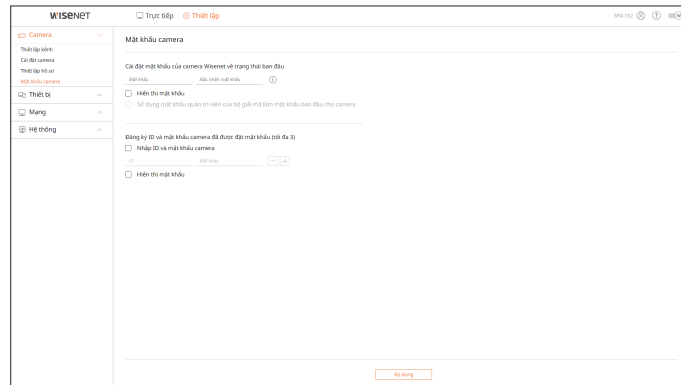
Bạn có thể đặt hồ sơ video được truyền tới mạng và màn hình phụ.



Thiết lập mật khẩu camera

Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả các camera đã đăng ký cùng lúc.

Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera



CÀI ĐẶT THIẾT BỊ

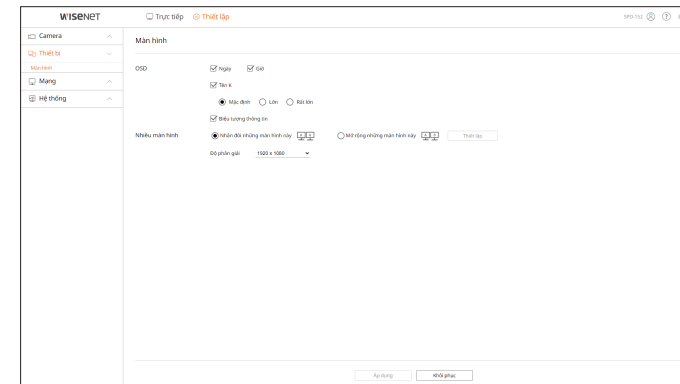
Có thể thực hiện cài đặt chi tiết liên quan đến màn hình.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị**" trong mục lục.

Màn hình

Bạn có thể đặt thông tin hiển thị trên màn hình, vị trí thông tin cũng như phương thức đầu ra video.

Thiết lập > Thiết bị > Màn hình



- Nếu màn hình không hoạt động bình thường, hãy xem "**Khắc phục sự cố (Câu hỏi thường gặp)**" trong Phụ lục.
- Bạn có thể đặt màn hình được kết nối với bộ giải mã trong Thiết lập màn hình.
- Màn hình mở rộng sẽ không hiển thị video có độ phân giải vượt quá 1080p.

trình xem thiết lập

CÀI ĐẶT MẠNG

Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt mạng**" trong mục lục.

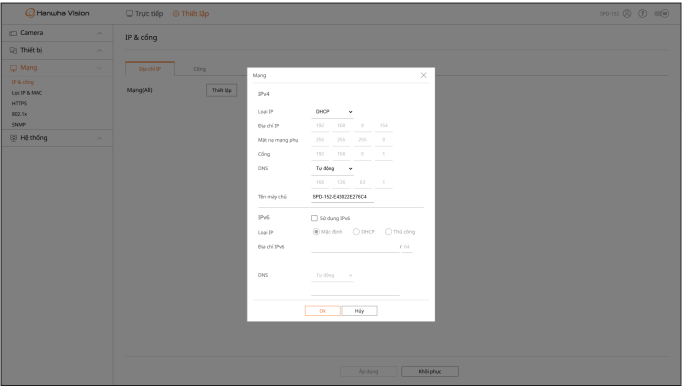
IP & Cổng

Người dùng từ xa có thể truy cập bộ giải mã qua mạng để kiểm tra chế độ hiện tại và địa chỉ IP.

Thiết lập > Mạng > IP & Cổng

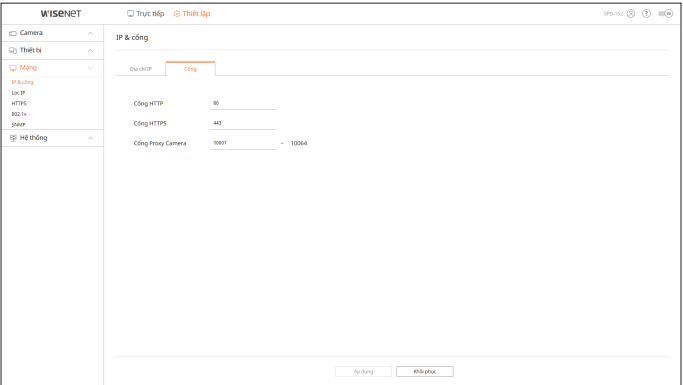
Địa chỉ IP

Chỉ định đường dẫn kết nối mạng.



Cổng

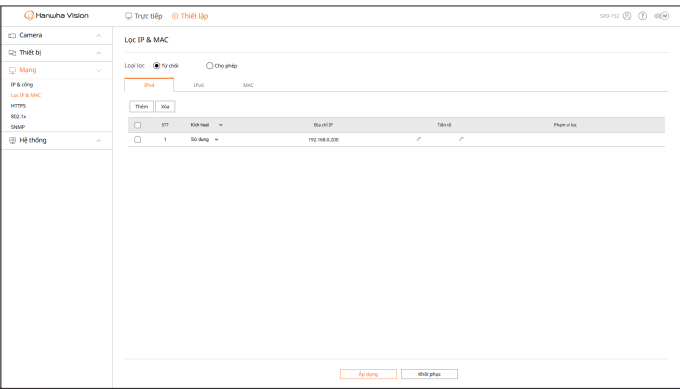
Bạn có thể cấu hình các cài đặt liên quan đến giao thức.



Lọc IP & MAC

Bạn có thể chuẩn bị danh sách để cho phép hoặc từ chối truy cập vào một địa chỉ IP hoặc MAC cụ thể.

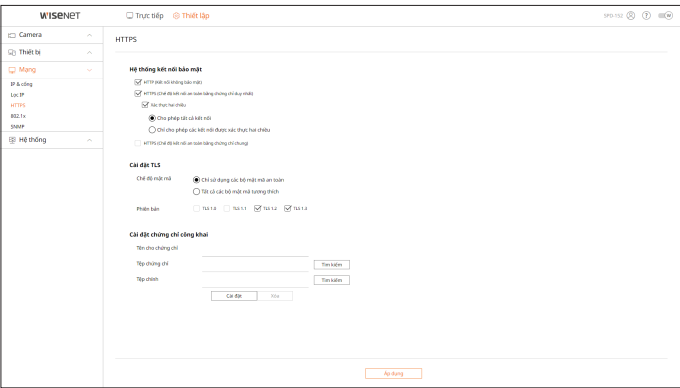
Thiết lập > Mạng > Lọc IP & MAC



HTTPS

Bạn có thể chọn hệ thống kết nối bảo mật hoặc cài đặt các chứng chỉ công khai.

Thiết lập > Mạng > HTTPS

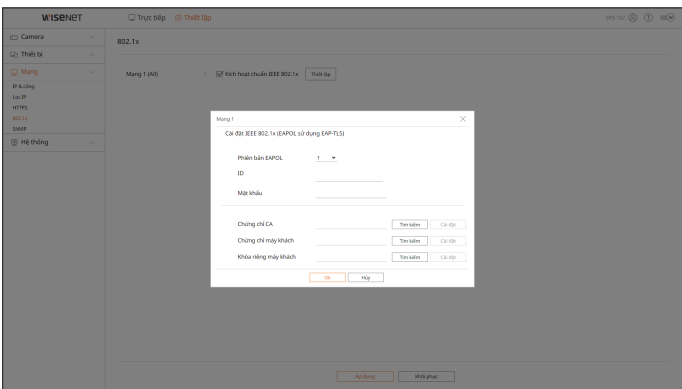


- Trong khi bật HTTPS, nếu bạn muốn chuyển sang HTTP thì có thể xảy ra các hoạt động bất thường do trình duyệt đang lưu các giá trị cài đặt. Bạn cần thay đổi URL thành HTTP và kết nối lại hoặc khởi tạo cài đặt cookie của trình duyệt để hoạt động bình thường.

802.1x

Khi kết nối với một mạng, bạn có thể chọn sử dụng hoặc không sử dụng giao thức 802.1x và cài đặt chúng chỉ.

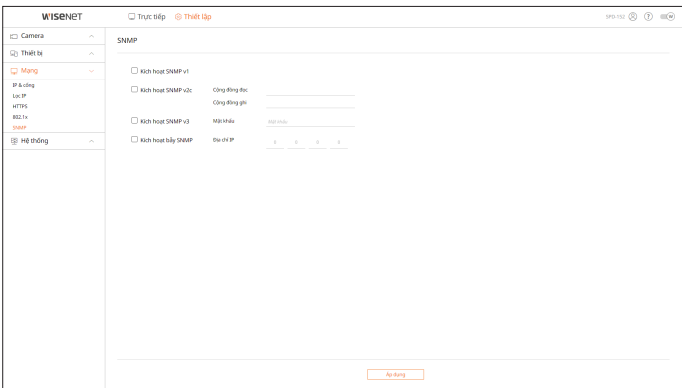
Thiết lập > Mạng > 802.1x



SNMP

Khi sử dụng giao thức SNMP, quản trị viên hệ thống hoặc mạng có thể giám sát từ xa các thiết bị mạng và thiết lập môi trường.

Thiết lập > Mạng > SNMP



CÀI ĐẶT HỆ THỐNG

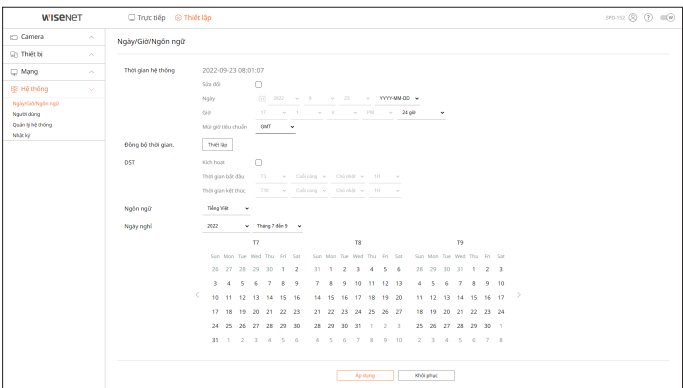
Bạn có thể cấu hình các cài đặt khác nhau của hệ thống bộ giải mã.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang **"Thiết lập > Cài đặt hệ thống"** trong mục lục.

Ngày/Giờ/Ngôn ngữ

Bạn có thể kiểm tra và thiết lập các thuộc tính liên quan đến Ngày/Giờ và thời gian hiện tại, cũng như ngôn ngữ được sử dụng cho giao diện trên màn hình.

Thiết lập > Hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ



Thời gian hệ thống

Đặt ngày và giờ.

Đồng bộ thời gian.

Đặt đồng bộ hóa thời gian..

DST

Giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày (DST) quy ước chỉnh đồng hồ tăng thêm một giờ so với múi giờ địa phương tiêu chuẩn.

Ngôn ngữ

Chọn ngôn ngữ sẽ hiển thị trên bộ giải mã.

Ngày nghỉ

Tùy thuộc vào sở thích riêng, người dùng có thể chọn các ngày cụ thể làm ngày nghỉ.

trình xem thiết lập

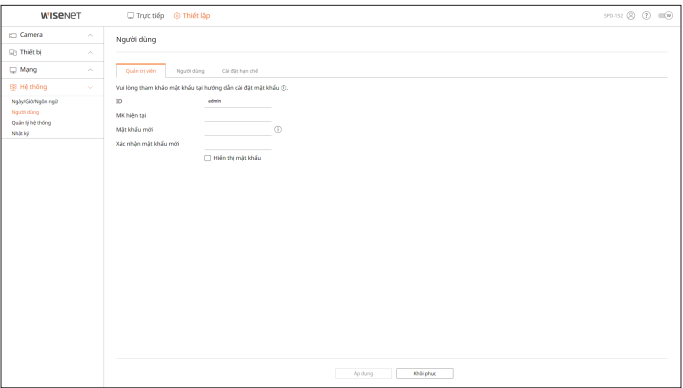
Người dùng

Bạn có thể quản lý người dùng, chẳng hạn bằng cách thêm hoặc xóa người dùng và cấp quyền hạn khác nhau cho mỗi người dùng.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng

Quản trị viên

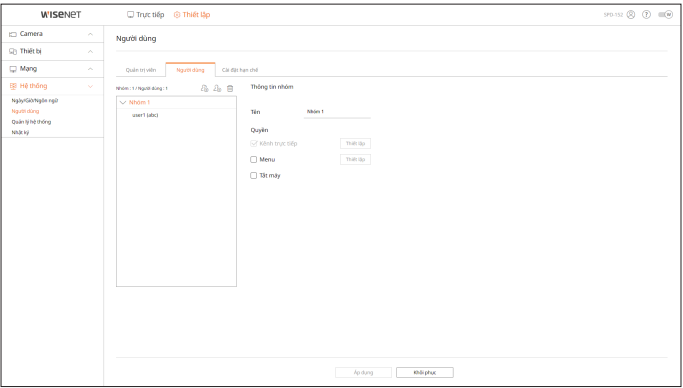
Bạn có thể thay đổi ID quản trị viên hoặc mật khẩu.



- ID chỉ cho phép các ký tự bao gồm chữ và số.
- Bạn sẽ không thể thay đổi ID nếu truy cập bằng ID người dùng thay vì ID quản trị viên.
- Bạn sẽ tự động bị đăng xuất nếu thay đổi ID đang sử dụng.

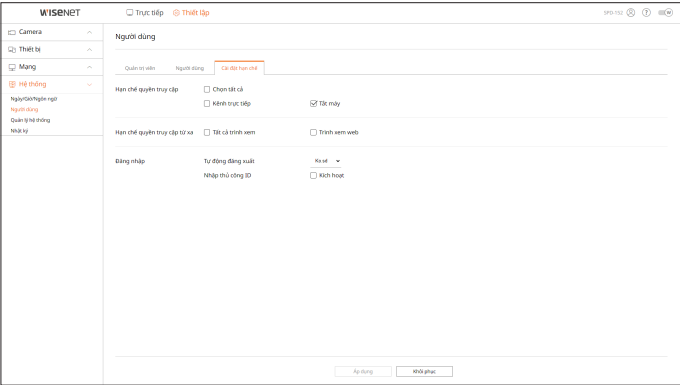
Người dùng

Bạn có thể thêm, thay đổi hoặc xóa một hoặc nhiều người dùng.



Cài đặt hạn chế

Bạn có thể đặt quyền của người dùng.



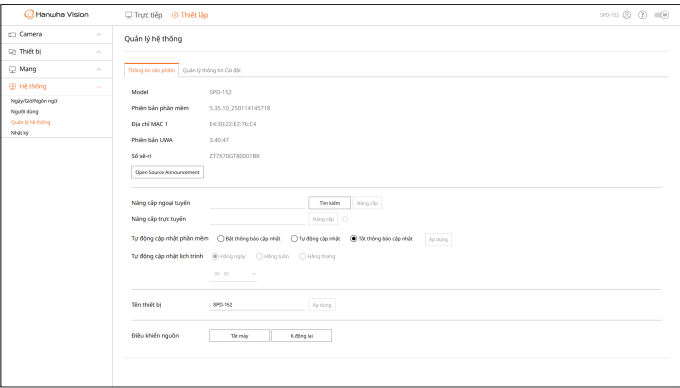
Quản lý hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản hệ thống hiện tại và cập nhật nó lên phiên bản mới, xuất dữ liệu, đặt lại cài đặt và hơn thế nữa.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống

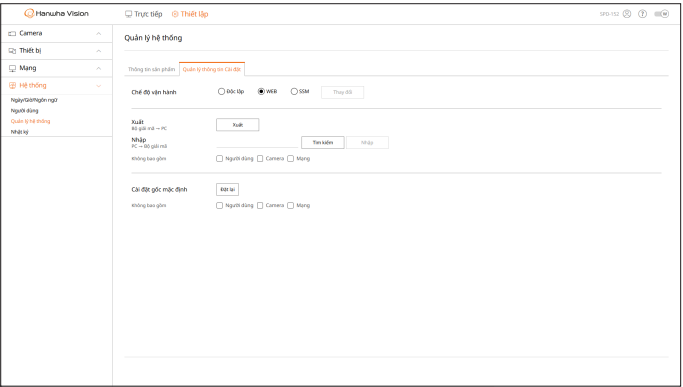
Thông tin sản phẩm

Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm hiện tại và địa chỉ MAC trước khi tiếp tục nâng cấp phần mềm.



Quản lý thông tin Cài đặt

Bạn có thể đặt chế độ vận hành để điều khiển bộ giải mã. Ngoài ra, bạn có thể áp dụng các cài đặt đang sử dụng cho các bộ giải mã khác hoặc khởi tạo sản phẩm. Các mục trong danh mục <**Không bao gồm**> được loại trừ khỏi quá trình khởi tạo.



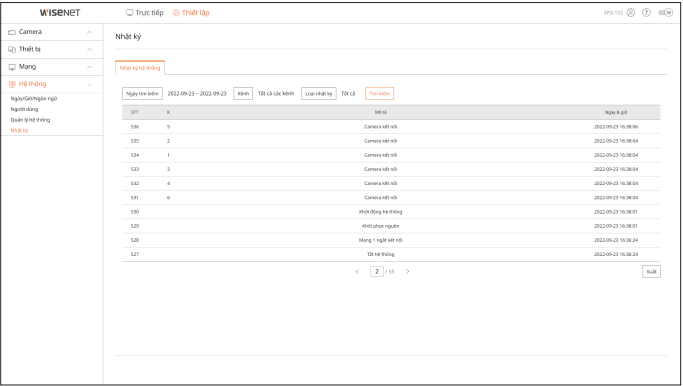
Nhật ký

Bạn có thể kiểm tra thông tin nhật ký liên quan đến hệ thống.

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký

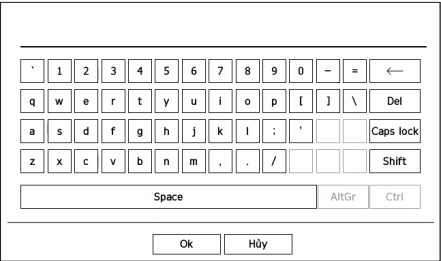
Nhật ký hệ thống

Nhật ký hệ thống hiển thị nhật ký và dấu thời gian ở mọi lần khởi động hệ thống, tắt hệ thống và thay đổi cài đặt hệ thống.



phụ lục

SỬ DỤNG BÀN PHÍM ẢO



1. Cửa sổ bàn phím ảo sẽ xuất hiện khi bạn nhập thông tin đầu vào bao gồm chữ và số.

2. Dùng chuột nhấp vào tab ký tự mong muốn.

3. Chọn **<Ok>**.

Các từ nhập sẽ được áp dụng.

- Nếu bạn muốn nhập chữ hoa và các ký tự đặc biệt, hãy chọn **<Caps lock>** hoặc **<Shift>**.
- Cách sử dụng bàn phím ảo cũng giống như cách sử dụng bàn phím thông thường ở vùng của bạn.
- ID của bạn có thể chứa kết hợp bảng chữ cái bao gồm chữ hoa và chữ thường và số.
- Nếu mật khẩu có độ dài 8 đến 9 chữ số, bạn có thể kết hợp ít nhất ba loại ký tự khác nhau sau đây: bảng chữ cái bao gồm chữ hoa và chữ thường, số và các ký tự đặc biệt.
- Nếu mật khẩu có độ dài 10 chữ số trở lên, bạn có thể kết hợp ít nhất hai loại ký tự khác nhau sau đây: bảng chữ cái chữ hoa/chữ thường, số và các ký tự đặc biệt.

KHẮC PHỤC SỰ CỐ (CÂU HỎI THƯỜNG GẶP)

Vấn đề	Hành động
Video trực tiếp bị chậm hoặc bị cắt.	- Số khung hình được đặt cho nhiều truyền tải dữ liệu đặt trong camera hoặc môi trường mạng có thể khác với tốc độ truyền thực tế. Nhấp vào <🔍> ở cuối màn hình để kiểm tra số khung hình đến trên mỗi kênh và số khung hình thực tế đã phát. Khi bạn đăng ký một camera, hồ sơ Live4NVR sẽ được tạo theo mặc định. Nếu cần, đi tới "Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Chính sửa" và thay đổi số lượng khung hình. - Nếu tiếp tục thấy video bị chậm hoặc bị cắt, hãy kiểm tra môi trường mạng hoặc tình trạng camera.
Hệ thống không bật và chỉ báo trên bảng mặt trước hoàn toàn không hoạt động.	- Kiểm tra xem hệ thống cung cấp điện có được kết nối đúng cách không. - Kiểm tra hệ thống để xem điện áp đầu vào từ nguồn điện. - Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn kể cả khi bạn đã thực hiện các hành động trên, hãy kiểm tra bộ nguồn và thay thế bằng bộ nguồn mới.
Đầu vào video bình thường nhưng video của một số kênh không hiển thị đúng hoặc hiển thị bất thường (ví dụ: màn hình đen, màn hình Đen/Trắng).	- Kiểm tra xem camera có được cấp nguồn đúng cách hay không. - Kiểm tra trạng thái của cáp kết nối với camera và kết nối lại sau khi thay thế nó hoặc ngắt kết nối. - Kiểm tra đầu ra video kết nối trình xem Web của camera. - Kiểm tra xem cổng mạng có được kết nối đúng cách và cài đặt mạng đã được đặt đúng hay không. - Thay đổi hub kết nối với mạng thành hub hỗ trợ Gigabit có thể giải quyết vấn đề này.
Màn hình tiếp tục hiển thị hình ảnh logo.	Điều này có thể xảy ra do bảng mạch chính có vấn đề hoặc phần mềm liên quan bị hỏng. Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để biết thêm thông tin.
Màn hình của thiết bị màn hình được kết nối không hiển thị hoặc hiển thị bất thường.	- Kiểm tra xem các cáp cần thiết có được kết nối đúng cách với màn hình hay không. - Một số màn hình không hỗ trợ đầu ra của bộ giải mã (HDMI1 hoặc HDMI2). Kiểm tra độ phân giải của màn hình. - HDMI1: 3840x2160(30 Hz), 1080P, 720P, 1280x1024 - HDMI2: 1920x1080, 1280x720, 1280x1024, 1024x768 - Tháo cáp màn hình được kết nối với bộ giải mã và kết nối lại.
Không có phản hồi về điều khiển PTZ trong màn hình trực tiếp.	Kiểm tra xem camera đã đăng ký có hỗ trợ chức năng PTZ hay không.
Camera không được kết nối hoặc PC không kết nối được với sản phẩm.	- Kiểm tra xem cáp mạng có được kết nối đúng cách không. - Đảm bảo rằng bạn đã đặt Chế độ Mạng - Chế độ kết nối. - Kiểm tra cài đặt IP của PC hoặc camera. - Thử Kiểm tra Ping. - Kiểm tra xem có một thiết bị khác gần sản phẩm sử dụng IP giống thế hay không.
Hình ảnh camera đầu vào quá sáng hoặc quá tối.	Kiểm tra cài đặt camera đã đăng ký trong "Thiết lập > Camera > Cài đặt camera".

Vấn đề	Hành động
Cửa sổ thiết lập thời gian sẽ bật lên.	Thông báo này được hiển thị nếu cài đặt thời gian của đồng hồ bên trong có vấn đề hoặc đồng hồ bên trong bộ giải mã bị lỗi. Liên hệ với nhà bán lẻ hoặc trung tâm dịch vụ để biết thêm thông tin.
Tôi đã kết nối một thiết bị lưu trữ bên ngoài (Bộ nhớ USB) với bộ giải mã nhưng không thấy kết quả kết nối.	Nếu không phát hiện phương tiện bộ nhớ ngoài được kết nối, hãy thử định dạng nó và kiểm tra lại trên menu "Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Quản lý thông tin Cài đặt".
Tôi thấy khó cấu hình cài đặt mạng khi sử dụng bộ định tuyến.	- Nếu bạn sử dụng bộ định tuyến cho kết nối mạng, hãy tham khảo phần “Kết nối với mạng bằng bộ định tuyến” trong Hướng dẫn nhanh. - Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.
Tôi đã quên mật khẩu.	Hãy liên hệ với người quản lý cài đặt bộ giải mã để được trợ giúp.

